

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Mai Trung Hiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG ĐÌNH LÀNG
TẠI XÃ THANH SƠN, TỈNH NINH BÌNH

Mã sinh viên: 2652490033

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

Mai Trung Hiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG ĐÌNH LÀNG
TẠI XÃ THANH SƠN, TỈNH NINH BÌNH

Mã sinh viên: 2652490033

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý

Giảng viên hướng dẫn: TS. Đinh Văn Viễn

NINH BÌNH, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những kết quả trong đề tài khóa luận: “Nghiên cứu hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình” là quá trình nghiên cứu tìm hiểu của cá nhân tôi, tôi xin đảm bảo rằng tôi không sao chép ở bất cứ tài liệu tương tự mà tất cả được trình bày dựa trên là quan điểm của cá nhân tôi trong quá trình nghiên cứu, những nguồn tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ cụ thể, rõ ràng và được trích dẫn đúng theo quy định. Nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026.

Sinh viên

Mai Trung Hiếu

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ tên người hướng dẫn: T.S Đinh Văn Viễn
2. Đơn vị: Khoa Văn hóa - Du lịch
3. Họ và tên sinh viên: Mai Trung Hiếu
4. Mã sinh viên: 2652490033
5. Khoa: Sư phạm Trung học
6. Tên đề tài khóa luận: Nghiên cứu hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Tôi xác nhận rằng tôi đã trực tiếp hướng dẫn sinh viên Mai Trung Hiếu thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồng ý cho sinh viên Mai Trung Hiếu được phép bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học mà sinh viên đã thực hiện!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Người hướng dẫn

Đinh Văn Viễn

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Số lượng và sự phân bố của đình làng Thanh Sơn.....	28
Bảng 2.2: Hệ thống đình làng và các vị thần được thờ cúng tại đình làng tại xã Thanh sơn	30
Bảng 2.3: Phân loại di tích đình làng xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia và di tích chưa được xếp hạng tại xã Thanh Sơn	33

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn	6
7. Cấu trúc nội dung khóa luận	7
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	8
1.1. Một số vấn đề lý luận chung	8
1.1.1. Nguồn gốc ra đời đình làng.....	8
1.1.2. Chức năng	9
1.1.3. Tiêu chí.....	13
1.1.4. Vai trò	14
1.2. Khái quát về xã Thanh Sơn.....	15
1.2.1. Vị trí địa lý	15
1.2.2. Điều kiện tự nhiên.....	16
1.2.3. Dân cư	17
1.2.4. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	17
1.2.5. Khái quát lịch sử, truyền thống	22
Tiểu kết chương 1:.....	27
CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG ĐÌNH LÀNG TẠI XÃ THANH SƠN.....	28
2.1. Khái quát hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn.....	28
2.1.1. Số lượng, phân bố, phân loại	28
2.1.2. Các vị thành hoàng được thờ trong đình làng xã Thanh Sơn	29
2.1.3. Phân loại đình làng tại xã Thanh Sơn	33
2.2. Cảnh quan địa lí, kiến trúc, điêu khắc của đình làng tại xã Thanh Sơn	34
2.2.1. Cảnh quan địa lý	34
2.2.2. Kiến trúc.....	35
2.2.3. Điêu khắc	39
2.3. Một số đình làng tiêu biểu tại xã Thanh Sơn	40
2.3.1. Đình Hàng Xã	40
2.3.2. Đình Lão Cầu	44
2.3.3. Đình làng Ác	50
2.3.4. Đình làng Yên Chỉ.....	54
2.3.5. Đình làng Vân Trung.....	60
Tiểu kết chương 2	66
CHƯƠNG 3. GIÁ TRỊ VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ HỆ THỐNG ĐÌNH LÀNG TẠI XÃ THANH SƠN	68
3.1. Giá trị của hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn	68

3.1.1. Giá trị lịch sử.....	68
3.1.2. Giá trị văn hóa tâm linh.....	70
3.1.3. Giá trị giáo dục truyền thống	71
3.2. Thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn	72
3.2.1. Ưu điểm.....	72
3.2.2. Hạn chế.....	74
3.3. Một số giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn.....	75
3.3.1. Giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng	75
3.3.2. Tu bổ, tôn tạo, bảo tồn các di tích đình làng.....	77
3.3.3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp các ngành	79
Tiểu kết chương 3:.....	80
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85
PHỤ LỤC: MỘT SỐ HÌNH ẢNH ĐÌNH LÀNG TẠI XÃ THANH SƠN	88

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong dòng chảy lịch sử lâu dài của dân tộc, làng quê Việt Nam hiện lên không chỉ với ruộng đồng bát ngát, tiếng trống hội mùa, mà còn với hình ảnh những mái đình rêu phong – biểu tượng thiêng liêng của đời sống cộng đồng. Đình làng từ bao đời nay đã gắn bó mật thiết với mỗi người dân, trở thành nơi gửi gắm niềm tin, sự tự hào và tình yêu quê hương. Mỗi khi nhắc đến làng quê, bên cạnh cây đa, giếng nước thì mái đình đã trở thành ký ức quen thuộc, khơi gợi nỗi nhớ trong lòng những người con xa xứ.

Đình làng không chỉ là nơi thờ Thành hoàng mà đình làng còn là trung tâm sinh hoạt cộng đồng, nơi hội tụ tình làng nghĩa xóm qua những lễ hội, phong tục, hương ước. Ở đó, người dân không chỉ bày tỏ lòng tôn kính với tiền nhân, mà còn gửi gắm khát vọng về sự bình yên, no ấm, phồn thịnh. Bởi vậy, đình làng không chỉ mang giá trị tín ngưỡng, mà còn là một thiết chế văn hóa đặc trưng, phản chiếu rõ nét đời sống tinh thần và bản sắc văn hóa Việt Nam truyền thống.

Đình làng từ lâu đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước, đặc biệt là ở vùng đồng bằng Bắc Bộ – cái nôi của văn hóa làng xã Việt Nam.

Xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình là một vùng quê giàu truyền thống văn hóa, có bề dày lịch sử và đời sống tâm linh phong phú. Trên địa bàn xã hiện còn lưu giữ nhiều ngôi đình cổ với giá trị đặc sắc cả về kiến trúc, nghệ thuật chạm khắc, cũng như về tín ngưỡng và phong tục tập quán của cư dân địa phương. Mỗi ngôi đình đều mang trong mình câu chuyện riêng về quá trình hình thành làng xã, về các vị thần được thờ phụng, và về nếp sống, phong tục của người dân qua từng thời kỳ. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu và quảng bá giá trị của các đình làng tại Thanh Sơn vẫn còn hạn chế, chưa có công trình nào đi sâu tìm hiểu một cách toàn diện và có hệ thống.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi lựa chọn đề tài: “Nghiên cứu hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình” làm hướng nghiên cứu. Qua công trình này, mong muốn góp phần làm rõ những giá trị văn hóa – lịch sử đặc sắc của đình làng Thanh Sơn, đồng thời khơi dậy ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy di sản truyền thống trong thế hệ trẻ hôm nay.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Các công trình nghiên cứu về đình làng Việt Nam

Đình làng là một thiết chế văn hóa – xã hội đặc thù của làng Việt cổ truyền, được nhiều học giả nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau như: văn hóa dân gian, kiến trúc nghệ thuật, điêu khắc, tôn giáo – tín ngưỡng, khảo cổ học và dân tộc học.

Bùi Xuân Đính (1985) trong công trình *“Lệ làng, phép nước”* (NXB Khoa học Xã hội) phân tích sâu mối quan hệ giữa luật tục làng xã và pháp luật nhà nước, chỉ ra sự đan xen giữa yếu tố tự trị cộng đồng và sự quản lý của triều đình. Những nhận định này giúp làm sáng tỏ vai trò xã hội – pháp lý của đình làng trong thiết chế tự quản truyền thống.

Lê Đức Tiết (1998) với tác phẩm *“Hương ước lệ làng”* (NXB Chính trị Quốc gia) nhấn mạnh giá trị tích cực của hương ước trong việc điều chỉnh quan hệ cộng đồng làng xã, phản ánh sinh động quá trình biến đổi của đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa nông thôn Việt Nam. Tác phẩm cung cấp cơ sở lý luận để nghiên cứu chức năng quản trị cộng đồng của đình làng Thanh Sơn trong quá khứ.

Nguyễn Mạnh Thường (1999) với công trình *“Đình, chùa, lăng tẩm nổi tiếng ở Việt Nam”* (NXB Văn hóa Thông tin) giới thiệu hệ thống các công trình kiến trúc cổ có giá trị nghệ thuật và lịch sử trên phạm vi cả nước, trong đó có nhiều ngôi đình tiêu biểu. Đây là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng về phong cách kiến trúc, nghệ thuật trang trí và đặc điểm không gian của các đình làng Việt Nam, giúp đối chiếu, so sánh khi nghiên cứu hệ thống đình làng xã Thanh Sơn.

Nguyễn Quang Ngọc (2009) trong *“Một số vấn đề làng xã Việt Nam”* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội) khái quát diện mạo làng xã cổ truyền với đời sống vật chất, tinh thần và cấu trúc xã hội đặc trưng. Tư liệu này giúp nhận diện vai trò của đình làng như trung tâm sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng, nơi kết tinh bản sắc và truyền thống làng Việt.

Phan Xuân Thành (2002) với công trình *“Đình Võ Liệt trong bối cảnh đình làng Nghệ An”* (Viện khảo cổ học) miêu tả đặc trưng kiến trúc đình Võ Liệt và một số đình tiêu biểu ở Nghệ An. Tìm hiểu công năng kiến trúc đình làng và sự chuyển hóa về chức năng về ngôi đình, đề xuất phương án bảo vệ trùng tu trong sự nghiệp đổi mới ngày nay. Đây cũng là một nguồn tư liệu tham khảo quan

trọng về quá trình mô tả đình làng Nghệ An, giúp đối chiếu và so sánh khi nghiên cứu về hệ thống đình làng xã Thanh Sơn.

Nguyễn Phương Loan (2017) trong Luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hóa: *“Quản lý di tích lịch sử - văn hóa đình – đền Kim Liên, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”* (Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương) tập trung khảo sát thực trạng công tác quản lý di tích đình – đền Kim Liên, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý và phát huy giá trị di tích trong đời sống đương đại. Ngoài ra Thành hoàng làng tại đền Kim Liên có nguồn gốc từ Thành hoàng làng tại đình Lão Cầu, xã Thanh Sơn. Đây là nguồn tài liệu tham khảo cho nghiên cứu đình làng ở xã Thanh Sơn.

Nguyễn Anh Tuấn (1996) trong luận văn thạc sĩ *“Cụm đình Tam Canh trong hệ thống đình làng Vĩnh Phú”* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội) nghiên cứu về cảnh quan di tích và những vị thần tại đình Tam Canh, kết cấu kiến trúc và nghệ thuật chạm khắc. Đây là nguồn tư liệu tham khảo về cảnh quan địa lý và kiến trúc nghệ thuật tại các đình Vĩnh Phú, từ đó giúp đối chiếu và so sánh cảnh quan địa lý và kiến trúc chạm khắc tại các đình xã Thanh Sơn.

2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến di tích và văn hóa tỉnh Ninh Bình, đình làng ở xã Thanh Sơn

Tại địa bàn Ninh Bình, nhiều công trình đã khảo cứu về di sản văn hóa, trong đó có những tư liệu có thể vận dụng vào nghiên cứu hệ thống đình làng xã Thanh Sơn.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nho Quan (2005) trong *“Lịch sử Đảng bộ huyện Nho Quan (1930 – 2010)”* trình bày tiến trình cách mạng và đời sống xã hội của huyện. Mặc dù không nghiên cứu trực tiếp về di tích, song tư liệu lịch sử trong tác phẩm giúp đối chiếu bối cảnh hình thành và biến đổi của các đình làng trong thời kỳ kháng chiến và xây dựng.

Lã Đăng Bật (2007) với *“Chùa Ninh Bình”* (NXB Văn hóa Thông tin) giới thiệu các ngôi chùa tiêu biểu trong toàn tỉnh, đặc biệt tại Trường Yên – vùng trung tâm của Cố đô Hoa Lư. Tác phẩm này cung cấp bức tranh chung về không gian tín ngưỡng Ninh Bình, trong đó các đình làng cũng là một phần cấu thành quan trọng của đời sống tôn giáo địa phương.

Lã Đăng Bật, Nguyễn Thị Kim Khánh, (2010), *Nho Quan miền đất cổ*, (Văn hóa thông tin) Giới thiệu về tên gọi, lịch sử, địa lí tự nhiên, dân cư, tôn giáo của vùng đất Nho Quan (tỉnh Ninh Bình); các di tích và danh thắng của

huyện Nho Quan; các danh nhân tiêu biểu của huyện, nghề và các làng nghề truyền thống; lễ hội và tín ngưỡng dân gian. Đây cũng là tài liệu tham khảo quan trọng để so sánh, đối chiếu khi nghiên cứu về hệ thống đình làng xã Thanh Sơn.

Đỗ Danh Gia – Hoàng Linh (2010) trong *“Địa danh ở tỉnh Ninh Bình”* (NXB Thanh niên) khảo cứu rộng rãi về các địa danh làng, xã, phủ, huyện cùng hệ thống di tích lịch sử – văn hóa. Nội dung tác phẩm có nhắc đến các địa danh, nhân vật, di tích thuộc xã Thanh Sơn, là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ việc xác định niên đại, nhân vật thờ tự và mối liên hệ giữa các đình trong cùng hệ thống.

Tỉnh ủy Ninh Bình – Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010) trong *“Địa chí Ninh Bình”* (NXB Chính trị Quốc gia) đã trình bày toàn diện điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành, các di tích văn hóa – lịch sử của từng huyện, trong đó có Nho Quan và xã Thanh Sơn. Tác phẩm nêu rõ đặc điểm địa lý, dân cư, cũng như liệt kê các di tích tiêu biểu của Thanh Sơn – nguồn dữ liệu nền tảng cho việc nhận diện hệ thống đình làng trên địa bàn.

Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình (2011) trong *“Tuyển tập tác phẩm văn học Ninh Bình ngàn năm”* (NXB Văn học) tập hợp hơn 200 tác giả phản ánh đời sống lịch sử, văn hóa và con người Ninh Bình. Một số tác phẩm trong tuyển tập đề cập đến vùng Nho Quan – Thanh Sơn, gián tiếp cung cấp thông tin về truyền thống, phong tục và tín ngưỡng dân gian liên quan đến đình làng.

Đỗ Thị Phương Thúy (2014) trong *Khóa luận tốt nghiệp “Thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình”* (Trường Đại học Hoa Lư) trình bày hiện trạng các di tích Phật giáo tiêu biểu, đồng thời đề xuất hướng bảo tồn và phát huy giá trị. Mặc dù đối tượng nghiên cứu là chùa và động, song phương pháp tiếp cận và khung phân tích về bảo tồn di tích văn hóa có thể áp dụng cho hệ thống đình làng Thanh Sơn.

Từ tổng quan các công trình trên, có thể thấy vấn đề đình làng Việt Nam đã được quan tâm nghiên cứu từ nhiều góc độ, song chủ yếu tập trung ở phạm vi vùng đồng bằng Bắc Bộ hoặc các di tích nổi tiếng. Đối với tỉnh Ninh Bình, đa số công trình mới dừng ở mức khái quát di sản hoặc giới thiệu danh mục di tích, chưa có công trình nào chuyên khảo hệ thống đình làng của một đơn vị hành chính cụ thể như xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Tìm hiểu hệ thống các đình làng ở xã Thanh Sơn để nhận thức được các vấn đề lịch sử hình thành, nhân vật được thờ, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc.

Trên cơ sở khảo sát thực tế, bước đầu đề xuất một số giải pháp góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị các đình làng ở xã Thanh Sơn trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế – văn hóa – xã hội của xã Thanh Sơn, làm cơ sở lý giải cho sự hình thành và phát triển của hệ thống đình làng.

Tìm hiểu nguồn gốc, quá trình xây dựng, trùng tu, nhân vật được thờ, đặc điểm kiến trúc – nghệ thuật của từng đình làng trên địa bàn xã.

Phân tích vai trò, chức năng và giá trị của đình trong đời sống cộng đồng cư dân xã Thanh Sơn.

Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống đình làng xã Thanh Sơn trong bối cảnh hiện nay, góp phần giữ gìn di sản văn hóa và phát triển du lịch văn hóa – tâm linh tại địa phương.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Nghiên cứu các đình làng ở xã Thanh Sơn trong giai đoạn hiện nay.

Về không gian: Nghiên cứu các đình làng ở xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Về nội dung: Đề tài xem xét cả di sản vật thể và phi vật thể gắn với đình làng, bao gồm: kiến trúc, điêu khắc, bài trí thờ tự, nhân vật được tôn thờ, các nghi lễ, lễ hội, cùng những ký ức, tập quán, câu chuyện dân gian còn lưu truyền trong nhân dân.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được triển khai trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, đặc biệt là các quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đây là nền tảng định hướng cho việc thu thập, xử lý tư liệu,

cũng như trong quá trình phân tích, so sánh và đánh giá các hiện tượng lịch sử – văn hóa liên quan đến hệ thống đình làng ở xã Thanh Sơn.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Phương pháp phân tích:

Thu thập, nghiên cứu các tư liệu liên quan đến hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn (tư liệu lịch sử, văn hóa, kiến trúc, điêu khắc, tín ngưỡng...). Từ đó tiến hành phân tích, làm rõ các khía cạnh đặc trưng và giá trị của từng đình làng.

Phương pháp tổng hợp:

Trên cơ sở các kết quả phân tích, tiến hành tổng hợp những đặc điểm, mối liên hệ và giá trị chung của hệ thống đình làng. Phương pháp này giúp hình thành một cái nhìn toàn diện, thống nhất về quá trình hình thành, phát triển và vai trò của đình làng trong đời sống cộng đồng cư dân Thanh Sơn.

Phương pháp điền dã thực địa:

Tiến hành khảo sát trực tiếp tại xã Thanh Sơn, ghi nhận hiện trạng các đình làng, thu thập tư liệu hình ảnh, văn bản, và quan sát không gian văn hóa – tín ngưỡng tại di tích. Kết quả điền dã giúp kiểm chứng, bổ sung và hiệu chỉnh các thông tin tư liệu đã sưu tầm.

Phương pháp điều tra xã hội học:

Thực hiện phỏng vấn, trao đổi với các đối tượng liên quan như: cán bộ quản lý văn hóa địa phương, Ban quản lý di tích, người cao tuổi và cư dân sinh sống quanh đình làng. Phương pháp này giúp làm sáng tỏ vai trò của đình trong đời sống cộng đồng và nhận thức của người dân về giá trị di sản.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của khóa luận sẽ góp phần bổ sung tư liệu về các đình làng trên địa bàn xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Kết quả nghiên cứu khóa luận còn là tài liệu tham khảo cho những người muốn nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài có ý nghĩa góp phần bổ sung thêm nguồn tư liệu cho việc nghiên cứu hệ thống đình làng Việt Nam nói chung và đình làng Ninh Bình nói riêng. Đồng thời, nó cũng có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa địa

phương. Qua đó, đề tài góp phần nhỏ bé vào công cuộc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

7. Cấu trúc nội dung khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, phần nội dung được chia thành 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề về lý luận và địa bàn nghiên cứu

Chương 2. Hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn

Chương 3. Giá trị và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Một số vấn đề lý luận chung

1.1.1. Nguồn gốc ra đời đình làng

Đình làng chính thức xuất hiện trong không gian làng từ bao giờ và dựa trên cơ sở nào cho đến nay vẫn là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau. Một số kết quả nghiên cứu từ các thư tịch cổ cho biết, “từ thời Trần Việt Nam đã xuất hiện đình trạm mà nhiều người cho rằng là tiền thân của đình làng sau này. Theo một số văn bia còn lưu lại (ví như bia ở đình Thanh Hà nay thuộc Phường Đông Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội đề năm 1433) thì đình làng đã có từ thời Lê Sơ (đầu thế kỉ XV). Về nguồn gốc đình làng, có ý kiến cho rằng, đình vốn là hành cung của vua, được xây dựng dành cho vua khi đi tuần thú, sau mới thành đình làng; Nhưng giả thuyết này, cũng như những giả thuyết khác, cho ta cái ý nghĩ là các chức năng của đình không phải đã hội tụ cùng một lúc. Ngay từ đình cũng có thể là có muộn về sau, vốn mượn từ Trung Quốc, nhưng với ý nghĩa hoàn toàn khác”. [19; tr.18-19].

Nhưng đình với ý nghĩa là “ngôi nhà chung” của làng xã, của công xã nông thôn, thì hẳn là có từ rất sớm, cho dù là bây giờ chưa được gọi là đình.

Mặc dù có nhiều ý kiến như vậy song qua tư liệu cổ, nhất là văn bia, có thể biết được rằng đến thời Mạc (thế kỷ XVI), một số ngôi đình đã trở thành kiến trúc công cộng của làng xã, ví như: đình Thụy Phiêu, Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội), đình Lỗ Hạnh (Hiệp Hòa, Bắc Giang). Ngoài ra, theo tài liệu bi ký, chúng ta còn biết thêm nhiều ngôi đình xây dựng trong thế kỷ XVI. Chẳng hạn bia đình Nghênh Phúc (xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng) dựng năm Hưng Trị thứ 4 (1591) ghi rằng đình được làm vào niên hiệu Cảnh Lịch (1548-1553), văn bia đình Đại Đoan (xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) cho biết đình dựng năm Quý Ty, niên hiệu Diên Thành (1583), văn bia đình Trùng Hoài (xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên) thì ghi đình được xây dựng năm Diên Thành thứ 8 (1585)... [19; tr.15]. Có thể kể thêm nhiều hơn nữa. Thời kỳ này Nho giáo phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam, xã hội được tổ chức lại, các làng quê gắn bó với triều đình hơn về chính trị, kinh tế và văn hoá, tất cả những điều đó tạo điều kiện cho tín ngưỡng thờ Thành hoàng của Trung Hoa du nhập vào các làng xã và gắn kết với ngôi đình làng khiến cho ngôi đình làng đảm nhiệm thêm chức năng nghi lễ, nơi diễn ra các thực hành thờ cúng Thành hoàng làng. Theo các ghi chép của

các giáo sĩ phương Tây khi đến truyền đạo ở Việt Nam và các tài liệu nghiên cứu của nhiều học giả Việt Nam đầu thế kỷ XX (như Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Huyền, Trần Văn Giáp,...) thì sang đến thế kỷ XVII, đình làng và việc thờ Thành hoàng làng tại đình đã rất phổ biến ở khắp các làng quê của Việt Nam. Nửa cuối thế kỷ XVII được xem là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của các ngôi đình làng với rất nhiều ngôi đình được xây dựng. Sang đến thế kỷ XVIII việc xây đình ít hẳn và việc dựng đình làng sôi nổi trở lại vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX) với rất nhiều ngôi đình lớn được dựng (ví như đình An Đông, Quảng Ninh với các cột cái có đường kính 105cm, đình Tam Tảo, Bắc Ninh,...) và các ngôi đình làng được dựng trên khắp cả nước, từ miền xuôi đến miền núi mà không còn chỉ tập trung ở một số vùng. Sự phổ biến của ngôi đình làng đã khẳng định vị thế của ngôi đình trong không gian làng quê và ngôi đình trở thành một thực thể văn hoá của cộng đồng. Sang thế kỷ XX, đình làng có nhiều biến động do đất nước có chiến tranh, nhiều ngôi đình phải dỡ bỏ để tiêu thổ kháng chiến hoặc trở thành những địa điểm phục vụ kháng chiến, sau đó xã hội trải qua một giai đoạn có những nhìn nhận chưa đúng về vai trò và ý nghĩa của ngôi đình làng nên nhiều ngôi đình bị phá hoặc chuyển chức năng thành lớp học, nhà kho, nhà ở,... Cho đến tận cuối những năm 70, 80 các ngôi đình mới được phục hưng mạnh mẽ và dần dần trở lại với đúng vai trò và ý nghĩa của nó trong đời sống của cộng đồng làng.[9; tr.33]

Như vậy, trải qua thăng trầm của hàng thế kỷ, đình làng đã tiến hóa từ những hình thái sơ khai như đình trạm hay hành cung để trở thành biểu tượng cao nhất của tính cộng đồng làng xã. Dù nguồn gốc còn nhiều tranh luận, nhưng không thể phủ nhận rằng từ thế kỷ XVI đến nay, ngôi đình đã lồng ghép hài hòa giữa chức năng hành chính và tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tạo nên một thực thể văn hóa đặc trưng. Sự phục hưng của đình làng từ cuối thế kỷ XX không chỉ là sự hồi sinh của một loại hình kiến trúc, mà còn là lời khẳng định cho sức sống bền bỉ của những giá trị tâm linh và tinh thần gắn kết của người Việt trong dòng chảy hiện đại.

1.1.2. Chức năng

Đình làng là một thiết chế văn hóa – tín ngưỡng tổng hợp, có ba chức năng: Tín ngưỡng, hành chính, văn hóa. Rất khó để xác định chức năng nào có trước, chức năng nào được bổ sung. Hơn nữa, ba chức năng đan xen, hòa quện với nhau đến mức khó có thể phân biệt.

Chức năng tín ngưỡng

Trong các đình làng Việt Nam, vị thần được thờ cúng là Thành hoàng làng, vị vua tinh thần, thần hộ mệnh của làng. Khi tín ngưỡng Thành hoàng du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc cũng nảy sinh ra một số Thành hoàng mà chức năng cũng giống như ở Trung Quốc... Các vua triều Nguyễn còn cho lập miếu thờ Thành hoàng làng ở tỉnh và huyện. Nhưng khi tín ngưỡng Thành hoàng về làng, xã thì nó đã biến đổi khác với tín ngưỡng Thành hoàng ở Trung Quốc. Như vậy, tín ngưỡng Thành hoàng Trung Quốc khi du nhập vào làng xã Việt Nam thì các yếu tố văn hóa Hán, hoặc hiện tượng Hán hóa khác bị công làng chặn lại thì nó lại tìm thấy các tín ngưỡng bản địa có tính tương đồng, nên hội nhập rất thuận lợi với hệ thống tín ngưỡng đa nguyên của Việt Nam.

Theo kết quả nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu (Nguyễn Văn Kự, Hà Văn Tấn, Trần Lâm Biền...), Thành hoàng có nguồn gốc như sau.

Trước hết là các Thành hoàng có nguồn gốc tự nhiên (thiên thần hay nhiên thần) được thờ ở rất nhiều đình làng. Các vị thần này đều được khoác áo nhân thần với các tiểu sử thế tục. Được thờ chủ yếu là Sơn Tinh (thần núi), Thủy Tinh (thần sông, thần biển), trong đó, Tản Viên Sơn thánh có địa vị cao hơn cả. Ngoài ra, các vị thần núi có tên như Cao Các, Quý Minh được thờ ở nhiều nơi. Các thần núi ở địa phương, như: Tam Điệp Sơn, Điệp Sơn cũng được tôn làm Thành hoàng làng.

Thứ hai, các Thành hoàng làng thứ hai là các nhân thần. Các nhân vật lịch sử, như: Lí Bôn, Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo... Chiếm số đông trong các nhân thần là những người ít nổi tiếng hơn như: Quan lại, nho sĩ và đặc biệt là các tướng của Hai Bà Trưng, nhất là các nữ tướng. Những vị thần này thực ra là các nhân vật truyền thuyết, mang tính giả lịch sử hơn.

Thứ ba, các Thành hoàng có nguồn gốc gắn liền với tín ngưỡng bản địa, như tục thờ cây, thờ đá thời nguyên thủy...

Ngoài các vị thần, ở đình làng còn thờ những người có công khai phá đất mới, lập làng, như: Hai hoàng tử thời Lý là Đông Chinh Vương và Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Cư Trinh ... Ở miền Bắc thường gặp ở các vùng ven biển dân làng thờ những người có công khai hoang lấn biển. Những người gọi là “tiên hiền” là những người đến trước, “hậu hiền” là những người đến sau tiếp tục công cuộc “khai canh, khai khẩn”. Thành hoàng có thể là người xuất thân hèn kém, có người chết vào giờ thiêng cũng

được thờ làm thần. Trong lễ hội, người ta thường cử hành “hèm” để nhắc lại thần tích của các vị Thành hoàng làng này.

Những người có công đóng góp cho làng sau khi chết được dân làng thờ làm “hậu thần”, hàng năm cúng giỗ ở đình. Có người khi còn sống đóng góp cho làng trên cơ sở có khoán ước với làng, được ghi thành văn bản, đôi khi được khắc vào bia đá. Họ được “bầu hậu” khi chết đi được thờ làm “hậu thần” và được làng hương khói hàng năm.

Ngoài ra, ở một số làng nghề thủ công người ta còn thờ tổ nghề gọi là “tiên sư”. Trong miền Nam các “tiên sư” được thờ ở nhà hậu của đình làng, chỉ có một số ít “tiên sư” được thờ ở chánh điện.

Tóm lại, các thần làng Việt Nam biểu hiện một hệ thống tín ngưỡng đa nguyên. Đó là một hệ thống pha lẫn nhiều yếu tố tín ngưỡng sơ khai của cư dân nông nghiệp (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ mẹ, các thần sức mạnh tự nhiên...) với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người anh hùng và có phần ảnh hưởng không nhiều của của đạo Phật và đạo Nho.

Chức năng hành chính

Đình làng thực sự là trụ sở hành chính – nơi mọi công việc về hành chính của làng đều được tiến hành ở đó. Từ việc xét xử các vụ tranh chấp, phạt vạ, khao vọng, từ thu tô thuế đến việc bắt lính, bỏ các xuất phu đình. Chủ thể tiến hành các hoạt động hành chính ở đình làng là các vị có chức danh Chánh tổng, Lý trưởng, Phó lý, Trưởng tuần và các viên quan của Hội đồng hương kì, kì mục. Cơ sở để giải quyết các công việc của làng được dựa vào lệ làng hoặc hương ước. Hương ước là một hình thức luật tục. Gắn với hoàn cảnh, phong tục, tập quán lâu đời của từng làng mà nhân dân có các bộ luật nhà nước không thể bao quát được.

Các làng đều có hương ước riêng với nội dung rất cụ thể khác nhau. Tuy nhiên, hương ước làng bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Những qui ước về ruộng đất: việc phân cấp công điền, công thổ theo định kì và qui ước về việc đóng góp (tiền và thóc); Qui ước về khuyến nông, bảo vệ sản xuất, duy trì đê đập, cấm lạm sát trâu bò, cấm bỏ ruộng hoang, chặt cây bừa bãi; Những quy ước về tổ chức xã hội và trách nhiệm của các chức dịch trong làng. Việc xác định chức dịch trong làng nhằm hạn chế họ lợi dụng quyền hành và thế lực để mưu lợi riêng; Những quy định về văn hóa tư tưởng, tín ngưỡng. Đó là những quy ước nhằm đảm bảo các quan hệ trong làng xóm, dòng họ, gia đình, láng giềng, được duy trì tốt đẹp. Quy định về việc sử dụng hoa lợi của ruộng công

vào việc sửa chữa, xây dựng đình, chùa, điện, quy định về thể lệ tổ chức lễ hội, khao vọng, lễ ra làng, lễ nộp cheo...

Hương ước còn có những quy định về hình phạt đối với ai vi phạm. Vi phạm mức độ nào thì nộp phạt hoặc phải làm cỗ ở đình làng để tạ tội với Thành Hoàng làng. Hình phạt cao nhất là bị đuổi ra khỏi làng.

Có thể nói, hương ước là một bộ luật của làng xã. Về cơ bản, hương ước chứa đựng nhiều giá trị văn hóa dân gian tốt đẹp, được hình thành lâu đời và nếu được chất lọc có thể phát huy những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống làng xã hiện nay.

Với đặc điểm của tính tự trị và tính cộng đồng của làng xã, hoạt động hành chính và quản lý của làng xã được tiến hành có hiệu quả. Đình làng với tư cách là trụ sở hành chính đã trở thành biểu tượng của tính tự trị và sự cố kết cộng đồng trong suốt chiều dài lịch sử của mình.

Chức năng văn hóa

Đình làng là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng. “Cây đa, bến nước, sân đình” đã đi vào tâm hồn của người dân quê. Đình cao của các hoạt động văn hóa ở đình làng là lễ hội. Làng vào hội cũng được gọi là vào đám, là hoạt động có quy mô và gây ấn tượng nhất trong năm đối với dân làng. Ở các làng quê Việt Nam còn có hội chùa, hội đền nhưng phần lớn là hội làng được diễn ra ở đình làng gắn với đời sống của dân làng. Lễ hội bao gồm hai phần chính là: Phần lễ và phần hội: Lễ là các hoạt động có tính nghi lễ liên quan đến tín ngưỡng; Hội là hoạt động mang tính giải trí, gắn liền với thể tục, nghệ thuật, thể dục, thể thao. Nhưng trong một số trò chơi hội làng cũng có ý nghĩa tâm linh, gắn với mục đích cầu mưa, cầu mùa. Lễ hội ở làng diễn ra “xuân thu, nhị kì” vào các dịp nông nhàn. Lễ hội phần lớn vào tháng Giêng, có nơi vào thành hai, tháng ba âm lịch. Lễ hội thu thường vào tháng bảy, tháng tám. Đó là hai lễ hội lớn, còn trong năm người ta cúng lễ Thành hoàng làng.

Lễ cúng Thành hoàng làng trong khi mở hội có quy trình như sau:

Lễ mộc dục: Lễ tắm tượng thần hay thần vị.

Lễ tế gia quan tức là lễ mặc áo, đội mũ cho tượng thần. Nếu chỉ có thần vị thì đặt áo, mũ lên ngai.

Rước thân: Khi mở hội, người ta rước thần từ đền ra đình. Khi kết thúc hội thì lại rước thần về đền. Ở nhiều làng, người ta thờ Thành Hoàng làng ngay trong đình. Trong ngày hội, người ta rước thần đi vòng quanh làng và quay về đình.

Đại tế: Là lễ tế quan trọng nhất. Có một người đứng chủ trì lễ (chủ tế), còn gọi là mạnh bái. Ngoài ra còn có hai hoặc bốn người bồi tế, hai người đồng xướng, hai người nội tán, mười đến mười hai người chấp sự.

Sau buổi đại tế, người ta coi thần luôn có mặt ở đình nên các chức sắc và bô lão phải thay nhau túc trực. Mở hội gọi là nhập tịch, hết hội gọi là ngày xuất tịch hay còn gọi là ngày đã đám.

Sau phần tế lễ là các hoạt động vui chơi, giải trí. Sân đình trở thành sân khấu diễn xướng, ca hát. Ở những hội làng Bắc Bộ, sân đình thường có chiếu chèo, vùng Bắc Ninh, Bắc Giang sân đình gắn với hội hát quan họ.

1.1.3. Tiêu chí

Đình làng là một trong các di tích lịch sử - văn hóa tại Việt Nam, đình làng nổi lên như một đặc trưng của thiết chế làng xã truyền thống, là nơi lưu giữ ký ức cộng đồng và những giá trị nghệ thuật điêu khắc dân gian tinh xảo xuyên suốt nhiều thế kỷ. Vậy có thể dùng tiêu chí nhận diện nào để nhận diện di tích đình làng.

Theo Luật Di sản Văn hóa năm 2024:

“Điều 22. Tiêu chí nhận diện di tích theo loại hình

1. Di tích lịch sử phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương trong quá trình dựng nước và giữ nước;

b) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của

quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử;

c) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với lịch sử phát triển công nghiệp, đô thị, nông thôn có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

2. Di tích kiến trúc, nghệ thuật phải đáp ứng tiêu chí là công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật.

3. Di tích khảo cổ phải đáp ứng tiêu chí là địa điểm phát hiện dấu tích liên quan đến hoạt động của con người, có tầng văn hóa chứa đựng di tích, di

vật phản ánh lịch sử văn hóa, con người, có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

4. Danh lam thắng cảnh phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Cảnh quan thiên nhiên có giá trị lịch sử, khoa học, thẩm mỹ tiêu biểu;
- b) Cảnh quan thiên nhiên, địa điểm có sự kết hợp với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, khoa học, thẩm mỹ tiêu biểu;
- c) Khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc khu vực thiên nhiên chứa đựng những dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất.

5. Di tích hỗn hợp là di tích đáp ứng tiêu chí của ít nhất 02 loại hình di tích quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này”.

Như vậy tiêu chí nhận diện đình làng là tổng hòa của các giá trị lịch sử phát triển cộng đồng, tín ngưỡng thờ phụng nhân vật lịch sử và tinh hoa kiến trúc nghệ thuật truyền thống. Một ngôi đình làng đủ tiêu chuẩn xếp hạng di tích thường là một di tích hỗn hợp, đáp ứng đồng thời các tiêu chí về lịch sử và kiến trúc nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

1.1.4. Vai trò

Đình làng không chỉ đơn thuần là nơi thờ cúng linh thiêng của cộng đồng, là không gian sinh hoạt văn hóa, tâm linh, là sợi dây gắn bó cộng đồng, là thiết chế văn hóa tín ngưỡng trong dân gian. Đình là ngôi nhà công cộng của cộng đồng làng xã người Việt đã xuất hiện từ rất lâu đời.

Đình làng, có thể coi là một kiến trúc lớn nhất trong những kiến trúc làng xã trước đây. Chúng có nhiều chức năng khác nhau trước hết có thể coi là một trụ sở của chính quyền quân chủ Nho giáo, nơi ban bố chính lệnh của triều đình. Từ lúc hình thành đình làng cũng là nơi giải quyết những việc công của làng như sưu thuế, phu, lính... Đình làng còn là một trung tâm sinh hoạt văn hóa riêng của làng theo kiểu thức “trống làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng đó thờ”. Đình làng là nơi tập hợp người dân khi có việc làng, đồng thời cũng là nơi hội họp thường xuyên của các hội đồng kỳ mục, nơi khao thưởng đón tiếp quan chức cấp trên, đón tiếp người đỗ đạt.

Đình làng là nơi thờ Thành hoàng làng, đương nhiên vai trò của đình làng còn lệ thuộc vào điều kiện hoàn cảnh của từng làng mà sẽ có thêm một vài chức năng khác. Đôi khi, ở những làng mà vai trò của giới “Nho sĩ dân gian” phát triển mạnh thì Thành hoàng làng có thể không được thờ ở đình mà chỉ thờ ở

miếu, nghề của các thôn, chỉ vào ngày hội mới rước về hội tụ ở đình để sinh hoạt tâm linh. Từ ngôi đình làng, người ta có thể tìm ra được rất nhiều vấn đề liên quan tới lịch sử và xã hội chung của dân tộc. [9; tr.31]

Sự hình thành của đình không hẳn chỉ xuất phát từ tín ngưỡng truyền thống dân gian, mà trong đó cũng có một nguyên nhân nảy sinh là từ “yêu cầu chính trị”. Có thể nghĩ rằng đình là con đẻ của một thời kỳ “thai nghén” mang tính chất chuyển đổi từ chế độ quân chủ chuyên chế phật giáo sang chế độ quân chủ chuyên chế nho giáo. Đình tham gia vào nhịp thở tư tưởng của “thời kỳ quá độ”, giai đoạn sang trang của nghệ thuật tạo hình dân tộc. Suy cho cùng là sản phẩm của lịch sử, phần nào ở nửa đầu gắn với tầng lớp trên, để không gian của đình trước hết phải biểu hiện cho uy lực của chùa, đền, mà gần như về nguyên tắc, nó là bộ phận trong cấu trúc của làng xóm, ít nhất từ thế kỷ XVI về sau. [9; tr. 41]

Tại Nam Bộ, làng xã hình thành có nơi từ những nhóm lưu dân có một nguồn gốc và ngôi đình được dựng lên bằng tất cả nỗi nhớ quê hương bất tuyệt. Ngôi đình làng trở thành nơi lưu trữ truyền thống của quê cha đất tổ, là hình ảnh của nước nhà mà qua lễ hội hàng năm lặp đi lặp lại những nghi tiết cổ truyền không bao giờ nhàm chán vì nó gợi đến tình quê hương và nghĩa cử của người công dân đối với quốc gia dân tộc.

Như vậy, đình làng không chỉ đơn thuần là một công trình kiến trúc gỗ đá mà còn là thực thể sống động, đóng vai trò là “trái tim” của không gian làng xã Việt Nam. Từ một thiết chế mang tính chính trị của nhà nước quân chủ Nho giáo, đình làng đã khéo léo chuyển mình để trở thành trung tâm của đời sống dân gian, nơi giao thoa giữa quyền lực hành chính và thế giới tâm linh thờ phụng Thành hoàng. Đối với cộng đồng, ngôi đình vừa là trụ sở giải quyết việc làng, nơi bảo lưu những hương ước, lệ làng, vừa là sân khấu lớn cho các sinh hoạt văn hóa, lễ hội đặc sắc. Đặc biệt, đối với những lưu dân đi khai hoang mở cõi như ở vùng đất Nam Bộ, đình làng còn là biểu tượng thiêng liêng của nỗi nhớ nguồn cội, là sợi dây tâm thức gắn kết con người với quê cha đất tổ. Sau tất cả, đình làng chính là bảo tàng sống lưu giữ lịch sử, bản sắc và tinh thần dân tộc, khẳng định vị thế không thể thay thế trong dòng chảy văn hóa Việt Nam từ quá khứ đến hiện tại.

1.2. Khái quát về xã Thanh Sơn

1.2.1. Vị trí địa lý

Xã Thanh Sơn được thành lập từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, hình thành trên cơ sở sắp xếp, hợp nhất các xã Văn Phú, Thượng Hòa, Sơn Thành và Thanh Lạc.

Diện tích tự nhiên của xã Thanh Sơn là khoảng 35 km² (khoảng 3.500 ha).

Xã Thanh Sơn hiện nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Ninh Bình, thuộc khu vực chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng chiêm trũng và vùng bán sơn địa.

Phía Bắc và Đông Bắc giáp khu vực Lạc Vân, Đức Long; phía Tây Bắc giáp Văn Phong, Lạng Phong; phía Tây giáp Văn Phương, Kỳ Phú; phía Tây Nam tiếp giáp vùng đệm Vườn quốc gia Cúc Phương và xã Quỳnh Lưu; phía Đông giáp xã Gia Phong.

1.2.2. Điều kiện tự nhiên

Xã Thanh Sơn có địa hình tương đối đa dạng, mang đặc trưng chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng chiêm trũng và vùng bán sơn địa. Trên cơ sở không gian tự nhiên của các xã trước đây (Văn Phú, Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc), địa hình toàn xã có thể chia thành hai tiểu vùng chính.

Thứ nhất là vùng chiêm trũng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm và phía Đông của xã (tương ứng với xã Thượng Hòa, xã Thanh Lạc, xã Sơn Thành và một phần xã Văn Phú cũ). Khu vực này có địa hình thấp, tương đối bằng phẳng, xen kẽ giữa khu dân cư và hệ thống ruộng canh tác. Đất đai màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất lúa nước và nuôi trồng thủy sản. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp truyền thống, trong đó năng suất lúa thường đạt mức cao, ổn định, phản ánh rõ đặc trưng canh tác thâm canh của vùng chiêm trũng Bắc Bộ.

Thứ hai là vùng bán sơn địa, tập trung ở phía Tây xã (thuộc khu vực Văn Phú cũ). Địa hình có gò đồi thấp, thuận lợi cho phát triển cây lúa, hoa màu và một số cây công nghiệp ngắn ngày. Khu vực này còn giáp một số hồ chứa nước như hồ Nước Rộ, hồ Hang Trăn..., đóng vai trò quan trọng trong điều tiết nguồn nước, phục vụ sinh hoạt và tưới tiêu cho toàn xã.

Về thủy văn, xã chịu ảnh hưởng của hệ thống sông Hoàng Long, với tuyến đê chạy qua địa bàn, vừa có chức năng phòng chống lũ, vừa là trục giao thông và thủy lợi quan trọng. Bên cạnh đó, sông Lạng chảy qua một số thôn góp phần bổ sung nguồn nước và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Khí hậu mang đặc trưng nhiệt đới gió mùa: nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C; mùa hè nóng ẩm, nhiệt độ có thể đạt 35–38°C; mùa đông chịu

ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, có thời điểm xuống dưới 10°C. Lượng mưa trung bình năm khoảng 1.800–2.000 mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa, vì vậy hệ thống đê điều và thủy lợi có vai trò rất quan trọng trong sản xuất và đời sống dân cư.

Về giao thông, xã có điều kiện tương đối thuận lợi khi Quốc lộ 12B đi qua địa bàn, tạo trục kết nối liên vùng từ Quốc lộ 1 đến khu vực phía Tây. Tuy nhiên, bên cạnh các tuyến giao thông chính, một số khu vực như Thanh Lạc và Sơn Thành cũ vẫn còn hạn chế về hạ tầng, chủ yếu là đường cấp phối, chưa được bê tông hóa đồng bộ, gây khó khăn nhất định cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên của xã Thanh Sơn mang tính tổng hợp giữa đồng bằng và trung du, vừa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp thâm canh, vừa có tiềm năng phát triển kinh tế đa dạng nếu được khai thác hợp lý trên cơ sở hệ thống thủy lợi, giao thông và tài nguyên đất đai hiện có. Đặc biệt, với điều kiện tự nhiên như vậy sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ tới văn hóa nói chung, tín ngưỡng thờ Thành hoàng và hệ thống đình làng xã Thanh Sơn nói riêng.

1.2.3. Dân cư

Xã Thanh Sơn hiện nay là một trong những xã có diện tích và dân số lớn của tỉnh Ninh Bình. Năm 2025, tổng dân số khoảng 23.000 người, mật độ dân số ước tính 666 người/km².

Phần lớn dân số ở xã Thanh Sơn đều là người dân tộc Kinh (có khoảng 15 – 17% là người Mường sinh sống rải rác ở thôn trong xã). Họ cư trú xen kẽ với các cộng đồng khác trong vùng chủ yếu ở xã Sơn Thành và xã Văn Phú cũ.

Tỷ lệ giới tính khoảng 49% nam và 51% nữ.

Về số dân theo tôn giáo, Công giáo chiếm tỷ lệ khá cao (khoảng 35 - 40%), tập trung chủ yếu ở khu vực Thượng Hòa và Văn Phú với các giáo xứ, giáo họ như Giáo xứ Sào Lâm, Giáo xứ Đồng Đình....; Phật giáo và không theo tôn giáo chiếm khoảng 60 - 65%.

1.2.4. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.4.1. Kinh tế

Trong thời kỳ trước năm 1945, khu vực xã Thanh Sơn hiện nay (bao gồm các vùng Văn Phú, Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc trước sáp nhập) chủ

yếu tồn tại nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp. Cư dân sinh sống dựa vào canh tác lúa nước ở vùng chiêm trũng và một phần nương rẫy, chăn nuôi nhỏ lẻ, kết hợp khai thác tài nguyên tự nhiên như thủy sản đồng ruộng và sản phẩm rừng. Sản xuất mang tính truyền thống, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, năng suất thấp, đời sống kinh tế nhìn chung còn khó khăn, mang đặc trưng của xã hội nông thôn Bắc Bộ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong giai đoạn từ sau 1945 đến trước đổi mới, kinh tế địa phương tiếp tục dựa chủ yếu vào nông nghiệp, với cơ cấu cây lúa là chủ lực. Hệ thống thủy lợi, đê điều, kênh mương được củng cố, giúp mở rộng diện tích canh tác và ổn định sản xuất nông nghiệp vùng chiêm trũng. Chăn nuôi phát triển quy mô hộ gia đình với các loại gia súc, gia cầm truyền thống; một số khu vực bán sơn địa bắt đầu hình thành mô hình vườn - ao - chuồng. Tuy nhiên, kinh tế vẫn mang tính tiểu nông, sản xuất hàng hóa chưa phát triển rõ rệt.

Trong giai đoạn hiện nay, kinh tế xã Thanh Sơn đã có bước chuyển dịch mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa và đa ngành.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, diện tích gieo trồng ổn định khoảng 2.398,2 ha/năm; sản lượng lương thực có hạt năm 2025 đạt khoảng 13.197 tấn, vượt kế hoạch đề ra. Cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng tăng năng suất, ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất. Chăn nuôi phát triển theo hướng gia trại, trang trại bán công nghiệp với tổng đàn gia cầm duy trì khoảng 130.000–137.000 con, đàn lợn trên 28.000 con; đồng thời mở rộng nuôi trồng thủy sản với hơn 335 hộ tham gia. Thu nhập bình quân trên 1 ha canh tác đạt khoảng 107,2 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 60,5 triệu đồng/người/năm, cho thấy sự cải thiện rõ rệt về đời sống kinh tế.

Cùng với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ có bước phát triển rõ nét. Trên địa bàn có khoảng 12 doanh nghiệp và trên 900 hộ kinh doanh dịch vụ, tạo việc làm cho hơn 6.000 lao động địa phương; một bộ phận lao động đi làm việc tại nước ngoài góp phần tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động. Hệ thống hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ sản xuất, cung ứng vật tư, dịch vụ kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 30,513 tỷ đồng vào năm 2025, tăng so với kế hoạch, phản ánh sự mở rộng hoạt động kinh tế và hiệu quả quản lý nguồn thu. Các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, giải phóng

mặt bằng và phát triển hạ tầng được triển khai đồng bộ, góp phần hoàn thiện kết cấu kinh tế - xã hội.

Song song với phát triển kinh tế, chương trình xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, đến năm 2025 các xã trước sáp nhập đều đạt chuẩn nông thôn mới, một số thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế bền vững.

Tổng thể, kinh tế xã Thanh Sơn đã chuyển từ nền sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp truyền thống sang nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa kết hợp dịch vụ – thương mại và lao động phi nông nghiệp, với xu hướng phát triển đa ngành, gắn với nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng đời sống nhân dân.

1.2.4.2. Văn hóa - Xã hội

Trong giai đoạn trước năm 1945, khu vực xã Thanh Sơn hiện nay (gồm các vùng Văn Phú, Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc trước sáp nhập) mang đầy đủ đặc trưng của không gian văn hóa – xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, hình thành và phát triển trên nền tảng lâu đời của văn hóa làng xã, gắn chặt với sản xuất nông nghiệp lúa nước và điều kiện tự nhiên chiêm trũng – bán sơn địa.

Về tổ chức xã hội, cộng đồng cư dân được tổ chức theo mô hình làng xã truyền thống, trong đó làng là đơn vị cơ bản của đời sống xã hội. Trong làng xã, dân cư được tổ chức theo nhiều hình thức như dòng họ, giáp, xóm, ngõ... Quan hệ xã hội mang tính huyết thống và cộng đồng sâu sắc, hình thành nên các dòng họ lớn có vai trò quan trọng trong điều hành đời sống làng xã. Bộ máy tự quản ở cơ sở dựa vào các thiết chế như lý trưởng, tiên chỉ, kỳ mục, cùng hệ thống hương ước, lệ làng. Những quy ước này điều chỉnh hầu hết các hoạt động xã hội, từ sản xuất, cưới hỏi, tang lễ đến việc giải quyết mâu thuẫn nội bộ, tạo nên tính ổn định nhưng cũng mang tính khép kín cao của cộng đồng làng xã truyền thống.

Về đời sống tinh thần, hệ thống tín ngưỡng dân gian giữ vai trò trung tâm. Người dân duy trì phổ biến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Thành hoàng làng..... Không gian văn hóa truyền thống được tổ chức xoay quanh đình làng, chùa làng, miếu, nghè – vừa là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, vừa là trung tâm sinh hoạt cộng đồng. Các lễ hội làng diễn ra theo chu kỳ nông nghiệp hoặc ngày kỵ thần linh, thường bao gồm phần lễ (rước, tế, dâng hương) và phần hội (trò chơi dân gian, hát xướng, thi tài), góp phần củng cố tinh thần cố kết cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương.

Về phong tục, tập quán, đời sống cư dân chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo đức Nho giáo và các chuẩn mực truyền thống như hiếu – nghĩa – lễ – tín. Các nghi lễ vòng đời (sinh đẻ, trưởng thành, hôn nhân, tang lễ) được tổ chức chặt chẽ theo lệ làng. Tập quán cưới hỏi, ma chay, giỗ chạp vừa mang tính gia tộc, vừa mang tính cộng đồng, thể hiện rõ vai trò của dòng họ và làng xã trong điều chỉnh đời sống cá nhân.

Về văn hóa lao động, sản xuất nông nghiệp lúa nước là hoạt động chủ đạo, tạo nên nhịp điệu sinh hoạt văn hóa gắn với mùa vụ. Cư dân canh tác trên các vùng chiêm trũng, kết hợp một phần chăn nuôi nhỏ lẻ và khai thác tự nhiên. Kinh nghiệm sản xuất được truyền miệng qua nhiều thế hệ, hình thành tri thức dân gian phong phú về lịch thời vụ, thủy lợi và ứng xử với thiên nhiên. Văn hóa lao động mang tính cộng đồng cao, thể hiện qua các hình thức đổi công, giúp đỡ nhau trong mùa vụ.

Về giáo dục, việc học tập chủ yếu dựa vào truyền thống Nho học. Một số dòng họ có điều kiện cho con em theo học chữ Hán – Nôm, tham gia khoa cử, song phần lớn dân cư không có điều kiện học tập chính quy. Tuy vậy, truyền thống hiếu học vẫn được duy trì, thể hiện qua sự coi trọng học, đạo lý và vai trò của người có học trong cộng đồng làng xã.

Về y tế, chưa hình thành hệ thống y tế chính quy. Người dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm dân gian, các bài thuốc Nam, thầy lang địa phương và tín ngưỡng chữa bệnh. Điều kiện vệ sinh và y tế còn hạn chế, nên dịch bệnh và thiên tai thường tác động mạnh đến đời sống dân cư.

Có thể thấy, trong giai đoạn truyền thống trước năm 1945, văn hóa – xã hội khu vực Thanh Sơn mang đặc trưng tiêu biểu của văn hóa làng xã Bắc Bộ: tính cộng đồng bền chặt, đời sống tinh thần phong phú với hệ thống tín ngưỡng dân gian đa dạng, phong tục tập quán chặt chẽ, song đồng thời vẫn mang tính khép kín, tự cung tự cấp và chịu ảnh hưởng mạnh của điều kiện tự nhiên cũng như trình độ phát triển kinh tế – xã hội đương thời.

Trong giai đoạn hiện nay, văn hóa – xã hội xã Thanh Sơn phát triển theo hướng toàn diện, gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên nền tảng hợp nhất các đơn vị hành chính trước đây (Văn Phú, Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc). Sự phát triển này thể hiện rõ trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và đời sống tinh thần của người dân.

Về văn hóa, thể dục thể thao và thông tin tuyên truyền, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, tạo chuyển biến tích cực trong xây dựng môi trường văn hóa ở cơ sở. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, kịp thời phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đồng thời phản ánh các mô hình phát triển kinh tế – xã hội và các điển hình tiên tiến, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Về giáo dục và đào tạo, sự nghiệp giáo dục có bước phát triển rõ rệt. Quy mô trường lớp ổn định, chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn được nâng lên. Đến năm 2025, toàn xã có 12/12 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có 3 trường đạt chuẩn mức độ 2. Đội ngũ giáo viên cơ bản 100% đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học – khuyến tài và xây dựng xã hội học tập được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

Về y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, đáp ứng cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu. Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm được thực hiện hiệu quả, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt khoảng 90% dân số, trong đó 100% người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Công tác dân số – kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn khoảng 12,86%, có xu hướng giảm dần qua các năm.

Về an sinh xã hội và giảm nghèo, các chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn khoảng 2,0% (năm 2024) và ước giảm còn 1,5% vào năm 2025. Phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai hiệu quả, trong nhiệm kỳ đã có 87 hộ gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ chính sách và hộ khó khăn được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, góp phần cải thiện điều kiện sống của nhân dân.

Về kinh tế gắn với đời sống xã hội, thu nhập của người dân có sự cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân trên 1 ha canh tác đạt khoảng 107,2 triệu đồng/năm.

Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt khoảng 60,5 triệu đồng/người/năm, phản ánh sự nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Về tổ chức xã hội và đời sống cộng đồng, hệ thống thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư; nhiều thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (06/51 thôn). Các giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được bảo tồn, kết hợp hài hòa với đời sống hiện đại, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Như vậy, trong giai đoạn hiện nay, xã Thanh Sơn đã có bước phát triển toàn diện về văn hóa – xã hội, với nền tảng là sự ổn định về giáo dục, y tế, an sinh xã hội và đời sống văn hóa cộng đồng, đồng thời đạt được nhiều chỉ tiêu cụ thể về thu nhập, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Tóm lại, truyền thống văn hóa làng xã gắn với tín ngưỡng dân gian và thiết chế cộng đồng đã tạo nền tảng bền vững cho việc thờ Thành hoàng ở Thanh Sơn. Hiện nay, trong bối cảnh phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội và nông thôn mới... sẽ là những yếu tố ảnh hưởng lớn đến tín ngưỡng thờ Thành hoàng, thiết chế đình làng ở Thanh Sơn.

1.2.5. Khái quát lịch sử, truyền thống

1.2.5.1. Khái quát lịch sử

Xã Thanh Sơn là nơi cư trú lâu đời của người Việt Cổ và người Mường. Các vùng như Thanh Lạc, Thượng Hòa có những cộng đồng dân cư đã sinh sống từ hàng ngàn năm trước, nằm trong hệ thống núi đá vôi kéo dài từ Hòa Bình xuống, nơi có nhiều hang động và mái đá vón là nơi trú ngụ của con người thời tiền sử, minh chứng cho sự xác thực này là Động Vân Trình.

Dưới thời Hùng Vương vùng đất này thuộc bộ Giao Chỉ [27; tr.37]. Thời thuộc Tần vùng đất này thuộc Tượng Quận (246 -207), thời Hán thuộc quận Giao Chỉ, thời Ngô Tấn thuộc Giao châu, thời hậu Lương (907- 960) thuộc huyện Trường Sơn, châu Trường.

Thời kỳ Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất giang sơn, lập nên nước Đại Cồ Việt (thế kỉ X), vùng đất này thuộc phủ Trường Yên [22; tr.76].

Thời nhà Lý (1054) vùng đất này thuộc phủ Trường Yên.

Thời Trần, vào năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 11 (1242) vua Trần Thái Tông đổi 24 lộ của nhà Lý thành 12 lộ. Sử cũ có chép tên 15 lộ[1; tr.94] gồm: Thiên Trường, Trường Yên, Long Hưng, An Khang, An Tiêm, Bắc Giang, Tam

Giang, Quốc Oai, Tam Đới, Lạng Giang, Sơn Nam, Khoái, Hồng, Diên và Đà Giang[31; tr.15]. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, đầu thời Trần, vùng Ninh Bình được gọi là lộ Trường Yên, sau đổi làm trấn Trường Yên. Năm Quang Thái thứ 10 (1397), đổi trấn Trường Yên làm trấn Thiên Quan. Phủ Thiên Quan có các huyện Xích Thổ, Xa Lai và Khôi[1; tr.94]. Các vùng tương đương ngày nay: Xích Thổ - lưu vực sông Bôi, giữa Lạc Thủy và Gia Viễn; Đông Lai - Lạc Sơn, Khôi - Nho Quan. Đến năm Quang Thái thứ 10 (1397) đổi là phủ Thiên Quan. Năm 1397, sau cải cách của mình Hồ Quý Ly đổi làm trấn Thiên Quan.

Thời Thuộc Minh, vùng đất Thanh Sơn thuộc huyện Khôi, huyện Xích Thổ của châu Ninh Hoá [23; tr.713-715].

Thời nhà Lê, năm 1466, Lê Thánh Tông bãi bỏ các đơn vị trấn và lộ, đặt làm phủ Thiên Quan, gồm ba huyện: Phụng Hóa, Yên Hóa, Lạc Thổ (Lạc Sơn, Hòa Bình ngày nay) với 70 xã:

Vùng đất Thanh Sơn thuộc huyện Thuận Hóa.

Thời Mạc, vùng đất Thanh Sơn thuộc phủ Thiên Quan thuộc Hưng Hóa thừa chính ty (còn phủ Trường Yên thuộc Sơn Nam thừa chính ty), (Đại Việt địa dư toàn biên) [22; tr.65].

Thời Lê Trung Hưng đổi cho lệ thuộc Thanh Hoa.

Thời Tây Sơn, Thiên Quan cùng với Trường Yên nằm trong Thanh Hoa ngoại trấn lệ thuộc Bắc Thành [22; tr.78].

Thời Nguyễn, phủ Thiên Quan từ 1802 đến 1805 thuộc đạo Thanh Hoa [22; tr.67], từ năm 1806 thuộc đạo Thanh Bình [34; tr.119]. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), đạo Thanh Bình được đổi thành đạo Ninh Bình. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) tỉnh Ninh Bình. Năm 1836, phủ Thiên Quan gồm 3 huyện là Phụng Hoá, Yên Hoá, Yên Lạc.

Năm Tự Đức thứ 15 (1862), phủ Thiên Quan được đổi thành tên gọi mới đó là phủ Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Danh xưng Nho Quan có từ đây.

Cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Nho Quan có 6 tổng, 52 xã, thì xã Thanh Sơn thuộc tổng Quỳnh Lưu.

Đến ngày 22/7/1964, theo Quyết định số 199/QĐ-NV của Bộ Nội vụ, huyện Nho Quan đổi tên một số xã, xã Cộng Hòa (được thành lập năm 1954) được đổi tên thành xã Thanh Lạc như ngày nay. Trong quá trình phát triển đi lên, từ 1993, trong cơ cấu hành chính của huyện Nho Quan các xóm được nâng lên thành thôn. Hiện nay, Thanh Lạc có 9 thôn: Thôn Thượng (thuộc làng Đồng Lạc); Thôn Làng (thuộc làng Đồng Lạc); Thôn Dừng (thuộc làng Đồng Lạc);

Thôn Mới (thuộc làng Đồng Lạc); Thôn Mai Vân (thuộc làng Thanh Mai); Thôn Mai Trung (thuộc làng Thanh Mai); Thôn Mai Xuân (thuộc làng Thanh Mai); Thôn Lược; Thôn Mèn. [6; tr.7]

Năm 1964, xóm Bè (Đồng Dược) và xóm Tự Ân (đều thuộc xã Quỳnh Lưu) sáp nhập vào xã Thành Công. Cuối năm 1964, xã Thành Công đổi tên gọi là xã Sơn Thành, gồm 7 thôn: Sây, Lạm, Đồng Dược, Ráy, Bái, Ác, Tự Ân. [4; tr.6-7]

Tháng 4-1949, các xã Đồng Văn, Yên Phú, Kỳ Lão hợp nhất thành một xã, tên gọi là xã Văn Phú, các thôn Hói, Ròng, Sui thuộc xã Yên Phong (sau nay là xã Văn Phong) sáp nhập vào xã Văn Phú. Đầu năm 1954, xã Văn Phú tách thành 3 xã: Văn Phú, Kỳ Phú, Yên Phú, thôn Hói sáp nhập vào xã Văn Phong, các thôn Ròng, Sui, Bền sáp nhập vào xã Văn Phương. Sau năm 1965, Ủy ban hành chính xã tổ chức di chuyển một số dân cư thuộc các thôn vùng chiêm trũng chuyển lên vùng đất cao của xã thành lập một số thôn mới. Đến nay, xã Văn Phú gồm 14 thôn: Tân Thành, Thành Bắc, Thành Nam, Thành Tây, Đồng Nang, Trại Rào, Phú Lâm, Phượng Lâm, Phượng Các, Đồng Ân, Lão Cầu, Hiền Lương, Phú Linh, Sào Lâm. [7; tr.6]

Cuối năm 1949 xã Cộng Hòa được thành lập gồm ba xã Tân Chính, Yên Trường, Thành Công. - Tháng 6/1954 xã Cộng Hòa chia tách thành 3 xã mới: Thượng Hòa, Cộng Hòa, Thành Công. Xã Thượng Hòa hiện nay gồm các thôn: Vân Trình, Hữu Thường, Vân Trung, Yên Chỉ. [5; tr.11]

Tính đến ngày 31/12/2022:

Xã Sơn Thành có 11 thôn: Bái, Chợ Lạm, Đồng Dược, Đội 9 Thôn Ráy, Đội 10 Thôn Ráy, Đội 11 Thôn Ráy, Đội 12 Thôn Ác, Phú Thù, Tân Thành, Trung Sơn, Tự Ân và 2 xóm: Lầu, Trại.

Xã Thanh Lạc có 9 thôn: Dừng, Làng, Lược, Mai Văn, Mai Trung, Mai Xuân, Mèn, Mới, Thượng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1318/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 – 2025 (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2025). Theo đó, thành lập xã Thanh Sơn thuộc huyện Nho Quan trên cơ sở toàn bộ 6,46 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 3.818 người của xã Thanh Lạc và toàn bộ 5,56 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 3.585 người của xã Sơn Thành.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025: Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Bình năm 2025 (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 16 tháng 6 năm 2025). Theo đó, thành lập phường thuộc tỉnh Ninh Bình trên cơ sở toàn bộ 12,02 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 7.426 người của xã Thanh Sơn; toàn bộ 11,07 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 7.738 người của xã Thượng Hòa và toàn bộ 12,60 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 8.594 người của xã Văn Phú thuộc huyện Nho Quan.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025 chính thức sát nhập 4 xã (Thượng Hòa, Văn Phú, Thanh Lạc, Sơn Thành) thành xã Thanh Sơn hiện nay.

1.2.5.2. Truyền thống

Xã Thanh Sơn ngày nay được hợp nhất từ các vùng đất có bề dày lịch sử lâu đời bao gồm Văn Phú, Thanh Lạc, Thượng Hòa và Sơn Thành. Trải qua hàng chục thế kỷ, sống trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt của vùng chiêm trũng, sinh lầy và lụt lội, các thế hệ ông cha nơi đây đã bám đất, bám làng, bằng sức lao động phi thường và tinh thần ngoan cường để khai phá, lập ấp sinh cơ lập nghiệp. Từ trong gian khó, nhân dân Thanh Sơn đã hun đúc nên truyền thống đoàn kết, tình làng nghĩa xóm tối lửa tắt đèn có nhau, cùng một lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.

Trong suốt dặm dài lịch sử dân tộc, nhân dân Thanh Sơn luôn đóng góp to lớn về sức người, sức của cho các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc:

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40 - 43): Nhân dân trong xã tích cực vận tải binh lương và tham gia chiến đấu. Tiêu biểu có nữ tướng Vương Thị Tiên (mới 16 tuổi, quê thôn Cự Lại - vùng Sơn Thành cũ) giỏi văn võ, đã chiêu mộ dân binh theo Hai Bà Trưng đánh giặc Đông Hán, được phong làm Ngọc Quang tướng quân, trấn giữ vùng Châu Ái.

Thế kỷ X nhân dân xã Thanh Sơn đóng góp công sức xây dựng kinh đô Hoa Lư. Tại vùng Văn Phú cũ có hai vị tướng Lê Du và Lê Chương đã gia nhập quân đội Đinh Bộ Lĩnh, góp công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước.

Trong thế kỷ XIII cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, nhân dân Thanh Sơn đã giúp đỡ nhà Trần lui quân an toàn qua khu vực Nho Quan, đồng thời vận chuyển binh lương và trực tiếp chiến đấu. Ông Lương Văn Diệp (thôn Thụ Ân - vùng Sơn Thành cũ) đã theo Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lập công xuất sắc, được vua phong tước Thủy triều phán sự.

Ở thế kỷ XV hưởng ứng khởi nghĩa Lam Sơn, ông Trịnh Lỗi (thôn Cự Lại) đã chiêu mộ binh sĩ theo cờ nghĩa Lê Lợi. Nhân dân địa phương cũng đóng góp lương lớn lương thảo, phối hợp cùng nghĩa quân đánh thắng lớn tại Khôi Huyện (Nho Quan), tiêu diệt hơn 1000 tên địch và 100 ngựa chiến của quân Minh.

Đến thế kỷ XVIII khi người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc (1789), nhân dân địa phương đã dốc lòng ủng hộ lương thảo tại phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, đồng thời góp công sức tạo thế cho đoàn tượng binh của Đô đốc Bảo vượt qua Nho Quan tiến lên diệt đồn Ngọc Hồi, giải phóng Thăng Long.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ dưới ách áp bức bóc lột, sưu cao thuế nặng. Tuy nhiên, ngọn lửa yêu nước chưa bao giờ tắt:

Năm 1883 hưởng ứng phong trào chống Pháp, ông Tổng Giá (thôn Thụ Ân) cùng dân binh đã tham gia nghĩa quân Phạm Văn Nghị và Bùi Cầm.

Trong phong trào Cần Vương nhân dân nhiệt liệt ủng hộ nghĩa quân Ba Đình và các cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Lương, Quách Công Huy. Tiêu biểu có cụ Đồ Biếc, cụ Đồ Hà tham gia tổ chức chỉ huy.

Năm 1915 cuộc khởi nghĩa chống Pháp bùng nổ mạnh mẽ dưới sự chỉ đạo của Tạ Quang Hồ và Quách Chanh, cùng sự tham gia của ông Đốc Thệ, Đốc Nồi, Đàm Phan. Nghĩa quân đã tận dụng địa thế Mô Đồn làm nơi trú quân và canh gác, kiên cường chống lại kẻ thù.

Bước vào những năm 1940, dưới ách thống trị một cổ hai tròng của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đặc biệt là thảm họa đói năm 1945 do chính sách nhổ lúa trồng đay, nhân dân Thanh Sơn rơi vào cảnh cùng cực.

Chính trong hoàn cảnh khó khăn đó, truyền thống “thương người như thể thương thân”, đùm bọc lẫn nhau đã trở thành bệ đỡ vững chắc. Nhờ nền tảng văn hóa và lịch sử hào hùng, nhân dân toàn xã đã nhanh chóng tiếp thu đường lối cách mạng của Đảng và Bác Hồ, vùng lên cùng cả nước giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, đưa người dân thực sự làm chủ vận mệnh và quê hương mình.

Tiếp nối hào khí đó, Đảng bộ và nhân dân Thanh Sơn tiếp tục phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đóng góp sức người sức của làm nên thắng lợi của hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp, chống Mỹ và bảo vệ biên giới Tổ quốc.

Ngày nay, phát huy sức mạnh tổng hợp từ khối đại đoàn kết của một xã Thanh Sơn mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương đang chung sức đồng lòng, đổi mới tư duy, cần cù lao động, quyết tâm xây dựng quê hương Thanh Sơn ngày càng giàu đẹp, văn minh, ấm no và hạnh phúc.

Tiểu kết chương 1:

Chương 1 đã khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về đình làng Việt Nam và giới thiệu tổng quan về địa bàn nghiên cứu - xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình. Qua việc tìm hiểu nguồn gốc, chức năng, tiêu chí nhận diện và vai trò của đình làng, có thể thấy đình làng không chỉ là một công trình kiến trúc tín ngưỡng mà còn là trung tâm sinh hoạt hành chính, văn hóa và tinh thần của cộng đồng cư dân làng xã Việt Nam. Đình làng vừa phản ánh đặc trưng của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, vừa thể hiện rõ tính cộng đồng, tính tự trị và bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

Bên cạnh đó, nó cũng đã làm rõ những đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội, lịch sử và truyền thống văn hóa của xã Thanh Sơn. Đây là vùng đất có lịch sử hình thành lâu đời, giàu truyền thống yêu nước, đời sống tín ngưỡng phong phú và còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa dân gian đặc sắc. Điều kiện tự nhiên, cơ cấu dân cư cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã tác động trực tiếp đến sự hình thành, tồn tại và phát triển của hệ thống đình làng trên địa bàn.

Những cơ sở lý luận và thực tiễn được trình bày trong chương này là nền tảng quan trọng để tiếp tục nghiên cứu cụ thể về hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG ĐÌNH LÀNG TẠI XÃ THANH SƠN

2.1. Khái quát hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn

2.1.1. Số lượng, phân bố, phân loại

Đình làng đã gắn bó với đời sống con người về mặt tín ngưỡng, văn hóa tinh thần, là những di tích văn hóa quý giá của cư dân xã Thanh Sơn. Trải qua bao thăng trầm từ trước năm 1945 đến nay, hệ thống đình đền trên địa bàn xã Thanh Sơn vẫn để lại nhiều dấu tích thiêng liêng và được người dân thành tâm duy trì việc thờ cúng. Các ngôi đình được phân bố rộng khắp tại các thôn xóm, là nơi gắn kết cộng đồng cư dân bản địa không phân biệt nguồn gốc, họ tộc.

Thành hoàng được thờ cúng trong đình thường là các vị Thượng đẳng thần thời Hùng Vương, tiêu biểu là Tam vị Thánh Tản, trong đó nổi bật là Đức thánh Cao Sơn Đại Vương và Quý Minh Đại Vương. Nhìn chung, đình làng ở Thanh Sơn phần lớn là thờ những vị thần linh thiêng, những vị tướng tài, hoặc những người có công phù trợ dẹp loạn, giữ yên bờ cõi cho nước, cho dân. Ngoài ra, đình còn giữ một chức năng quan trọng đó là nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần, không gian tổ chức lễ hội truyền thống của người dân trong vùng.

Thống kê của Phòng Văn hóa – xã hội xã Thanh Sơn thì tại đây có số lượng và phân bố đình làng của xã Thanh Sơn như sau:

Bảng 2.1: Số lượng và sự phân bố của đình làng Thanh Sơn

STT	Tên thôn	Số lượng	Tên đình
1	Bái	1	Đình Bái
2	Ác	2	Đình Ác (Đình
3	Lạm	1	Đình làng Lạm
4	Hữu Thường	2	Đình Hữu Thường, Đình Giáng
5	Lược	1	Đình Bến Lược
6	Vân Trình	1	Đình làng Vân Trình
7	Lão Cầu	1	Đình Lão Cầu
8	Vân Trung	1	Đình Vân Trung
9	Yên Chỉ	1	Đình Yên Chỉ
10	Đồng Dục	1	Đình Đồng Dục
11	Thành Bắc	1	Đình Nénh
12	Hiền Lương	1	Đình Hiền Lương
13	Đồng Lạc	1	Đình Hàng Xã

14	Ráy	1	Đình làng Ráy
15	Mai Xuân	1	Đình Thanh Mai (Đình Muôi)
16	Thượng	1	Đình Thôn Thường (Đình Nghè)
17	Mèn	1	Đình làng Mèn

Từ bảng thống kê trên, chúng ta thấy, hệ thống đình làng ở xã Thanh Sơn khá phong phú với tổng số khoảng trên 19 đình phân bố tại 17 thôn, làng, cho thấy mật độ đình làng tương đối dày. Hầu hết các làng, thôn đều có ít nhất một đình làng, trong đó một số thôn, làng như Thôn Ác và Hữu Thường có 2 đình, phản ánh mức độ phát triển lâu đời và sự phân tách cư trú trong lịch sử hình thành làng xã.

Về phân bố không gian, các đình làng tập trung trải đều trên toàn địa bàn xã, không có sự tập trung cục bộ ở một khu vực nhất định. Khu vực dân cư đông đúc như Thành Bắc, Lão Cầu, Hiền Lương, Yên Chỉ có hệ thống đình gắn liền với không gian cư trú lâu đời, trong khi các thôn như Vân Trung, Vân Trình, Đồng Dục lại phản ánh sự mở rộng cư trú và phát triển làng xã trên nền tảng không gian sản xuất nông nghiệp.

Đáng chú ý, một số thôn có nhiều đình hoặc đình mang tên khác nhau trong cùng một địa bàn (như Hữu Thường, Thôn Ác), cho thấy sự tồn tại của các cụm cư trú cổ, hoặc sự phân chia làng xóm trong lịch sử.

Nhìn chung, hệ thống đình làng ở xã Thanh Sơn có tính liên tục lịch sử cao, phân bố rộng khắp và gắn chặt với không gian cư trú của từng thôn, làng. Đây là cơ sở quan trọng phản ánh đời sống tín ngưỡng phong phú của cư dân địa phương, đồng thời cho thấy vai trò trung tâm của đình làng trong việc duy trì bản sắc văn hóa và cô kết cộng đồng qua nhiều thế hệ.

2.1.2. Các vị thành hoàng được thờ trong đình làng xã Thanh Sơn

Theo thống kê của Phòng Văn hóa – xã hội xã Thanh Sơn thì số đình làng, các Thành hoàng ở xã Thanh Sơn như sau:

**Bảng 2.2: Hệ thống đình làng và các vị thần được thờ cúng tại đình làng
tại xã Thanh sơn**

STT	Tên đình	Các vị thần được thờ	Địa điểm	Niên đại
1	Đình Bái	Tứ trụ triều Đình: Đình Điền, Nguyễn Bắc, Trịnh Tú, Lưu Cơ	Thôn Bái	Thế kỉ X
2	Đình Ác	Thủy Tinh Công chúa	Thôn Ác	Thế kỉ XIII
3	Đình làng Lạm	Đức Thánh Quý Đức Ông (thời Trần)	Thôn Lạm	Chưa xác định được thời gian (Nhưng có từ thời Trần)
4	Đình làng Hữu Thường	Thần Quý Minh Khang Quốc	Thôn 3 Hữu Thường	Khoảng Thế kỉ XV – XVIII
5	Đình Bến Lược	Cô Đôi Thượng Ngàn, Thủy Tinh Thượng Ngàn và Thành hoàng làng	Thôn Lược	Thế kỉ XVI
6	Đình làng Vân Trình	Thần Quý Minh và Đình Trọng Hiển	Thôn Vân Trình	Thế kỉ XVII – XVIII
7	Đình Lão Cầu	Thần Cao Sơn - Công Chúa Liễu Hạnh – Thành Hoàng làng	Thôn Lão Cầu	Thế kỉ XVII – XVIII
8	Đình Vân Trung	Thần Quý Minh và Thủy Tinh Phu nhân	Thôn Vân Trung	Chưa xác định được niên đại (nhưng có trước năm 1783)

9	Đình Yên Chỉ	Tản Viên Sơn Thánh	Thôn Yên Chỉ	Hiện tại kiến trúc di tích đều có niên đại vào thời Nguyễn
10	Đình Đồng Dược	Thành hoàng	Thôn Đồng Dược	Thế kỉ XVIII
11	Đình Nénh	Vua Đình Tiên Hoàng và Bà Chúa Nghè	Thôn Thành Bắc	Thế kỉ XVIII
12	Đình Hiền Lương	Thành hoàng Đình Công Cảnh	ở Thôn Hiền Lương	Đầu thế kỉ XIX
13	Đình Hàng Xã	Quý Minh Đại vương và Thành hoàng Bản thổ	Thôn Đồng Lạc	Giữa thế kỉ thứ XIX
14	Đình Trại Khẩn	Thủy Tinh Công chúa	Thôn Ác	Cuối thế kỉ XIX – Đầu thế kỉ XX
15	Đình làng Ráy	Tam vị Thánh Tản, Bách Hoa Công chúa	Thôn Ráy	Chưa xác định được niên đại
16	Đình làng Giáng	Tản Viên Sơn Thánh	Thôn 4 Hữu Thường	Chưa xác định được niên đại
17	Đình Thanh Mai (Đình Muôi)	thần Quý Minh, Tản Viên và Thành hoàng	Thôn Mai Xuân	Chưa xác định được niên đại
18	Đình Thôn Thượng (Đình Nghè)	Thần hoàng (Đức Thánh Quế) Quan Sứ giả	Thôn Thượng	Chưa xác định được niên đại
19	Đình làng Mèn	Thành hoàng	Thôn Mèn	Chưa xác định được niên đại

Dựa trên cách phân loại nguồn gốc Thành hoàng, hệ thống thần linh được thờ tại các đình làng xã Thanh Sơn có thể nhận xét như sau:

Trước hết, nhóm Thành hoàng có nguồn gốc tự nhiên (nhiên thần) chiếm tỷ lệ khá lớn và giữ vị trí quan trọng trong hệ thống tín ngưỡng địa phương. Tiêu biểu là các thần núi, thần sông như Tản Viên Sơn Thánh (được thờ ở Yên Chi, Giáng, Thanh Mai), Quý Minh Đại vương (Hữu Thường, Vân Trung, Vân Trình, Hàng Xã, Thanh Mai), Cao Sơn, Thủy Tinh và các biến thể như Thủy Tinh Công chúa, Thủy Tinh Thượng Ngàn, Mẹ Nước. Đây là lớp tín ngưỡng phản ánh rõ đặc trưng cư dân nông nghiệp lúa nước, gắn với việc cầu mưa thuận gió hòa, trị thủy và bảo vệ sản xuất. Các nhiên thần này về sau đều được “nhân hóa”, gắn với thần tích lịch sử để phù hợp với cấu trúc thờ Thành hoàng làng.

Thứ hai là nhóm Thành hoàng có nguồn gốc nhân thần, chiếm số lượng đáng kể trong hệ thống đình làng Thanh Sơn. Nhóm này bao gồm các nhân vật lịch sử và bán lịch sử như Đinh Tiên Hoàng, các tướng lĩnh thời Đinh (Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ), các nhân vật thời Trần như Thánh Quý Đức Ông, Đinh Công Cảnh, cùng các yếu tố lịch sử hóa khác như các vị “tiên hiền”, người có công với làng xã. Đáng chú ý, bên cạnh các nhân vật lịch sử lớn, còn có nhiều trường hợp mang tính truyền thuyết hoặc địa phương hóa, phản ánh xu hướng “lịch sử hóa tín ngưỡng” trong quá trình phát triển làng xã.

Thứ ba là nhóm Thành hoàng gắn với tín ngưỡng bản địa và yếu tố nguyên thủy, thể hiện qua các hình thức thờ Mẫu, thờ Cô, thờ Bà và các yếu tố liên quan đến tín ngưỡng phồn thực, như Bách Hoa Công chúa, Liễu Hạnh, Cô Đồi Thượng Ngàn. Đồng thời, một số yếu tố thờ tự có dấu vết tín ngưỡng tự nhiên cổ như thờ sông, thờ núi, thờ các linh thần địa phương cũng được tích hợp trong hệ thống đình làng. Đây là biểu hiện rõ của sự giao thoa giữa tín ngưỡng bản địa và hệ thống Thành hoàng hóa.

Thứ tư là nhóm các vị thần và đối tượng được tôn phong gắn với công lao khai phá, lập làng, bao gồm những người có công mở đất, lập ấp hoặc có đóng góp cho cộng đồng địa phương. Mặc dù không xuất hiện đậm nét như ở một số vùng ven biển hay vùng khai hoang muện, nhưng vẫn thể hiện qua việc thờ các “tiên hiền”, “hậu hiền” và một số nhân vật được cộng đồng ghi nhận công lao. Một số trường hợp được thờ làm hậu thần, gắn với hình thức cúng giỗ và hương khói định kỳ tại đình làng.

Nhìn chung, hệ thống Thành hoàng làng ở xã Thanh Sơn thể hiện rõ tính đa nguồn gốc và đa tầng văn hóa, bao gồm sự hòa trộn giữa nhiên thần (thần núi, thần sông), nhân thần (anh hùng lịch sử, nhân vật truyền thuyết), tín ngưỡng bản địa (thờ Mẫu, thờ Cô, tín ngưỡng phồn thực) và các yếu tố xã hội

hóa như tiên hiền – hậu hiền. Sự đan xen này phản ánh đặc trưng tín ngưỡng làng xã Bắc Bộ: vừa mang yếu tố tự nhiên – nông nghiệp, vừa mang yếu tố lịch sử – cộng đồng, đồng thời tiếp thu và dung hợp linh hoạt nhiều lớp văn hóa qua các thời kỳ phát triển.

2.1.3. Phân loại đình làng tại xã Thanh Sơn

Bảng 2.3: Phân loại di tích đình làng xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia và di tích chưa được xếp hạng tại xã Thanh Sơn

STT	Tên đình	Phân loại
1	Đình Ác	Cấp Quốc gia
2	Đình Bái	Cấp tỉnh
3	Đình Lão Cầu	Cấp tỉnh
4	Đình Hiền Lương	Cấp tỉnh
5	Đình Hữu Thường	Cấp tỉnh
6	Đình Vân Trung	Cấp tỉnh
7	Đình Vân Trình	Cấp tỉnh
8	Đình Yên Chỉ	Cấp tỉnh
9	Đình làng Giáng	Cấp tỉnh
10	Đình Hàng Xã	Cấp tỉnh
11	Đình Thanh Mai (Đình Muôi)	Cấp tỉnh
12	Đình Bến Lược	Cấp tỉnh
13	Đình Đồng Dục	Chưa được xếp hạng
14	Đình Nénh	Chưa được xếp hạng
15	Đình làng Lạm	Chưa được xếp hạng
16	Đình làng Ráy	Chưa được xếp hạng
17	Đình Trại Khẩn	Chưa được xếp hạng
18	Đình Thượng (Đình Nghè)	Chưa được xếp hạng
19	Đình làng Mèn	Chưa được xếp hạng

Với sự hiện diện của các di tích cấp Quốc gia và cấp Tỉnh (như đình Hữu Thường, đình Ác, đình Yên Chỉ), Thanh Sơn thực sự là một "bảo tàng sống" về kiến trúc và lịch sử của huyện Nho Quan. Điều này chứng tỏ đây là vùng đất có bề dày lịch sử định cư lâu đời, giữ vị trí quan trọng trong không gian văn hóa vùng bán sơn địa Ninh Bình.

2.2. Cảnh quan địa lí, kiến trúc, điêu khắc của đình làng tại xã Thanh Sơn

2.2.1. Cảnh quan địa lý

Địa hình bán sơn địa đặc trưng của xã Thanh Sơn đã tạo nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ. Sự tác động này thể hiện rõ nét qua tư duy quy hoạch “tựa sơn hướng thủy”. Trong khi đó, hệ thống kênh mương và các nhánh sông Hoàng Long phía trước đóng vai trò là “minh đường”, không chỉ mang lại sự khoáng đạt, dẫn dắt tài lộc theo quan niệm dân gian mà còn giúp điều hòa khí hậu cho không gian sinh hoạt cộng đồng. Sự đan xen giữa những khối núi đá góc cạnh và những dòng chảy mềm mại đã thúc đẩy sự ra đời của những mái đình uốn cong thanh thoát, tạo nên sự cân bằng tuyệt đối giữa cái “cứng” của đá và cái “mềm” của nước. Chính sự hòa quyện này đã biến các ngôi đình làng tại Thanh Sơn trở thành một bộ phận hữu cơ không thể tách rời của hệ sinh thái tự nhiên, nơi kiến trúc nhân tạo tôn vinh cảnh quan và ngược lại, địa lý tự nhiên đã linh thiêng hóa không gian thờ tự của con người.

Cảnh quan địa lý đình làng xã Thanh Sơn còn thể hiện qua nghệ thuật lựa chọn vị thế và định hướng không gian. Ngôi đình thường được tọa lạc trên những quốc đất cao ráo, vững trãi, nơi có địa tầng ổn định để tránh tình trạng sụt lún và ngập lụt vào mùa mưa bão. Về phương vị, đình làng Thanh Sơn ưu tiên lựa chọn hướng Nam (như đình làng Ác, đình Vân Trung, đình Lão Cầu...) hoặc Đông Nam làm trục chủ đạo (như đình làng Yên Chỉ, đình Hữu Thường...) Đây không chỉ là quan niệm phong thủy “thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ” mà còn là một giải pháp địa lý khí hậu thông minh: Giúp công trình đón nhận tối đa luồng gió mát từ biển thổi vào trong mùa hè oi ả, đồng thời ngăn chặn luồng gió Đông Bắc lạnh giá xâm nhập vào mùa đông. Sự giao thoa giữa cấu trúc kiến trúc và hướng gió tự nhiên đã tạo nên một vị trí khí hậu đặc trưng luôn thông thoáng và dễ chịu bên trong nội tự.

Phía trước sân đình thường là một hồ nước bán nguyệt hoặc ao làng hoặc giếng nước đóng vai trò như một tấm gương địa lý phản chiếu và điều hòa khu vực. Phía sau phải tựa núi, đồi hoặc có thể đất cao ráo tạo nên thế dựa vững chắc, bình an, hai bên có tay long (tay vịn), hình dung như người ngồi khoan tay trên chiếc ghế tựa vịn.

Xung quanh ngôi đình đều có những bóng cây cổ thụ như: Đa, sung, si...hay những bụi tre trúc um tùm tỏa bóng mát, cùng với hệ thống các trậu hoa cây cảnh. Sự kết hợp giữa màu xanh của lá, màu nâu của ngói cổ và màu bạc

của thân cây tạo nên một bảng màu cảnh quan trầm mặc, cổ kính không tách rời mà hòa quyện chặt chẽ với các hoạt động nhân văn. Đất, nước, khí hậu và cây cối, con người đã biến đình làng xã Thanh Sơn thành một mảnh ghép di sản không thể thiếu trong cấu trúc cảnh quan nông thôn Việt Nam hiện đại.

2.2.2. Kiến trúc

2.2.2.1. Cổng đình

Vì đình làng ngoài chức năng thờ tự đình đôi khi còn là trụ sở hành chính của làng của xã nên cổng đình thường rộng lớn hơn cổng đền, một số ngôi đình không có cổng. Cổng đình có bốn cột (hai cột chính, hai cột trụ) mỗi cột có một hoặc hai câu đối bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm ca ngợi công đức Thành Hoàng.

Tại Đình Lão Cầu, cổng đình được xây dựng theo lối ngũ môn với các cột trụ biểu cao vút. Trên hai cột trụ chính có đắp nổi hình đôi nghê chầu, kèm theo đôi câu đối chữ Hán ca ngợi công đức của thần Cao Sơn Đại Vương. Ngược lại, ở một số ngôi đình vùng chiêm trũng như Đình Bến Lược, cổng đình đôi khi chỉ là hai trụ biểu đơn giản để tạo không gian mở, kết nối trực tiếp với bên sông nơi dân làng thường qua lại hay đình Vân Trung (Làng Vân Trung) Cổng đình Vân Trung mang đậm dấu ấn của kiến trúc thời Nguyễn với hệ thống Nghi môn có mái che (lối kiến trúc cổng có mái giả) ở hai lối đi phụ. Trên trán cổng phụ thường có các bức đại tự bằng chữ Hán nêu rõ tên làng hoặc những mong cầu về sự thái bình, thịnh vượng cho dân làng.

2.2.2.2. Sân đình

Bước qua cổng đình là khoảng không gian rộng mở, thoáng đãng nhất của làng. Mặt sân thường được lát bằng gạch chỉ đỏ (gạch Bát Tràng) miết mạch cẩn thận. Theo thời gian, mặt gạch thường lên rêu phong hoặc mòn vẹt. Ngay chính giữa sân, đối diện với Bái đường thường có một bức bình phong (tắc môn) để chắn thủy, ngăn tà khí xâm nhập, nằm sát đình là những bia đá có khắc tên người dân công đức làm đình hoặc những tấm bia đá ghi lại lịch sử của đình nội dung sắc phong.

Sân đình nơi đây còn là “trái tim” của các hoạt động cộng đồng. Sân đình là nơi tổ chức hát chèo, múa lân, rước kiệu trong ngày hội, cũng là nơi dân làng họp bàn việc công hoặc phơi phóng nông sản vào mùa gặt. Góc sân luôn rợp bóng những cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi như đa, đề, bàng hay lộc vừng (Minh chứng rõ nét nhất là sân đình Yên Chỉ. Đây là một không gian văn hóa đặc biệt,

nơi mặt sân gạch chỉ đỏ nằm dưới bóng mát của quần thể 4 cây cổ thụ là Cây Di sản Việt Nam. Những gốc cây đa, cây đề cổ thụ không chỉ tạo bóng mát cho các buổi họp làng mà còn là minh chứng cho sức sống bền bỉ của ngôi đình qua hàng thế kỷ) hay đình làng Ác vào mùa gặt, sân đình Ác trở thành một sân phơi khổng lồ, nơi những thảm lúa vàng óng của bà con nông dân được trải dài dưới nắng, tạo nên một bức tranh làng quê no ấm, thanh bình. Sân đình vừa là nơi thực hiện các nghi lễ tâm linh, vừa gắn bó mật thiết với nhịp sống lao động sản xuất của cư dân nông nghiệp. Đồng thời, dọc theo hai bên sân đình còn lưu giữ những tấm bia đá cổ, được đặt trang trọng trên lưng rùa ghi chép lại công đức của các bậc tiền nhân đã có công đóng góp xây dựng đình, giúp thế hệ con cháu hôm nay mỗi khi bước chân vào sân đình đều có thể cảm nhận được chiều sâu lịch sử của quê hương.

2.2.2.3. Ao hồ và giếng đình

Trong cấu trúc không gian đình làng xã Thanh Sơn, hệ thống hồ bán nguyệt, ao làng và giếng đình không chỉ là những yếu tố trang trí mà còn đóng vai trò là “Thủy minh đường” - điểm tụ thủy, tụ lộc tối quan trọng về mặt phong thủy. Tại đình Vân Trình, hồ bán nguyệt phía trước sân đình đóng vai trò như một tấm gương khổng lồ, không chỉ soi bóng mái đao cong vút mà còn giúp điều hòa khí hậu, tạo sự khoáng đạt cho thung lũng giữa những vách núi đá vôi dựng đứng. Tương tự, tại đình Ác, hệ thống ao và giếng đình không chỉ phục vụ nhu cầu bao sái, tế tự mà còn là điểm nút giao hòa âm dương, giúp cân bằng giữa cái tĩnh tại của núi rừng. Chính sự hiện diện của không gian mặt nước này đã hoàn thiện thế đất “son thủy hữu tình”, biến mỗi ngôi đình trở thành một chỉnh thể kiến trúc hài hòa tuyệt đối với cảnh quan thiên nhiên vùng bán sơn địa.

2.2.2.4. Bái đường

Vào các di tích qua cổng và sân sẽ tới lớp kiến trúc đầu tiên là nhà bái đường (hay còn gọi là nhà tiền đường, tiền tế", nhà tiền đường thường có bậc bước lên. Tòa Bái đường thường được làm rất bề thế, trải dài theo chiều ngang với 3 gian 2 chái hoặc 5 gian. Cửa bức bàn mở rộng để đón tối đa ánh sáng tự nhiên.

Bên trong là hệ thống cột gỗ lim to bản nâng đỡ dàn vì kèo vững chãi. Trên các cấu kiện gỗ (bức cốn, kẻ, bẩy) là đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc

dân gian với các kỹ thuật chạm thủng, chạm bong kênh hình rồng, phượng, mây hoa, chim thú vô cùng sống động. Nơi đây đặt hương án lớn, đồ tế khí (chấp kích, chiêng, trống, bát bửu). Đây là không gian để các bậc bô lão và chức sắc trong làng tiến hành các nghi thức tế lễ, dâng hương chính thức.

Tòa Bái đường của Đình Ác là một điển hình cho nghệ thuật chạm khắc gỗ. Tại đây, trên các bức cốn và bẩy hiên, người thợ chạm khắc địa phương đã thể hiện tài năng bậc thầy qua các hình tượng “Tứ linh” (Long, Ly, Quy, Phượng) chạm bong kênh lớp lang, sống động. Không gian Bái đường tại đây rất rộng, đủ sức chứa hàng trăm người dân trong các dịp tế lễ lớn của làng.

2.2.2.5. Thiêu hương

Nếu tòa Bái đường là nơi hội họp, hành lễ của cộng đồng và Hậu cung là chốn thâm nghiêm, linh thiêng nhất thì tòa Thiêu hương chính là chiếc cầu nối, không gian trung chuyển quan trọng kết nối hai phần kiến trúc này. Trong bộ cục chữ “Đình” phổ biến của đình làng xã Thanh Sơn, Thiêu hương thường là một gian nhà hẹp nằm dọc, nối vuông góc từ gian giữa tòa Bái đường đâm thẳng vào Hậu cung.

Về mặt kiến trúc, mái của tòa Thiêu hương thường thấp hơn tòa Bái đường để tạo sự phân cấp không gian rõ rệt. Đây là nơi các thầy cúng hoặc người hành lễ đứng dâng hương, chuẩn bị lễ vật trước khi tiến hành các nghi thức tế tự sâu bên trong. Dù không gian nhỏ hẹp, nhưng tại các ngôi đình ở Thanh Sơn, Thiêu hương vẫn được chăm chút tỉ mỉ về hệ thống rường cột và đồ thờ tự. Tại Đình Lão Cầu, tòa thiêu hương được xây dựng kiên cố theo kiểu chữ “Đình”. Hệ thống cột tại đây được bào trơn, đóng bén theo kỹ thuật mộc truyền thống của vùng Thanh Sơn. Trên các thanh rường thường chạm khắc nhẹ nhàng các họa tiết lá lật hoặc vân mây, tạo cảm giác thanh thoát, dẫn dắt tâm thức người hành lễ từ sự náo nhiệt bên ngoài vào sự tĩnh lặng của nội cung hay tại đình Bái: Thiêu hương không chỉ là lối đi mà còn là nơi đặt các giá gương, bát bửu và tàn lọng hai bên, tạo thành một “con đường tâm linh” trang trọng. Không gian này thường có ánh sáng mờ ảo, kết hợp với khói hương nghi ngút, làm tăng thêm vẻ huyền bí và uy nghiêm cho con đường dẫn vào nơi ngự trị của đức Thành hoàng.

2.2.2.6. Hậu cung

Nằm ngay sau Bái đường (được nối liền bằng một gian nhà nhỏ gọi là “ổng muống”, tạo thành cấu trúc chữ Đinh hoặc chữ Nhị) còn được gọi là Hậu cung.

Trái ngược với Bái đường sáng sủa và rộng mở, Hậu cung được xây kín đáo, thâm thấp và thiếu sáng. Ánh sáng lọt vào đây rất ít, chủ yếu chỉ là ánh nến, ánh đèn dầu leo lét trên ban thờ. Kết hợp với mùi hương trầm tích tụ năm này qua tháng khác, không gian Hậu cung luôn mang lại một cảm giác tĩnh lặng, thâm trầm và mang chút huyền bí.

Vị trí chính giữa và trang trọng nhất là nơi thờ Thành Hoàng làng đây là nơi ngự trị của các vị Thành hoàng làng (như Tam vị Thánh Tản ở đình Yên Chi, hay Thủy Tinh Công chúa ở đình làng Ấc). Hai bên là ban thờ Thần Nông, Ngũ Phương Hoàng Đế, Thần Sông, Núi....

Hậu cung là nơi bài trí ban thờ của Thành hoàng là nơi thâm nghiêm nhất của đình làng, ngoài ban thờ, tượng, bài vị, nhiều đình làng còn để lại các đạo sắc phong do các triều đại phong kiến (như thời Lê, Nguyễn) ban tặng cho Thành hoàng. Sắc phong thường được cuộn tròn, đựng trong những chiếc ống bằng gỗ quý, đặt trang trọng trong hòm sắc son đỏ và để trên vị trí cao nhất, để ngăn cách ánh nhìn trực diện của người phàm vào không gian đặt bài vị, trước ban thờ thường treo một bức “cửa võng” chạm thủng cầu kỳ, tựa như một bức rèm của thế giới thần tiên.

Ngày thường, cửa Hậu cung luôn khóa kín. Không phải ai cũng được phép bước chân vào đây. Chỉ vào những dịp đại lễ hội làng, người thủ từ (người trông coi đình) và một vài bậc bô lão thanh sạch, gia đình không có tang bụi mới được phép vào mở cửa. Họ sẽ thực hiện nghi thức “Mộc dục” trước khi tiến hành tế lễ ở Bái đường.

2.2.2.7. Mái đình

Trong kiến trúc đình làng truyền thống, phần mái chiếm tỷ lệ rất lớn, thường bằng 2/3 tổng chiều cao của cả công trình. Mái xòe rộng ra bốn phía, vươn dài che phủ kín phần hiên và hàng cột ló nhô bên ngoài, tạo nên dáng vẻ vô cùng bề thế, uy nghi che chở cho dân làng. Mái được lợp bằng ngói mũi hài hoặc ngói vảy cá nung thủ công. Trải qua hàng trăm năm sương gió, lớp ngói này thường ngả màu xám bạc hoặc phủ kín rêu xanh, mang lại vẻ đẹp trầm mặc đầy hoài cổ, mái đình thường có độ dốc khá lớn để thoát nước mưa nhanh,

nhưng lại hơi võng xuống ở phần giữa và vút lượn lên ở các góc. Kỹ thuật này giúp khối mái không lồ không bị nặng nề mà trông rất mềm mại.

Bốn góc của mái đình không làm vuông vức mà được kéo dài ra và hếch cong vút lên nền trời, gọi là các đầu đao. Đứng từ xa nhìn lại, mái đình như một cỗ lọng khổng lồ đang lơ lửng, hay như đôi cánh chim đang rộng chuẩn bị vút bay. Tại các mũi đao uốn cong này, người thợ thường đắp nổi (bằng vữa pha mật mía, giấy bản) hình ảnh những con rồng đang vươn mình, hoặc các hoa văn hóa rồng, hóa phượng vô cùng sống động.

Ngay chính giữa bờ nóc rêu phong thường là hình ảnh hai con rồng lớn đang uốn lượn, châu vào một mặt trăng tròn rực lửa (hoặc quả bầu thái cực). Đây là biểu tượng của sự giao hòa âm dương, mang ý nghĩa cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu cho cả làng. Ở hai đầu bờ nóc thường đắp hình "con kìm" (một loài thủy quái trong truyền thuyết có khả năng phun nước) với ý nghĩa trấn hỏa, bảo vệ ngôi đình khỏi hỏa hoạn. Dọc theo các bờ dải (viên mái) chạy xuống đầu đao là các con xô, con sáu nháp nhô như đang canh gác.

Hình ảnh mái đình “như đôi cánh chim đang rộng” được thể hiện rõ nhất tại đình Hữu Thường. Với kiến trúc mái đao cong vút, các đầu đao được đắp nổi hình rồng hóa phượng vươn lên nền trời xanh của vùng núi nơi đây. Đặc biệt, trên bờ nóc của đình thường có hình tượng “Lưỡng long châu nguyệt” được đắp tỉ mỉ bằng vữa mật mía, tạo nên điểm nhấn uy nghi cho toàn bộ công trình giữa không gian làng quê yên bình..

2.2.3. Điều khắc

Dù hiện tại chưa có nhiều tài liệu số hóa chi tiết về nghệ thuật điêu khắc của từng ngôi đình cụ thể tại khu vực xã Thanh Sơn mới sáp nhập, nhưng nhìn chung, các công trình tín ngưỡng nơi đây đều mang đậm dấu ấn chạm khắc truyền thống của vùng cổ đô. Các nghệ nhân xưa đã thổi hồn vào những cấu kiện gỗ lớn như bức cốn, đầu dư, xà, bẩy thông qua kỹ thuật chạm lộng, chạm nổi và chạm bong kênh đầy tinh xảo. Trong đó, đề tài Tứ linh luôn chiếm vị trí chủ đạo với hình tượng rồng cuộn mây, đao lửa vút cao thể hiện uy quyền linh thiêng; kết hợp hài hòa cùng bức tranh Tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai) và các họa tiết hoa sen, sóng nước cách điệu tượng trưng cho ước vọng bình an, mưa thuận gió hòa. Đặc biệt, tại khu vực cung thánh - nơi đặt ngai thờ Thành hoàng làng, những mảng điêu khắc trên gỗ lim thường được sơn son thiếp vàng rực rỡ, tạo nên một không gian tổng thể vô cùng lộng lẫy, huyền bí và trang nghiêm.

Không chỉ dừng lại ở gỗ, điêu khắc đá tại đình Hữu Thường cũng là một điểm nhấn. Các chân tảng (đế kê cột) được đục đẽo từ đá xanh nguyên khối, chạm hình cánh sen nở úp – một nét đặc trưng của kiến trúc thời Trần còn sót lại. Ngoài ra, hình ảnh các con Nghê đá châu trước cổng đình với thân hình mập mạp, ánh mắt hiền từ cũng là minh chứng cho sự tài hoa của thợ đá Ninh Bình, thể hiện sự bảo vệ bình yên cho làng xã. Tại đình Lạm, dù quy mô có phần khiêm tốn hơn nhưng đình Lạm lại sở hữu những mảng chạm khắc cực kỳ tinh xảo trên các kẻ hiên. Thay vì những hình tượng rồng lớn uy nghi, các nghệ nhân tại đây tập trung vào đề tài “Luyện tòng” và “Hoa sen cách điệu”. Các nét chạm khắc mềm mại, uốn lượn theo độ cong của cấu kiện gỗ, giúp giảm bớt vẻ nặng nề của hệ thống cột kèo lim. Đây là minh chứng cho sự linh hoạt của người thợ mộc địa phương trong việc thích ứng nghệ thuật điêu khắc với quy mô thực tế của từng công trình.

2.3. Một số đình làng tiêu biểu tại xã Thanh Sơn

2.3.1. Đình Hàng Xã

Đình Hàng Xã là tên gọi dân gian của di tích, dùng để chỉ ngôi đình chung của toàn xã, phản ánh vai trò là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nhiều thôn trong khu vực. Di tích hiện thuộc thôn Đồng Lạc, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Về lịch sử hành chính, vùng đất nơi di tích tọa lạc có lịch sử biến động lâu dài. Thời Bắc thuộc thuộc huyện Võ Công, quận Cửu Chân; thời Đinh – Lê – Lý thuộc phủ Trường Yên; thời Trần thuộc trấn Thiên Quan; đến năm 1397 đổi thành phủ Thiên Quan [26; tr.51]. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, di tích thuộc thôn Đường Lạc, xã Tân Chính, huyện Gia Viễn.[6; tr.6-7]. Sau năm 1945, thuộc thôn Đồng Lạc, xã Cộng Hòa, huyện Nho Quan. Năm 1977, khi sáp nhập huyện, di tích thuộc xã Thanh Lạc, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1981, huyện Hoàng Long tách thành Gia Viễn và Hoàng Long, di tích thuộc huyện Hoàng Long. Năm 1992, tỉnh Ninh Bình tái lập, di tích thuộc xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan. Đến tháng 9 năm 2025, sau khi sáp nhập các xã Thanh Lạc, Văn Phú, Sơn Thành và Hữu Thường, di tích thuộc xã Thanh Sơn như hiện nay.

Về lịch sử xây dựng, đình không còn tư liệu xác định chính xác niên đại khởi dựng, nhưng theo tư liệu dân gian và thần tích địa phương, đình đã hình thành từ rất sớm, gắn với quá trình lập làng và tổ chức cộng đồng cư dân vùng đồng chiêm trũng – bán sơn địa.

Trong quá trình tồn tại, di tích nhiều lần tu bổ, tôn tạo. Đặc biệt, bài vị Thành hoàng bản thổ từng bị di chuyển qua chùa Duy Khánh do biến động lịch sử, sau đó được rước trở lại đình năm 2010, đánh dấu sự phục hồi không gian tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng.

Về kiến trúc

Đình Hàng Xã xây dựng theo kiến trúc truyền thống chữ Đinh (丁), gồm hai tòa chính là Tiền đường và Hậu cung, tường hồi bít đốc, mái lợp ngói mũi hài đỏ. Di tích nằm trong không gian làng quê đồng bằng chiêm trũng, xung quanh là ruộng canh tác và khu dân cư cổ thôn Đồng Lạc.

Sân đình có kích thước khoảng 5,6m x 9,8m, nền đình cao hơn mặt sân khoảng 0,5m. Từ sân lên hiên qua 2 bậc tam cấp cao khoảng 0,4m. Hiên đình rộng khoảng 1,5m, dài khoảng 8,6m, là không gian chuyển tiếp giữa ngoài và trong điện thờ.

Mái đình lợp ngói mũi hài, bờ nóc xây đơn giản, không trang trí cầu kỳ, hai đầu kìm xử lý theo kiểu giạt cấp. Kết cấu kiến trúc mang đặc trưng đình làng Bắc Bộ thời Nguyễn, thiên về công năng thờ tự, hạn chế trang trí mỹ thuật.

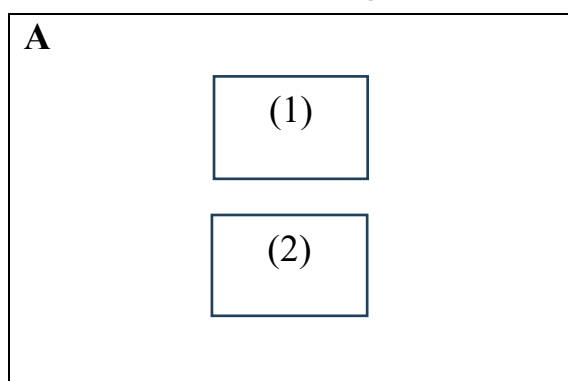
Không gian nội thất gồm: Tiền đường: nơi hành lễ và sinh hoạt cộng đồng; Hậu cung: không gian thờ tự chính.

Bố cục thờ tự cụ thể:

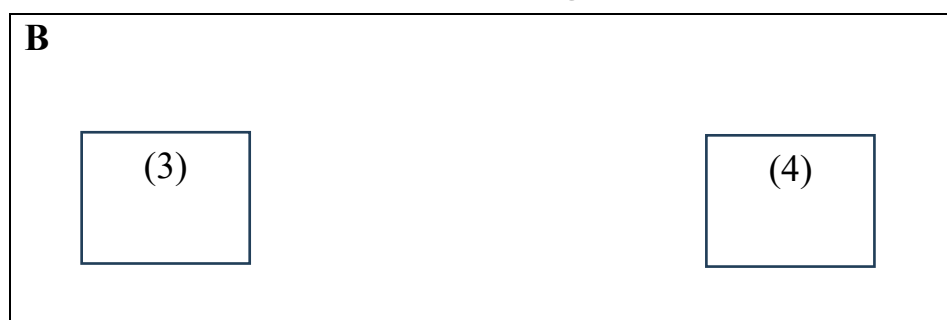
Hậu cung đặt long ngai, bài vị Quý Minh Đại Vương và Thành hoàng bản thổ.

Tiền đường thờ Hộ pháp Trùng Ấc và Hộ pháp Khuyến Thiện.

Tòa Hậu cung



Tòa Tiền đường



Chú giải:

A. Tòa Hậu cung

(1) Long ngai, bài vị thờ thánh Quý Minh Đại Vương

(2) Long ngai, bài vị thờ Thành Hoàng làng

B. Tòa Tiền đường

(3) Ban thờ đức Hộ pháp Trùng Ấc

(4) Ban thờ đức Hộ pháp Khuyến Thiện.

Trong khuôn viên di tích còn lưu giữ một số cây cổ thụ như gạo, bàng, ngô đồng... từng có vai trò che chở cho hoạt động cách mạng trong kháng chiến.

Đình Hàng Xá thờ hai vị Thành hoàng:

Thứ nhất là Quý Minh Đại Vương, thuộc hệ thống Tam vị Tản Viên Sơn Thánh (Tản Viên – Cao Sơn – Quý Minh). Theo ngọc phả lưu tại đền Cả (phường Tây Hoa Lư), Quý Minh cùng hai anh em Tản Viên và Cao Sơn là những nhân vật huyền thoại thời Hùng Vương, có công giúp dân trị thủy, đánh giặc, ổn định đời sống cư dân. Trong truyền thuyết, Quý Minh xuất thân từ vùng Gia Hưng, Hương Hóa (Sơn Tây), từ nhỏ đã thông minh, giỏi binh thư, sau theo vua Hùng dẹp giặc, được phong Quý Minh Đại Vương. Ông bái tạ vua Hùng, xin đi chu du bốn bể, thăm thú những nơi biên viễn non xanh. Một hôm, Tam vị Tản Viên Sơn Thánh trở về Bái Ân, Sơn Dục (thuộc Sơn Thành, nay là Xã

Thanh Sơn), chỗ trước kia Sơn Thánh lập đồn, mở tiệc ăn mừng, cho dân tiền mua ruộng, ông Sùng xin về khu đồn Khoái An Lão để lập sinh từ, ông Hiến xin về Vân Áng (thuộc vùng Thanh Lạc, xã Thanh Sơn) để lập sinh từ. Sơn Thánh xin cho bốn nơi được miễn tô thuế, từ đây nhà nhà, người người đều sung túc, phong tục tốt đẹp.

Sau khi hóa, ông được thờ ở nhiều nơi, đặc biệt tại các vùng gắn với hệ thống sông núi và đồng bằng chuyển tiếp như Thanh Sơn. Việc thờ Quý Minh phản ánh đặc trưng cư dân nông nghiệp phụ thuộc vào thủy lợi và trị thủy.

Thứ hai là Thành hoàng bản thổ, mang mỹ tự là “Quảng Hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng Dực bảo Trung hưng chi thần”. Đây là vị thần bản địa có công khai hoang lập ấp, bảo trợ cộng đồng cư dân Đồng Lạc từ buổi đầu hình thành làng xã. Theo tư liệu địa phương, vị Thành hoàng bản thổ được thờ từ lâu đời trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, do đình bị hư hỏng nặng nên dân làng đã rước bài vị ngài sang thờ tại đình Vân Từ, sau chuyển về chùa Duy Khánh, đến năm 2010 sau khi đình hàng xã được xây dựng lại thì nhân dân đã rước bài vị ngài về đình Hàng Xã để thờ tại đình, thể hiện sự phục hồi tín ngưỡng truyền thống và tính liên tục của không gian thờ tự.

Hàng năm, tại di tích diễn ra các hoạt động văn hóa (tính theo âm lịch) sau:

Lễ việc làng: Ngày 12 tháng 10 hàng năm, đây là lễ lớn nhất của làng được diễn ra tại đình. Phần lễ và tế tổ chức trong buổi sáng, buổi chiều con em trong xã tổ chức hội với những trò chơi dân gian như kéo co, cờ tướng, chơi gà...

Lễ tổng thuyền rồng: Ngày 15 tháng 1 hàng năm: Đây là lễ diễn ra vào đầu năm, nhân dân trong vùng đến đình làm lễ cầu may, mong cho một năm mới bình an và hạnh phúc. Trong lễ có sư tụng kinh, cầu may sau đó là tế nam quan, kết thúc lễ là thả thuyền rồng trên sông Lạm. Ngoài ra các ngày rằm và mừng một nhân dân trong vùng đều đến dâng lễ, thắp hương.

Về giá trị lịch sử, đình Hàng Xã phản ánh quá trình hình thành và biến đổi liên tục của vùng Đồng Lạc – Thanh Sơn qua nhiều thời kỳ lịch sử, đồng thời là chứng tích của sự phát triển làng xã Bắc Bộ trong không gian chiêm trũng – bán sơn địa.

Về giá trị văn hóa – tín ngưỡng, di tích thể hiện sự dung hợp giữa hai lớp tín ngưỡng: nhiên thần (Quý Minh Đại Vương thuộc hệ Tản Viên Sơn Thánh) và bản thổ thần (Thành hoàng khai canh). Đây là mô hình điển hình của tín

ngưỡng Thành hoàng làng Việt Nam, vừa mang yếu tố tự nhiên (sông, núi, tri thủy), vừa mang yếu tố xã hội (khai hoang, lập làng, cổ kết cộng đồng).

Về giá trị tư liệu, di tích còn lưu giữ 03 sắc phong thời Nguyễn: Thiệu Trị thứ 6 (1846), Tự Đức thứ 33 (1880), Khải Định thứ 9 (1924) cùng hệ thống long ngai, bài vị, bát hương, đồ thờ gồm và gỗ thời Nguyễn. Đây là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương.

Về giá trị lịch sử cách mạng, năm 1931 đình Hàng Xã là nơi cất giấu truyền đơn, rải xuống các vùng Văn Phú, Tùng Lộc, Sơn Thành; là địa điểm hội họp bí mật của cơ sở cách mạng. Từ năm 1946, đình được sử dụng làm công binh xưởng, sửa chữa và chế tạo vũ khí phục vụ kháng chiến.

Hiện nay, đình Hàng Xã tiếp tục là trung tâm sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng của cộng đồng, đồng thời có tiềm năng kết nối tuyến du lịch tâm linh Ninh Bình, đặc biệt trong hệ thống di tích thờ Quý Minh Đại Vương như Tràng An, đền Trần và các di tích liên quan trong vùng.

2.3.2. Đình Lão Cầu

Đình làng lão Cầu được gọi theo tên địa danh của làng Lão Cầu, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình. Đình còn có tên gọi khác là đình làng Lão, gọi theo tên cổ của làng.

Về lịch sử hành chính, dưới triều Đinh, Tiền Lê, Lý, vùng đất nơi đây thuộc phủ Trường Yên [26; tr.51]; đến triều Trần (1225-1400) thuộc lộ Trường Yên, sau đổi là trấn Thiên Quan (Cổng Trời); năm Quang Thái thứ 10 (1397) đổi thành phủ Thiên Quan.

Đầu thế kỷ XIX, vùng đất có di tích thuộc tổng Văn Luận, huyện Phụng Hóa, phủ Thiên Quan. [34; tr.120]

Năm Tự Đức thứ 15 (1861) thành phủ Nho Quan. [3; tr.10]

Năm 1976, sáp nhập tỉnh Ninh Bình và Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh, năm 1977, sáp nhập huyện Nho Quan và Gia Viễn thành huyện Hoàng Long, di tích thuộc làng Lão Cầu, xã Văn Phú, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1981, điều chỉnh lại địa giới hành chính, huyện Hoàng Long được tách làm 2 huyện Hoàng Long và Gia Viễn. Năm 1993 đổi huyện Hoàng Long trở lại tên cũ là huyện Nho Quan. Tháng 9 năm 2025 sáp nhập 4 xã (Thanh Lạc, Văn Phú, Sơn Thành Hữu Thường) thành xã Thanh Sơn từ đó đến nay, di tích thuộc làng Lão Cầu, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Về lịch sử xây dựng, theo tư liệu Hán Nôm cổ nhất có ghi lại ở bia đá đình Kim Liên, thành phố Hà Nội có khắc bài minh được vua Lê Tương Dực viết vào năm Hồng Thuận thứ hai (1510) viết về sự kiện liên quan tới đình làng Láo (Lão Cầu). Vậy căn cứ vào tư liệu này có thể xác định đình có sớm nhất là vào năm 1510.

Quá trình trùng tu, tu bổ diễn ra tại đình Lão Cầu. Năm 1953, chiến dịch Tây Nam Ninh Bình, thực dân Pháp đã phá ngôi đình, lấy đi các cột gỗ để xây dựng công sự tại Rịa (xã Phú Lộc, huyện Nho Quan). Năm 2009, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, nhân dân đã quyên góp và đón nhận công đức của các nhà hảo tâm để xây dựng lại ngôi đền trên nền đất cũ, hiện nay, di tích được các cấp chính quyền địa phương và nhân dân quan tâm, bảo vệ tốt, nhằm phát huy giá trị của di tích, góp phần giáo dục lòng tự hào, yêu quê hương đất nước đối với các thế hệ con cháu

Đình làng Lão Cầu tọa lạc ở khu đất rộng, trên tổng diện tích 1286m vuông, nằm quay hướng tây nam, phía trước là đường liên xã, 3 phía còn lại là ruộng lúa. Từ lâu đình đã trở thành trung tâm của các hoạt động văn hóa tâm linh của cả làng.

Đình làng Lão Cầu được xây theo kiểu tứ mái, với diện tích dài 8,9m, rộng 7,6m, cao 6,4m. Bên trong đình được thiết kế với 4 hàng chân cột chạy dọc và ba hàng chân cột chạy ngang, chia đình làm 1 gian 2 trái và 2 dĩ, các cột được làm bằng bê tông giả gỗ, hai hàng cột giữa mỗi cột cao 5,4m đường kính 0,30m; hai hàng cột ngoài, mỗi cột cao 4,5m, đường kính 0,25m. Các cấu kiện vì kèo, chông giường được làm với kiến trúc đơn giản, không có chạm khắc.

Trong đình được bài trí ba ban thờ chính, phía chính của ban thờ giữa trang trí hình “lưỡng long chầu nguyệt”

Phía trên gian giữa có treo bức đại tự lớn sơn son thếp vàng: “Cao Sơn đại vương từ” dịch nghĩa là “đền thờ Cao Sơn đại vương”. Hai bên có hai câu đối:

“Đức đại an dân thiên cổ thịnh
Công cao hộ quốc vạn niên tồn”

Dịch nghĩa:

“Đức lớn yên dân đời đời thịnh
Công cao hộ nước mãi mãi còn”.

Đình có 3 cửa ra vào, cửa giữa rộng 2,4m, với 4 cánh cửa bằng gỗ, cao 1,8m. hai cửa bên, mỗi cửa rộng 1m, có hai cánh cửa gỗ. Có hệ thống ngưỡng

cửa cao 0,20m. Hệ thống nền nhà được lát gạch đỏ, cao hơn sân 0,75m, được chia làm 5 bậc lên xuống.

Hệ thống mái của đình được chia làm 4 mái, các vì kèo bằng bê tông làm theo kiểu chông giường, các cấu kiện mái được đổ bê tông, gắn ngói nam.

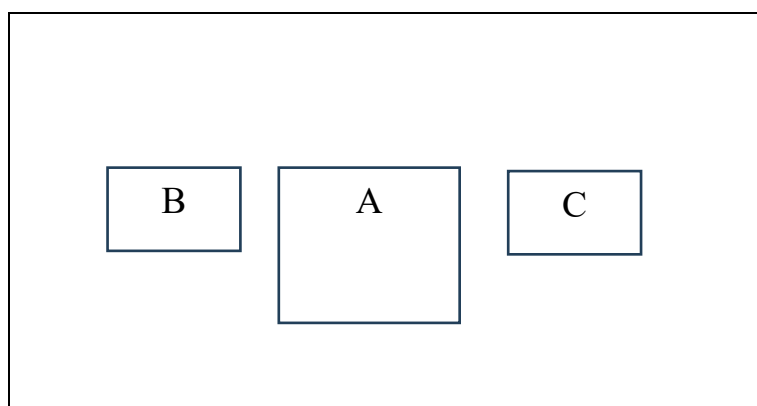
Phía trên mái đình có đắp hình tượng “lưỡng long châu nguyệt”, có 4 mái đao, ở các đầu mái được xây uốn cong, trên các đầu mái được trang trí hoa văn sóng nước. Phía trên cửa hiện vật có bức đại tự “Tối linh từ” dịch nghĩa là đền rất thiêng liêng”, hai bên có câu đối:

“ Cổ miếu trùng tu lưu hậu thế
Linh từ tôn tạo phụng tiên nhân”

Dịch nghĩa:

Trùng tu miếu cũ lưu hậu thế
Tôn tạo đền thiên phụng tổ tiên

Bài trí thờ tự trong di tích



Các ban thờ quay theo hướng của di tích

(A) Ban thờ Cao Sơn Đại Vương, Thành Hoàng làng, cộng đồng.

(B) Ban thờ công chúa Liễu Hạnh.

(C) Ban thờ các anh hùng liệt sỹ của làng.

* Cao Sơn Đại Vương

Cao Sơn Đại Vương là một vị tướng đứng thứ 2 sau Tản Viên Sơn Thánh thời Hùng Vương thứ 18 có công đánh quân Thục, trị thủy, phát triển sản xuất nông nghiệp.

Theo “Thần linh đất Việt”, nhà xuất bản văn hóa dân tộc có viết:

Cao Sơn là nhân vật huyền thoại đời Hùng Vương thứ 18, Cao Sơn còn gọi là Sùng công, con của hai vợ chồng người nông dân ở tại trang Thanh Uyên.

Ông có người em trai tên là Quý Minh, còn gọi là Hiễn công. Thuở nhỏ, cả hai đều khôi ngô, tuấn tú, học một biết mười, lại có sức khỏe phi thường.

Vào thời bấy giờ, Hùng Duệ Vương (Hùng Vương thứ 18) tuổi già sức yếu, không có con trai, bộ chúa Ai Lao Thục Phán sợ ngôi vua rơi vào tay con rể là Tản Viên Sơn Thánh liền cất quân đánh chiếm nước Văn Lang.

Vua giao cho Tản Viên chức tổng chỉ huy quân đội đánh Thục, ông cùng Cao Sơn và Quý Minh chỉ huy các tướng dàn trận ở Mộc Châu đánh bại quân Thục. Hai năm sau Thục chúa lại cho quân đánh tiến nước Văn Lang, vua Hùng lại triệu ba anh em Tản Viên Sơn Thánh chỉ huy các tướng đánh Thục. Vua Hùng phong Tản Viên là tổng chỉ huy quân dân Văn Lang; Cao Sơn là thống lĩnh tả bộ sơn thần; Quý Minh là thống lĩnh hữu bộ sơn thần.

Dưới quyền chỉ huy của Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn và Quý Minh, quân Hùng đã đánh thắng nhiều trận lớn, kết thúc chiến tranh Hùng - Thục.

Vào ngày 15 tháng 10, sau khi chiến tranh kết thúc, trên đường trở về dinh, hai ông Cao Sơn cùng Quý Minh cùng hóa về trời.

Sau khi Cao Sơn, Quý Minh hóa hai ông cùng với Tản Viên Sơn Thánh trở thành ngôi tối cao tương ứng với ba ngọn núi Ba Vì. Nhân dân tôn là “Tam vị đức thánh Tản”. Từ đó âm phù cho các vua, các tướng đánh thắng giặc ngoại xâm để bảo vệ cho quốc thái dân an, phù hộ cho mưa thuận gió hòa.[30; tr.124]

Ghi nhớ công ơn của Tam vị Tản Viên Sơn Thánh, đất nước ta từ Nghệ An trở ra đồng bằng sông Hồng và đặc biệt là các tỉnh Phú Thọ, Hưng Yên, Ninh Bình, thành phố Hà Nội, ở đâu cư dân Việt cũng có đền thờ ngài. Cũng như nhiều nơi trên vùng đất Ninh Bình, làng Lão Cầu, xã Văn Phú nhân dân lập đình thờ thần Cao Sơn đại Vương, cầu cho mưa thuận gió hoà, âm phù, giúp nhân dân làm ăn sinh sống, ấm no, hạnh phúc.

* Mẫu Liễu Hạnh

Theo truyền thuyết, vào đầu thời Hậu Lê, tại ấp Quảng Nạp, xã Vi Nhuế, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam (nay là thôn Vi Nhuế, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình) có ông Phạm Huyền Viên, vợ là Đoàn Thị Hằng, là người hiền lành, tu nhân tích đức, nhưng đã ngoài 40 tuổi mà chưa có con. Một đêm ông bà được báo mộng, Ngọc Hoàng sẽ cho con gái thứ hai là công chúa Hồng Liên xuống đầu thai làm con, từ đó bà có thai và sinh được một bé gái đặt tên là Phạm Tiên Nga.

Tiên Nga càng lớn càng xinh đẹp, nét na, mọi việc đều thành thạo, đảm đang. Tiên Nga chăm sóc cha mẹ cho đến khi thân phụ và thân mẫu qua đời.

Sau ba năm để tang cha mẹ, Phạm Tiên Nga bắt đầu chu du khắp nơi làm việc thiện. Bà đã ủng hộ tiền của và công sức để giúp nhân dân đắp đê ngăn nước, xây cầu, khơi ngòi, khai khẩn đất hoang, giúp tiền bạc cho người nghèo, chữa bệnh cho người ốm, sửa đền, chùa...Bà đã đi khắp nơi khuyên răn nhân dân những điều phải trái.

Ngày mùng 2 tháng 3 năm Quý Ty, thời Hồng đức (1473), trời nổi cơn giông, gió cuốn, mây bay, Bà đã hóa về trời. Năm đó bà vừa tròn 40 tuổi. Sau khi mất, nhân dân lập đền thờ bà tại xã La Ngạn, huyện Đại An, phủ nghĩa Hưng, gọi là phủ Đại La Tiên Từ; Ở quê mẹ cũng lập đền thờ gọi là Phủ Quang Cung.

Theo sự tích giáng sinh lần thứ hai, kể rằng:

Vì thương nhớ cha mẹ nơi cõi trần mà đến thời Lê Thiên Hựu, năm Đinh Ty. (1557), Phạm Tiên Nga giáng sinh lần thứ hai tại thôn Vân Cát, Xã An Thái, huyện Thiên Bản (nay là xã Kim Thanh, tỉnh Ninh Bình). Lần này, bà kết duyên cùng ông Trần Đào, sinh được một trai, một gái. Bà mất ngày 3 tháng 3 năm Đinh Sửu, thời Lê Gia Thái thứ 5 (1577), năm ấy bà mới 20 tuổi.

Theo sự tích giáng sinh lần thứ ba, kể rằng:

Vì tình nghĩa thủy chung với chồng con nơi trần gian, đến thời Lê Khánh Đức thứ 2 (1650), Phạm Tiên Nga lại giáng sinh lần 3 tại đất Tây Mỗ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, vào ngày 10 tháng 10 năm Canh Dần, tái hợp với ông Trần Đào (lúc này đã tái sinh là Mai Thanh Lâm), sinh được một người con trai. Bà mất ngày 23 tháng chạp năm Mậu Thân, thời vua Lê Cảnh Trị thứ 6 (1668). Năm ấy bà vừa tròn 18 tuổi. Đền thờ bà là phủ Sòng Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Qua sự tích về Thánh Mẫu Liễu Hạnh Phạm Tiên Nga cho thấy bà là một người con gái rất tài hoa và đức hạnh. Trong nhiều thế kỷ, trong tâm linh tín ngưỡng của nhân dân bà được tôn thờ là “Thánh mẫu linh thiêng - mẹ của muôn dân”. Bà là một trong bốn vị thánh “Tứ bất tử” của truyền thuyết trong dân gian Việt Nam.

* Thành hoàng làng

Hiện nay, không có tư liệu nào lưu lại lịch sử của Thành hoàng làng. Theo truyền lại trước năm 1953, sắc phong còn, theo nội dung sắc phong có ghi vị Thành hoàng làng là: Đức Đương Cảnh.

Hàng năm, tại di tích có tổ chức các ngày lễ hội chính như sau (tính theo ngày âm lịch

Ngày 15/1: Lễ xuống đồng

Ngày 15/10: ngày ky. Cao Sơn đại vương

Trước đây: Ngày 15 tháng 10 đã trở thành ngày hội lớn của nhân dân, Ngày này được tổ chức kéo dài 2 ngày từ ngày 14 tới ngày 15, với quy mô rộng. Công việc chuẩn bị cho ngày lễ hội này được làm từ ngày 14, tới ngày 15 là phần chính, gồm phần tế lễ và phần hội.

Phần tế: có rước kiệu từ đình về nhà ông chủ tế, làm thủ tục để rước sắc ra đình, tế lễ tại đình, có ông chủ tế, đội tế nữ quan, nam quan, phường bát âm. Phần hội: có tổ chức các chương trình hát chèo vào tối 14, sáng ngày 15 tổ chức các trò chơi dân gian như: chơi cờ người, đấu vật, chọi gà... tất cả đều diễn ra trong không khí vui mừng, phấn khởi

Thường dịp này nhân dân tụ họp đông đủ để bày tỏ lòng biết ơn tới các vị anh hùng có công với dân, với nước.

Lễ hội này không còn được duy trì do đã bị mai một trong quá trình chiến tranh, đốt phá.

Đến năm 2009, đình được xây dựng lại, nhân dân đã duy trì lại ngày lễ hội.

Ngoài ra, các ngày tư, rằm, mừng một nhân dân đến thập hương

Những ngày lễ tại đình diễn ra với sự góp mặt đông đủ của nhân dân trong làng, trong xã và khách thập phương.

Di tích là nơi thờ cúng Cao Sơn Đại Vương, một nhân vật huyền thoại thời Hùng Vương thứ 18, đóng vai trò là một tướng giỏi trong cuộc chống quân Thục xâm lược. Trong tiềm thức của nhân dân ông là vị thần thánh, đã âm phù cho các vua, các tướng đánh giặc ngoại xâm để quốc thái dân an, phù hộ cho mưa thuận gió hoà, góp phần mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Di tích là nơi thờ cúng công chúa Liễu Hạnh, một nhân vật huyền thoại thời Hậu Lê. Ngày nay, bà được thờ cúng với vai trò là một vị thần luôn che chở cho dân, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mang lại những điều tốt đẹp cho nhân dân.

Qua tìm hiểu về di tích, chúng ta được tiếp cận với những tư liệu lịch sử còn lưu giữ dưới dạng văn bia đồng thời qua đó, chúng ta có dịp tìm hiểu về con người, truyền thống; về sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ lịch sử của đất nước.

Đình làng Lão Cầu là di tích có lịch sử lâu đời. Nơi đây, đã đóng góp nhiều trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc và ngày nay đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của dân làng, góp phần giáo

dục các thế hệ đời sau về truyền thống, nền nếp, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc

2.3.3. Đình làng Ác

Đình Ác theo Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh thì ác có nghĩa là cầm lấy, nắm lấy. Người ta còn gọi là đình Thụ Ân đây là tên chữ của làng ác. Thụ Ân có nghĩa là nhớ ơn. Hiện nay Đình Ác thuộc thôn Ác, xã Thanh Sơn, Tỉnh Ninh Bình.

Về lịch sử hành chính, vùng đất có di tích từ xưa đến nay trải qua nhiều tên gọi khác nhau: Thời Bắc thuộc, thuộc huyện Vô Công quận Cửu Chân [26; tr.51] thời Đinh tiền Lê thuộc vùng phạm vi kinh đô Hoa Lư thời Lý vùng đất này thuộc: phủ Trường Yên thời Trần di tích thuộc trấn Thiên Quan. Năm Quang Thái thứ X (1397) đổi trấn Thiên Quan thành phủ Thiên Quan. Di tích thời kỳ nay thuộc xã Sơn Dục tổng Văn Chỉ huyện Gia Viễn.

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945 di tích thuộc thôn Thụ Ân xã Bái Ân, tổng Văn Trình huyện Gia Viễn sau cách mạng tháng 8 năm 1945 di tích thuộc thôn Ác xã Thành Công huyện Nho Quan tỉnh Ninh bình. Năm 1977 huyện Nho Quan và Gia Viễn sát nhập lấy tên là huyện Hoàng Long tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1982 di tích thuộc huyện Hoàng Long tỉnh Ninh Bình. Tháng 11 năm 1993, đổi tên huyện Hoàng Long trở lại tên cũ là huyện Nho Quan. Tháng 9 năm 2025, sáp nhập 4 xã Thanh lạc, Văn Phú, Sơn Thành, Thượng Hòa thành xã mới là xã Thanh Sơn, từ đó đến nay di tích thuộc thôn Ác, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Về lịch sử xây dựng, theo truyền thuyết các di tích lịch sử còn lại thì ông Lương Văn Diệp người Thôn Thụ Ân theo Trần Hưng Đạo đi đánh giặc Nguyên Mông lập nhiều chiến công. Một lần trước khi ra trận, ông Lương Văn Diệp vào đền thờ bà Thủy Tinh công chúa ở Ngọc Lạc khẩn và hứa rằng “Nếu ông thắng trận sẽ lập đền thờ” quả nhiên trận đó ông thắng giặc được vua Trần Nhân Tông ban thưởng cho 300 quan tiền đồng và phong ông làm “Thủy Tấu phán sự trưởng đội thủy quân” và gia dụ phong sắc phong cho bà Thủy Tinh công chúa là “Trung đẳng Phúc Thần” và giao cho ông Lương Văn Diệp mang sắc phong , chân nhang về thôn Thụ Ân lập đền thờ lúc đầu gọi là Hồng Kiều Miếu sau này gọi là đình Ác.

Ngôi đình được trùng tu, tu sửa nhiều lần, năm 1864 tu sửa tòa tiền đường được xây dựng lại gồm 3 gian 8 cột cái bằng gỗ lim, 8 cột đá vuông có soi cạnh,

tiền đường có bức cửa võng được chạm khắc tứ linh long ly, qui phượng, lưỡng long, châu nguyệt, có 4 chữ Hán Thánh cung vạn tuế cả 2 khu chính ngự và tiền bái đều được xây cất chắc chắn với vừa được chôn mật và muối. Nay tường vẫn còn vững chắc.

Năm 1940 ngôi đình được trùng tu, bao gồm các hạng mục: Hậu cung gồm 3 gian, Bái đường 3 gian, Thiêu hương, tả vu, hữu vu. Tường được xây bằng vôi vữa, cột, nhà được làm bằng gỗ, mái lợp ngói. Ở các góc mái được tạo hình bởi các đao uốn cong tinh xảo. Cũng thời điểm năm 1940, hệ thống tường bao được xây dựng hoàn chỉnh đến năm 1996, ngôi đình được tôn tạo lại toàn bộ. Năm 2012, ngôi đình tu sửa lại phần ngói và 4 đầu đao. Năm 2021 Tu bổ tôn tạo lại Hậu cung: Đảo ngói, căn chỉnh mái hậu cung thay mới toàn bộ ngói lợp, thay 60% ngói mũi hài và bổ sung một số cấu kiện gỗ bị hư hỏng. Tu bổ, tôn tạo Bái Đường: Lợp ngói mũi hài, mái thượng và mái hạ, xây bờ nóc mái thượng, xây bờ chỷ mái thượng và mái hạ.

Di tích không bị chiến tranh tàn phá, song thời gian đã làm một số dui mè bị mục cần được thay thế lại. Đặc biệt trong các năm gần đây địa phương đã có tu sửa nhỏ như đảo ngói, thay một số dui mè quét si măng để bảo vệ tường và giữ được vẻ nghiêm trang của di tích.

Về kiến trúc

Đình Ác được xây dựng theo kiến trúc truyền thống chữ Đình (丁). Đình Ác quay hướng nam nhìn ra cánh đồng lúa mênh mông, hiện nay các công trình kiến trúc có tiền bái 3 gian, hậu cung (dân địa phương gọi là cung đệ nhất) gồm 2 gian, được làm bằng gỗ lim, các đầu bẩy, kẻ đều được chạm khắc tứ linh, tứ qui, xà soi, ống chỉ. Cánh cửa ở Hậu cung (3 cánh) được chạm khắc công phu, trong đó phần ô thoáng phía trên được chạm lưỡng long châu nguyệt.

Tòa Hậu cung: Cột Sử dụng hệ thống cột gỗ lim tròn lớn đặt trên các chân tảng đá. Các chân tảng này giúp chống ẩm mốc và mối mọt cho chân cột, cột cái dài 2m, cột quân dài 2,4m. Xà Hệ thống xà thượng, xà hạ đan xen chặt chẽ để khóa các đầu cột, giúp toàn bộ công trình chịu được sức nặng của bộ mái ngói dày, Xà hạ dài 2m, xà thượng dài 3,5m. Mái Hậu cung thường được lợp ngói mũi hài (ngói vẩy rồng) rất dày. Bốn góc mái thường có các đầu đao cong vút. Kèo: Thường sử dụng kiểu “Chồng rường” hoặc “Giá chiêng”. Các con rường được chồng lên nhau qua các đoạn xẻ rãnh, tạo ra bộ khung vững chãi để đỡ hệ mái dốc. Tại Hậu cung còn có bức hoành phi bằng gỗ, chạm khắc

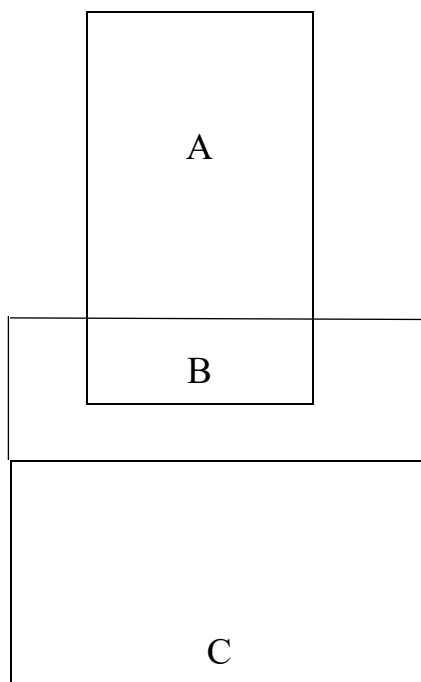
3 chữ Hán “Tối linh từ”. Chính ngự xây tường, có 4 đao uốn theo hình đầu rồng, 4 góc dưới của 4 đao là 4 cột đá.

Tòa Bái đường được xây dựng gồm 3 gian 8 cột cái bằng gỗ lim, 8 cột đá vuông có soi cạnh, tiền đường có bức cửa võng được chạm khắc tứ linh long ly, qui phượng, lưỡng long châu nguyệt, có 4 chữ Hán Thánh cung vạn tuế cả 2 khu chính ngự và tiền bái đều được xây cất chắc chắn vôi vữa được chọn mật và muối. Nay tường vẫn còn vững chắc.

Chính ngự và Bái đường có 3 cửa ở giữa thiêu hương có cửa cuốn trên là lầu nhỏ có 6 đao uốn cong, hai bên thiêu hương có tả vu và hữu vu còn gọi là cửa ống múng, mỗi bên có 10 đao xây theo kiểu tam cấp, tả hữu vu đều xây cùng thời với Bái đường

Nhìn rộng ra, địa điểm này tạo ra một thế trận liên hoàn vững chắc trong thời kỳ cách mạng. Khu vực đình Ác là nơi có địa thế hiểm trở, cộng với nhân dân trong xã có truyền thống yêu nước căm thù giặc ngoại xâm đã được tạo thế vững chắc cho cách mạng. Địch đến khó có đường ra. Tiếp giáp với đình Ác là một vùng có địa thế hiểm trở, đồi núi trùng điệp, sông nước mênh mông có ý nghĩa chiến lược trong cuộc kháng chiến quân và dân ta.

Bài trí thờ tự:



Chú giải

(A) Hậu cung: Thờ Thủy Tinh công chúa, tượng được đặt trong long đình có 2 khuôn, khuôn trong và khuôn ngoài được sơn son thếp vàng. Có hai thanh kiếm gỗ sơn son thếp vàng để hai bên long đình. Ba hòm sắc sơn son thếp vàng đựng 5 đạo sắc.

(B) Thiêu hương: Thiêu hương là phần không gian nối giữa Bái đường và Hậu cung, tại đây thường đặt một sập gỗ lớn để đặt các mâm lễ vật (xôi, gà, lợn) trước khi dâng vào Hậu cung.

(C) Bái Đường: Hương án Thường đặt ở gian giữa của tòa Bái đường. Trên hương án có bát hương lớn, chân đèn, bình hoa và đài rượu. Hai con hạc lớn đứng trên lưng rùa được đặt chầu hai bên hương án, tượng trưng cho sự trường tồn và mối giao hòa giữa trời đất, Phía hai bên hồi của Bái đường thường đặt một quả trống lớn (Trống Sấm) và một chiếc chiêng đồng, dùng để điều hành các tuần tế.

Nhìn rộng ra, địa điểm này tạo ra một thế trận liên hoàn vững chắc trong thời kỳ cách mạng. Khu vực đình Ác là nơi có địa thế hiểm trở, cộng với nhân dân trong xã có truyền thống yêu nước căm thù giặc ngoại xâm đã được tạo thế vững chắc cho cách mạng. Dịch đến khó có đường ra. Tiếp giáp với đình Ác là một vùng có địa thế hiểm trở, đồi núi trùng điệp, sông nước mênh mông có ý nghĩa chiến lược trong cuộc kháng chiến quân và dân ta.

Thành hoàng làng được thờ tại đình Ác là Thủy Tinh công chúa.

Bà được xem là một vị thần linh thiêng cai quản vùng sông nước, thuộc hệ thống thần linh trong tín ngưỡng bản địa của người Việt và người Mường tại khu vực này. Trong dân gian, Bà thường được tôn xưng là “Mẹ Nước” – vị nữ thần mang lại nguồn sống cho vạn vật.

Theo truyền thuyết và các di tích còn lại, thì ông Lương Văn Diệp người Thụ Ân (thôn Ác) theo theo Trần Hưng Đạo đi đánh giặc lập nhiều chiến công. Chuyện kể rằng ông điệp vào đền bà Thủy Tinh công chúa ở Ngọc Lạc (Thanh Hóa) cầu khẩn và hứa rằng nếu ông đánh thắng giặc sẽ lập đền thờ. Sau khi thắng giặc vua Trần Nhân Tông ban thưởng cho ông 300 quan tiền đồng và phong cho ông làm Thủy tầu phán sự trưởng nhị đội thủy quân và gia Dụ phong sắc cho bà Thủy Tinh công chúa là đệ nhất âm cung, Thủy tinh công chúa trung đẳng phúc thần và giao cho ông Diệp mang sắc phong và chân nhang về khu Thụ Ân lập đền thờ, lúc đầu gọi là Hồng Kiều miếu ngày nay gọi là đền Cầu Vòng hay đền Ác, đình Ác.

Trước những năm 1945 hàng năm tại di tích có mở lễ hội vào 2 ngày 23 và 24 tháng 6 âm lịch, lễ hội gồm có rước kiệu võng song hành.

Từ năm 1945 đến năm 1992 vào các dịp trên chỉ có cúng lễ chứ không mở hội từ 1992 đến nay lễ hội truyền thống được phục hồi lại đây là một lễ hội có tính truyền thống ở vùng Thanh Sơn và các vùng phụ cận, thông qua lễ hội góp phần vào việc giáo dục tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc, ghi nhớ sự kiện lịch sử động viên cán bộ và nhân dân xây dựng quê hương.

Di tích đình Ác là minh chứng cho thời kỳ đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc vào những năm đầu thế kỉ XIII. Đặc biệt trong giai đoạn từ khi Đảng lãnh đạo đến tổng khởi nghĩa cách mạng tháng 8 năm 1945 và tiếp 9 năm kháng chiến chống Pháp, là nơi đi về hội họp của các đồng chí lãnh đạo Đảng. Tại đây nhiều đồng chí lãnh đạo tỉnh ủy, xứ ủy đã về hội họp, đây là nơi tổ chức quần chúng đi đánh Nhật.

Tại di tích, năm 1947 là nơi ở và làm việc của cơ sở 2 nhà máy in tiền bộ, nơi để kho lương của quân khu 3.

Đặc biệt tháng 2 năm 1948 đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Ninh bình lần thứ 3 đã họp tại di tích và đại hội này đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nay là cố vấn của Ban chấp hành Trung ương Đảng, lúc đó được bầu làm bí thư tỉnh ủy.

Di tích còn nguyên vẹn cảnh quan thời trước cách mạng. Đình Ác là một công trình kiến trúc cổ mang phong cách nghệ thuật kiến trúc truyền thống của dân tộc trong di tích còn lưu giữ được nhiều di sản quý như : tượng thờ, long ngai, bài vị, tiền đồng...

2.3.4. Đình làng Yên Chi

Đình làng Yên Chi thường được gọi gắn liền với tên địa danh của làng Yên Chi. Tên gọi này không thay đổi qua các thời kỳ lịch sử, hiện nay di tích thuộc thôn Yên Chi, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Về lịch sử hành chính, vùng đất có di tích trải qua nhiều tên gọi khác nhau. Thời Đinh, vùng đất này thuộc phủ Tràng An; thời Lý gọi là phủ Trường Yên; thời Trần thuộc lộ Trường Yên, sau đổi thành trấn Thiên Quan; năm Quang Thái thứ 10 (1397) đổi thành phủ Thiên Quan. Thời Nguyễn niên hiệu Tự Đức thứ 15 (1862) đổi thành phủ Nho Quan.[3; tr.10]. Năm 1831, di tích thuộc xã Yên Chi, tổng Vân Cái, huyện Gia Viễn, phủ Yên Khánh. Năm 1945, điều chỉnh cắt tổng Vân Cái, huyện Gia Viễn nhập vào phủ Nho Quan.[22; tr.73]

Tháng 5 năm 1946, hợp nhất 3 xã: Vân Trung, Yên Chi và Thanh Mai thành xã Yên Trường. Di tích thuộc làng Yên Chi, xã Yên Trường, huyện Nho Quan. Năm 1949, xã Tân Chính, Yên Trường, Thành Công sáp nhập thành xã Cộng Hòa. Di tích thuộc làng Yên Chi, xã Cộng Hòa, huyện Nho Quan. Năm 1954, xã Cộng Hòa tách thành 3 xã mới: Thượng Hòa, Cộng Hòa, Thành Công. Xã Thượng Hòa gồm các thôn: Vân Trình, Hữu Thường, Vân Trung, Yên Chi. Di tích thuộc thôn Yên Chi, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan [5; tr.11]. Năm 1976, hợp nhất tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh. Di tích thuộc làng Vân Trung, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1977, hợp nhất hai huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn thành huyện Hoàng Long. Di tích thuộc xã Thượng Hòa, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 4 năm 1981, huyện Hoàng Long được điều chỉnh lại địa giới hành chính, tách thành hai huyện Hoàng Long và Gia Viễn, di tích thuộc xã Thượng Hòa, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 11 năm 1993, đổi tên huyện Hoàng Long trở lại tên cũ là huyện Nho Quan. Tháng 9 năm 2025, sáp nhập 4 xã Thanh Lạc, Văn Phú, Sơn Thành, Thượng Hòa thành xã mới là xã Thanh Sơn, từ đó đến nay di tích thuộc làng Vân Trung, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình

Lịch sử xây dựng, hiện chưa rõ thời điểm chính xác xây dựng của di tích. Theo các bậc cao niên trong làng, đình làng Yên Chi đã có từ xa xưa. Các cấu kiện kiến trúc hiện còn tại di tích đều có niên đại vào thời Nguyễn.

Quá trình tu bổ, tôn tạo tại đình diễn ra nhiều lần. Bái đường của di tích trước đây là tòa nhà 5 gian. Tuy nhiên trong thời kỳ kháng chiến Bái đường được chuyển về xây dựng thành nhà kho của hợp tác xã. Tòa Hậu Cung được tu bổ lại vào năm 2000 để phục vụ hoạt động tâm linh của dân làng. Đến năm 2006, chuyển về vị trí cũ và được phục dựng lại còn 3 gian và đến năm 2016, nhân dân tu sửa phần ngói và sơn cột gỗ, cấu kiện kiến trúc của Hậu cung

Hiện nay, di tích được chính quyền xã và nhân dân địa phương bảo vệ, quan tâm, bảo vệ tốt, nhằm phát huy tác dụng của di tích, góp phần giáo dục lòng tự hào, lòng yêu quê hương đất nước đối với thế hệ con cháu.

Về kiến trúc

Đình làng Yên Chi nằm trong không gian đậm chất làng quê yên bình với cảnh quan và vị trí đẹp. Đình tọa lạc tại phía tây thôn Yên Chi, xã Thanh Sơn, trên mảnh đất rộng hơn 3 sào Bắc Bộ (1190m vuông) tách biệt với khu dân cư, 2 mặt phía tây và phía bắc là ruộng lúa, và phía đông và phía nam giáp đường đi. Phía trước đình là cánh đồng tạo sự thoáng đãng cho di tích. Đường

dẫn vào di tích được bố trí phía bên trái, trong khuôn viên di tích có nhiều cây cổ thụ ngả bóng tạo nên không gian cổ kính cho đình.

Đình làng Yên Chi được xây dựng theo kiến trúc chữ nhĩ (=) gồm 3 gian Bái đường và 3 gian Hậu cung. Kiến trúc tường hồi bít đốc. Nhìn chung di tích còn giữ được những nét kiến trúc cổ kính.

Phía trước đình là cổng nghi môn gồm 4 cột trụ biểu. Trên đỉnh đắp nổi họa tiết tứ linh, thân cột đắp nổi câu đối chữ Hán, tiếp đến là khoảng sân với diện tích rộng khoảng 50m vuông, được lát gạch đỏ, xung quanh là hệ thống tường bao quanh di tích.

Tòa Bái đường 3 gian, tường hồi bít đốc, xây theo lối kiến trúc 4 hàng chân cột. Tòa Bái đường có chiều dài 6.95m, rộng 5.45m, cao 4.2m; cột kê trên chân tảng đá cao.

Tòa Hậu cung 3 gian, tường hồi bít đốc, xây theo kiến trúc 4 hàng chân cột.

Hậu cung dài 6.6m, rộng 4.9m, cao 3.6m. Hiên Hậu cung được đỡ bởi hệ thống vì nạch và bẩy, rộng 0.65m. Các ván mê, bẩy bằng gỗ tại hiên toàn Hậu cung được chạm khắc tinh xảo tứ linh, hoa lá cách điệu.

Kết cấu nền: Nền di tích được xây dựng giạt cấp cao dần về phía sau. Nền tòa Bái đường cao hơn nền sân 0.4m, nền tòa Hậu cung cao hơn nền sân. Nền di tích lát gạch đỏ.

Kết cấu mái, Bái đường: Mái lợp ngói tây (đất nung đỏ), hệ thống vì kèo, cấu kiện hoành, xà, rui, mè đều bằng gỗ. Hệ mái được xây kiểu 2 mái chảy, hai mái rộng, lớn.

Kết cấu mái của tòa Bái đường gồm 4 vì kèo gỗ, kết cấu kiểu giá chiêng, các trụ trốn và rường cột được tạo tác mềm mại, chắc khỏe đặc trưng phong cách trang trí thời Nguyễn. Các kết cấu gỗ có kích thước vừa phải. Giữa cột chính và cột quân được liên kết bởi hệ thống rui mè phía trên. Hậu cung: hệ thống mái Hậu cung lợp ngói tây đất nung đỏ, hệ thống vì kèo, cấu kiện hoành, xà, rui, mè đều bằng gỗ. Tòa Hậu cung gồm 4 bộ vì kèo, kết cấu kiểu chông rường giá chiêng. Hai bộ vì đầu hồi có thêm 1 xà ngang dưới câu đầu nhằm trợ lực đỡ hệ mái. Nói chung, các họa tiết trang trí trên đều mang tính đặc trưng của phong cách trang trí thời Nguyễn.

Hệ thống tường: được xây bằng gạch, trát vôi vữa.

Hệ thống cột, Bái đường: Có 16 cột bằng gỗ, tiết diện tròn, đường kính 0.2m. Có 8 cột ở hai đầu hồi được xây trốn vào tường tạo không gian rộng hơn.

Các cột được dựng trên tảng đá tiết diện vuông thấp. Hậu cung có 16 cột gỗ tiết diện tròn. Các cột được dựng trên tảng đá tiết diện vuông thấp.

Hệ thống cửa: Tòa Bái đường không có hệ thống cửa, để thông phía trước vào sau, tạo không gian rộng rãi, thoáng mát. Tòa Hậu cung có 3 cửa ra vào mỗi cửa có 4 cánh bằng gỗ, cửa ở chính giữa được thiết kế rộng hơn với mỗi cánh rộng 0.41m và 2 cửa hông gồm 4 cánh mỗi cánh rộng 0.38m, thiết kế theo lối truyền thống kiểu bức bàn, chân quay then cài.

Ngưỡng cửa bằng gỗ cao 0.55m.

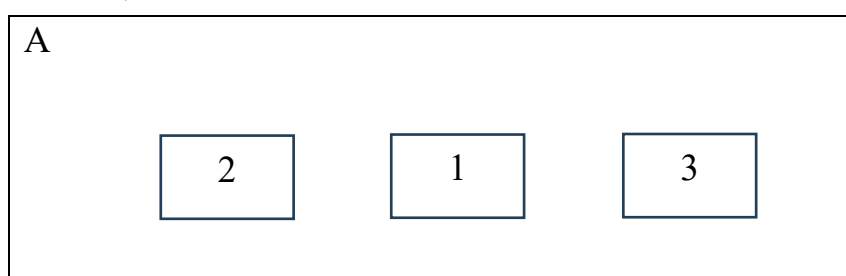
Trang trí mái, tòa Bái đường: Bờ nóc mái để trơn không trang trí, hai đầu kìm của bờ nóc xây đầu vuông, bờ guột hai bên được xây giạt cấp xuống mái hiên. Tòa Hậu cung: Phần giữa bờ nóc để trơn không trang trí hoa văn, bờ guột hai bên được đề trơn và xây giạt cấp phần mái hiên. Tà mái hiên bằng gỗ được chạm khắc hoa văn sóng nước.

Đình làng Yên Chỉ là công trình đã được xây dựng từ lâu đời, trải qua nhiều lần trùng tu nhưng vẫn giữ được những nét kiến trúc cổ truyền, các công trình kiến trúc được xây dựng cân đối hài hòa, các mảng chạm khắc trên kiến trúc tinh xảo mang giá trị thẩm mỹ.

Đình làng Yên Chỉ còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị như: Long ngai, bài vị, bát hương, chân đèn,...

Đình làng Yên Chỉ được xây dựng nhìn về hướng Tây. Các ban thờ trong di tích cũng quay theo hướng này.

Bài trí thờ tự



Sân trong



Sân ngoài

Nghỉ môn

Chú giải:

(A) Hậu cung

(1) Ban thờ Tản Viên Sơn Thánh

(2) Ban thờ Quý Minh Đại Vương

(3) Ban thờ Cao Sơn Đại Vương

(B) Tiền đường

Tam vị Thánh Tản

Tam vị Thánh Tản là những nhân vật huyền thoại thời Hùng Vương thứ 18. Lai lịch của các vị Thánh được ghi chép lại trong nhiều thần tích, ngọc phả lưu giữ tại các địa phương trên cả nước và có nhiều dị bản khác nhau, nhưng tựu chung lại:

Tam vị Thánh Tản gồm 3 nhân vật: Quý Minh Đại Vương, ông vốn tên là Hiến, là anh em sinh đôi với Cao Sơn Đại Vương (tên Sùng), cùng với người anh họ là Tản Viên Sơn Thánh (tên Tuấn), quê ở động Lăng Xương, huyện Gia Hưng, tỉnh Hưng Hóa, đạo Sơn Tây. Các ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhân đức nhưng hiếm con cái. Được dạy dỗ chu đáo, lại có bản tính thông minh, học một biết mười, từ thiên văn đến địa lý, không gì là không hiểu. Nhưng chẳng may đến năm các ông 13 tuổi, trong một năm cha mẹ đều mất cả, ba anh em đi làm con nuôi bà Ma Thị, được các vị thần linh truyền cho phép thuật cao thâm. Khi lớn lên, các ông thống lĩnh quân đội, giúp vua Hùng đánh đuổi quân Ai Lao, Thục Phán đến xâm phạm bờ cõi nước Văn Lang. Khi mất được gia phong là Tản Viên Sơn Thánh, Quý Minh Đại Vương và Cao Sơn Đại Vương, được nhân dân nhiều nơi lập đền thờ phụng.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, người Việt cổ đi từ thượng nguồn các con sông lớn - vùng núi cao tiền dần về xuôi xuống đồng bằng dựng nên nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Núi Ba Vì - Tản Viên sơn, nơi xuất phát của người Việt cổ đi chinh phục miền đồng bằng được coi là núi chủ của hệ tộc Việt - Mường, hình thành nên vị thần tối thượng - thần núi Tản, sau phân ra thành tam vị Tán Viên - Cao Sơn - Quý Minh. Tản Viên Sơn Thánh cùng với Cao Sơn và Quý Minh được cư dân Việt - Mường xem là những vị sơn thần có vị trí tối cao, được người Việt thờ cúng sớm nhất, vị tổ của bách thần, đứng đầu “tứ bất tử” trong tín ngưỡng dân gian bản địa của người Việt.[12; tr.98-109] Và sau đó, tín ngưỡng thờ cúng Tam vị Thánh Tản được lan tỏa theo các triền sông lớn ở đồng bằng Bắc Bộ, với tiềm thức là vị thần núi bảo trợ cho sự thăng thế của nền kinh tế nông nghiệp và công cuộc đắp đê chống lụt, chinh phục đồng bằng của người Việt.[9; tr.61]

Dù có nhiều dị bản khác nhau, tựu chung lại Tam vị Thánh Tản gồm: Quý Minh Đại Vương, Tản Viên Sơn Thánh và Cao Sơn Đại Vương là các vị được phong Thượng đẳng thân, có vai trò quan trọng trong tín ngưỡng người Việt từ hàng ngàn năm nay, là các vị phúc thần phù trợ cho dân cho nước qua các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Để ghi nhớ công đức của Tam vị Thánh Tản, nhiều địa phương trên cả nước nói chung, tỉnh Ninh Bình nói riêng đã lập đền thờ. Tiêu biểu có thể kể đến các di tích như: Đền Đông Thịnh (Phường Bích Đào, Thành phố Ninh Bình), đình Hương Thịnh (làng Chạ, xã Quỳnh Lưu), đền Vô Hốt (xã Lạc Vân), , đình làng Phú Nhiêu (xã Đức Long), đình Bái (xã Sơn Lai), đình, đền và chùa Kim Đôi (xã Gia Lâm),...

Những hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, lễ hội tiêu biểu diễn ra trong năm (tính theo âm lịch) hiện nay ở đình làng Yên Chỉ như sau:

Lễ khai xuân: Diễn ra vào ngày 15 tháng Giêng, đây là lễ diễn ra hằng năm. Dân làng Yên Chỉ mở hội khai đình. Ngày lễ có diễn ra các hoạt động tế nam quan.

Trước năm 1945, Lễ tế đầu xuân là một trong những lễ tế lớn tại đình, nghi thức gồm có: Ông chủ tế thực hiện lễ mộc dục, lau ngai thờ, bài vị. Nhân dân trong thôn tổ chức nghi lễ rước kiệu từ đình và đi quanh làng cuối cùng quay trở lại đình và thực hiện nghi thức tế lễ từ buổi sáng đến buổi chiều. Ngoài ra còn có các hoạt động văn hóa truyền thống như hát chèo, biểu diễn văn nghệ...

Đình làng Yên Chỉ là nơi thờ cúng tưởng niệm Tam vị Thánh Tản, là những vị thần quan trọng, đứng đầu “Tứ bất tử” trong tín ngưỡng truyền thống của người Việt. Nhân dân làng Yên Chỉ thờ cúng Tam vị Thánh Tản với vai trò là “Thành Hoàng làng”, che chở và phù giúp nhân dân trong cuộc sống, thể hiện truyền thống văn hóa đặc sắc của dân tộc.

Di tích còn là nơi lưu giữ những mảng chạm khắc trên kiến trúc độc đáo, góp phần vào việc làm rõ thêm giá trị mỹ thuật trong kiến trúc cổ truyền Việt Nam.

Tại di tích còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị như: Long ngai, kiệu, bài vị, bát hương,... Đó là những nguồn sử liệu quan trọng giúp chúng ta nghiên cứu về quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của di tích.

Nhiều sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội tại di tích là các di sản văn hóa phi vật thể, bảo lưu các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, là giá trị văn hóa to lớn và cha ông để lại, trở thành nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương, tạo sự có kết cộng đồng.

Đình làng Yên Chi ngoài giá trị xã hội là nơi sinh hoạt văn hóa, trung tâm tín ngưỡng của nhân dân làng Yên Chi, di tích còn có một giá trị tinh thần rất lớn, thể hiện tình cảm, sự thành kính, biết ơn sâu sắc của dân làng đối với bậc tiền nhân đã luôn phù trợ giúp nhân dân trong cuộc sống. Đây cũng là truyền thống quý báu của dân tộc ta từ ngàn đời nay, đạo lý uống nước nhớ nguồn.

2.3.5. Đình làng Vân Trung

Di tích thường có tên gọi là đình làng Vân Trung, đây là cách gọi gắn liền với tên địa danh của vùng đất có di tích, hiện nay di tích thuộc thôn Vân Trung, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Trước đây, trên khuôn viên đình làng Vân Trung có 3 di tích, nhân dân quen gọi là đền Ông, đền Bà và Đình Chung. Đền Ông là nơi thờ Quý Minh Đại vương, đền Bà là nơi thờ Thủy Tinh phu nhân, đình là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng, sau này các di tích xuống cấp nên nhân dân đã rước bài vị, đồ thờ ở đền Ông và đền Bà về thờ chung tại Đình.

Lịch sử hành chính, vùng đất này có di tích từ xưa đến nay đã trải qua nhiều tên gọi khác nhau: Thời Đinh, Tiền Lê, Lý, huyện Nho Quan thuộc phủ Trường Yên[26; tr.51]; Thời Trần (1225 – 1400) thuộc lộ Trường Yên, sau đổi là trấn Thiên Quan; năm Quang Thái thứ 10 (1397) đổi thành phủ Thiên Quan; triều Tự Đức năm thứ 15 (1861) đổi thành phủ Nho Quan.[3; tr.10].

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, di tích thuộc tổng Vân Trình, huyện Gia Viễn. Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, điều chỉnh cắt tổng Vân Trình, huyện Gia Viễn nhập vào huyện Nho Quan. Năm 1949, xã Tân Chính, Yên Trường, Thành Công hợp nhất thành xã Cộng Hòa. Di tích thuộc thôn Vân Trung, xã Cộng Hòa, huyện Nho Quan. Năm 1954, xã Cộng Hòa chia tách thành 3 xã mới: Thượng Hòa, Cộng Hòa, Thành Công. Di tích thuộc làng Vân Trung, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan [5; tr.11]. Năm 1976, hợp nhất tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh. Di tích thuộc làng Vân Trung, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1977, hợp nhất hai huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn thành huyện Hoàng Long. Di tích thuộc xã Thượng Hòa, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 4 năm 1981, huyện Hoàng Long được điều chỉnh lại địa giới hành chính, tách thành hai huyện Hoàng Long và Gia Viễn, di tích thuộc xã Thượng Hòa, huyện Hoàng Long, tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 11 năm 1993, đổi tên huyện Hoàng Long trở lại tên cũ là huyện Nho Quan. Tháng 9 năm 2025, sáp nhập 4 xã Thanh lạc,

Văn Phú, Sơn Thành, Thượng Hòa thành xã mới là xã Thanh Sơn, từ đó đến nay di tích thuộc làng Vân Trung, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Lịch sử xây dựng, đình làng Vân Trung vẫn chưa xác định được thời gian xây dựng. Theo sắc phong sớm nhất niên đại Cảnh Hưng 44 (1783) có thể xác định di tích phải có trước năm 1783.

Trải qua hàng trăm năm, với sự tác động của thời tiết, con người, sự tàn phá của chiến tranh, di tích đã bị xuống cấp, nhưng với sự nỗ lực kịp thời của chính quyền và nhân dân địa phương di tích đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần: Năm 1973: Di tích đền Ông, đền Bà nằm trong khuôn viên di tích đình làng Vân Trung bị hạ giải và dọn về chùa Cáy (làng Vân Trung) để thờ phụng, tới năm 1999: Xây dựng thêm tòa Hậu cung tại đình Vân Trung và rước chân linh Quý Minh Đại vương và Thủy Tinh phu nhân về đình để thờ phụng. Năm 2014: Tu sửa lại tòa Bái đường 5 gian.

Nhân dân và chính quyền địa phương đã thành lập Ban khánh tiết gồm 18 người do ông Mần Đức Đúng làm trưởng ban. Ban có nhiệm vụ tổ chức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng theo truyền thống, gìn giữ, bảo vệ, sưu tầm những tài liệu liên quan đến di tích và tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng, đóng góp công sức cho di tích ngày càng khang trang hơn.

Về kiến trúc

Công dân vào di tích được bố trí phía trước di tích. Không gian chính của di tích gồm sân, nhà Tiền đường và Hậu cung.

Đình làng Vân Trung được xây dựng theo kiến trúc cũ Nhị (=), gồm 5 gian Tiền đường, 2 gian hậu cung. Kiến trúc tường hồi bít đốc.

Phía trước hiên có 2 cột đồng trụ cao 6.5m, thân đắp nổi đề tài tứ quý, lồng đèn trang trí chữ thọ, trên đỉnh đắp phượng châu.

Hiên tòa Bái đường dài 7.64m, rộng 0.84m, cao hơn nền sân 0.3m, hiên được đỡ bởi các đầu bẩy bằng gỗ.

Tòa Tiền đường gồm 5 gian, tường hồi bít đốc, có chiều dài 12.25m, rộng 4.7m, cao 4.9m.

Tòa Hậu cung gồm 2 gian, tường hồi bít đốc, 2 gian ngăn cách nhau bằng tường gạch, tạo thành 2 không gian thờ cúng riêng biệt tại Hậu cung, một bên thờ Quý Minh Đại vương, một bên thờ Thủy tinh phu nhân. Mỗi gian dài 4.1m, rộng 4.0m, cao 4.1m.

Kết cấu nền: Nền di tích được xây giát cấp cap dần về phía trong, cao hơn sân 0.4m, lát gạch đỏ.

Kết cấu mái: Hiên tòa Bái đường làm theo kiểu “bẩy hiên”, các bẩy hiên được kết nối với hệ thống cột gắn liền với ngưỡng cửa.

Tiền đường gồm 6 bộ vì kèo bằng gỗ, toàn bộ hệ thống hoành, rui được làm cũng làm bằng gỗ, mái lợp ngói đỏ.

Mái tòa Hậu cung làm bằng bê tông cốt thép, phía dưới có hệ thống cột bê tông và cuốn vòm cửa để đỡ mái, mái gắn ngói vảy.

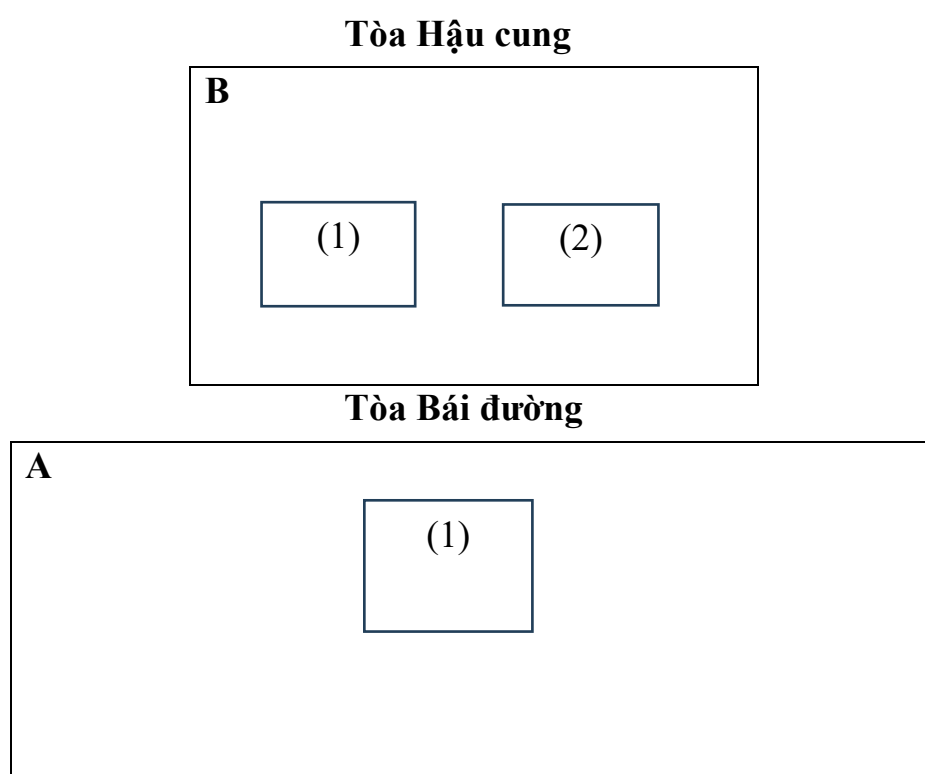
Hệ thống tường: được xây bằng gạch, trát vôi vữa kiên cố.

Hệ thống cột: Tiền đường có 4 hàng cột bằng gỗ, tiết diện tròn, đặt trên chân tảng bằng đá, 8 cột cái cao 4.16m, đường kính 0.21m, 8 cột quân cao 3.35m, đường kính 0.19m, một hàng cột quân đặt trên ngưỡng cửa tạo thành hệ thống cửa Tiền đường.

Hệ thống cửa: Tòa Bái đường có 3 cửa ra vào, đóng hộc ô, nẹp chỉ đều đặn, tạo bởi 6 cột gỗ tứ thiết, cửa giữa rộng 2.25m, 2 cửa bên rộng 1.88m, các cửa cao bằng nhau 2.1m (gồm 4 cánh, kiểu cửa bản, chân quay, then cài). Toàn bộ hệ thống cửa làm bằng gỗ tứ thiết, phía trên cửa có khung lập bản, song gỗ tiện tròn. Phía sau có 2 cửa nối liền với tòa Hậu cung, mỗi cửa rộng 1.2m, cao 2.2m. Nhìn chung di tích vẫn giữ được những nét kiến trúc cổ truyền.

Hướng di tích: Đình làng Vân Trung được xây dựng nhìn về hướng Tây Nam. Các ban thờ trong di tích cũng quay theo hướng này.

Bài trí thờ tự trong di tích.



Bái đường: Ban thờ cộng đồng

Hậu cung:

(1) Ban thờ Quý Minh Đại vương

(2) Ban thờ Thủy tinh phu nhân

Đình làng Vân Trung thờ hai vị Thành hoàng:

*** Quý Minh Đại Vương**

Quý Minh Đại vương là nhân vật huyền thoại thời Hùng Vương thứ 18. Lai lịch của thánh Quý Minh được ghi chép lại trong nhiều thần tích, ngọc phả lưu giữ tại các địa phương trên cả nước và có rất nhiều dị bản khác nhau.

Quý Minh Đại Vương, thuộc hệ thống Tam vị Tản Viên Sơn Thánh (Tản Viên – Cao Sơn – Quý Minh). Theo ngọc phả lưu tại đền Cả (phường Tây Hoa Lư), Quý Minh cùng hai anh em Tản Viên và Cao Sơn là những nhân vật huyền thoại thời Hùng Vương, có công giúp dân trị thủy, đánh giặc, ổn định đời sống cư dân. Trong truyền thuyết, Quý Minh xuất thân từ vùng Gia Hưng, Hương Hóa (Sơn Tây), từ nhỏ đã thông minh, giỏi binh thư, sau theo vua Hùng dẹp giặc, được phong Quý Minh Đại Vương. Sau khi hóa, ông được thờ ở nhiều nơi, đặc biệt tại các vùng gắn với hệ thống sông núi và đồng bằng chuyển tiếp như Thanh Sơn. Việc thờ Quý Minh phản ánh đặc trưng cư dân nông nghiệp phụ thuộc vào thủy lợi và trị thủy.

Trước đây, Quý Minh Đại vương được thờ riêng tại đền Ông, nằm trong khuôn viên di tích hiện nay, trải qua thời gian, di tích bị xuống cấp, nhân dân rước Quý Minh Đại vương về thờ tại gian bên trái tòa Hậu cung của Đình chung (đình làng Vân Trung). Trải qua các triều đại phong kiến đều ban sắc phong cho thành hoàng Quý Minh Đại vương với các mỹ tự, duệ hiệu như:

Sắc phong niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783), sắc cho Đương cảnh Thái hoàng Hiến hựu Linh ứng Quý Minh Bình triết Phát cường Cương nghị ...Hồng mô Diệu toán Khang dân Thọ quốc Đại vương, tặng thêm thêm mỹ tự là “Hồng Ngưỡng liệt Tích khánh Đại vương”.

Sắc phong ngày 24 tháng 11 niên hiệu Thiệu Trị thứ 6 (1846), sắc phong cho thần Quý Minh [từng được ban tặng mỹ tự là] Trung lượng Linh diệu, tặng thêm mỹ tự là “Trung lượng Linh diệu Địch cát”.

Ngoài ra còn 2 sắc phong niên hiệu Duy Tân thứ 3 (1909) và niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924) chuẩn cho thôn Vân Trung, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình thờ phụng Quý Minh Đại vương như cũ.

*** Thủy Tinh phu nhân**

Thủy tinh phu nhân còn có tên gọi là Thủy cung Thánh Mẫu, Mẫu Thủy cung, Xích Lân Công chúa, Mẫu Thoải, ngài là vị thần nữ chịu trách nhiệm miền sông nước, biển hồ, giúp dân chống lụt lội, xua đuổi thủy quái. Trong Tam Tòa Thánh Mẫu, Mẫu Thoải ngự áo màu trắng, đội miện trắng, xếp bằng tay cầm quạt.

Trước đây Thủy tinh phu nhân được thờ riêng tại đền Bà, nằm trong khuôn viên di tích hiện nay, trải qua thời gian, di tích bị xuống cấp, nhân dân rước chân linh Thủy tinh phu nhân về thờ tại gian bên phải tòa Hậu cung của Đình Trung. Hiện nay tại đình làng Vân Trung còn lưu giữ được 3 đạo sắc, phong cho Thủy tinh phu nhân và chuẩn cho thôn Vân Trung, xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình thờ phụng:

Sắc phong ngày 15 tháng 12 niên hiệu Thành Thái thứ 13 (1901), sắc cho thôn Trung, xã Vân Trình, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thờ cúng vị thần Thủy Tinh phu nhân, phong mỹ tự cho thần là “Trùng trạm Dực bảo Trung hưng chi thần”.

Sắc phong ngày 11 tháng 8 niên hiệu Duy Tân thứ 3 (1909), sắc chỉ cho thôn Trung, xã Vân Trình, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, theo trước thờ phụng Lãng chiếu Đoan khiết ... minh Nhân uyển Dực bảo Trung hưng Thủy Tinh phu nhân chi thần.

Sắc phong ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924), sắc cho thôn Trung, xã Vân Trình, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, theo trước thờ Thủy Tinh phu nhân tôn thần, phong thêm mỹ tự cho thần là “Trang Huy Thượng đẳng thần”.

Những hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, lễ hội tiêu biểu diễn ra trong năm hiện nay ở đình làng Vân Trung như sau:

Hội làng: Làng Vân Trung mở hội 2 năm một lần, hội diễn ra trong thời gian 3 ngày, thường là ngày 14 đến 16 tháng 10, ngày 14, các cụ làm lễ “tế ra” từ sáng tới trưa có tế nam quan (15 người) và tế nữ quan (20 người). Sáng sớm ngày 15 làm lễ “tế vào”. Sáng sớm các cụ rước bát hương từ trong di tích ra kiệu Bát công, nhân dân trong thôn tổ chức rước kiệu, rước bát hương, rước sắc từ đình Vân Trung đi qua 4 thôn của làng Vân Trung, các thôn làm nghi thức tiếp lễ, đoàn kiệu có đội tế, đội bát âm đi cùng. Đến khoảng 9h30' thì đoàn kiệu quay trở về di tích làm lễ tế yên vị. Sau lễ tế yên vị, các cụ tiến hành đại tế đến trưa (tế nam quan). Buổi chiều tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ và các

hàng hội, tư gia vào tiền lễ dâng hương. Phần hội tổ chức các hoạt động vui hội, trò chơi dân gian như: cờ người, bóng chuyền, thi gói bánh chưng, hát chầu thánh, hát chèo, ngâm thơ. Buổi tối có hát chèo, hát hầu nhà thánh. Ngày 16 làm lễ “đóng cửa đền”, các cụ cao tuổi dâng lễ và tế tạ đến gần trưa. Lễ hội được diễn ra trong không khí trang nghiêm, có sự góp mặt của đông đảo nhân dân trong làng, những người đi làm ăn ở xa, khách thập phương.

Lễ hội khai xuân: Diễn ra vào ngày 15 tháng giêng. Đây là ngày hội lớn của 3 làng Vân Trình, Vân Trung, Thanh Mai (trước đây ba làng thuộc một xã và cùng thờ thánh Quý Minh Đại vương). Trước đây lễ hội này cũng diễn ra với quy mô rộng lớn. Mỗi năm 3 làng đều tổ chức rước kiệu về đình của một làng để tế thánh, sau đó rước về đình làng mình. Tại đình làng Vân Trung, sau khi tế xong thì tổ chức mừng thọ cho các cụ cao niên trong làng. Hiện nay, hoạt động này không còn rước kiệu, chỉ thực hiện nghi lễ tế tại đình.

Tết đoan ngo: Các cụ cao tuổi làm lễ tế từ sáng đến trưa, cầu mong sự phủ hộ của thần cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, mùa màng tươi tốt. Buổi chiều các tư nhân tư gia vào đình tiến lễ và dâng hương.

Lễ thượng điền (Lễ Thần Nông): Diễn ra vào ngày 24 tháng 6. Đây là lễ tế thần nông, vị thần trông coi lúa gạo, dạy dân cày cấy, giúp cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Tế lễ được diễn ra tại đình trong một ngày.

Lễ giỗ Mẫu (3/3) và giỗ Cha (20/8): Vào ngày này, các cụ cao tuổi làm lễ tế nêu cao công đức của các vị thần từ sáng đến trưa. Buổi chiều các tư nhân tư gia vào đình tiến lễ và dâng hương, chiều tối tế tạ và nhân dân thụ lộc tại di tích.

Đình làng Vân Trung là nơi thờ cúng tưởng niệm thánh Quý Minh Đại vương, một nhân vật thời Hùng vương thứ 18; Thủy tinh phu nhân, vị thần cai quản miền sông nước, giúp dân chống lụt lội, xua đuổi thủy quái. Nhân dân nơi đây lập đền, thờ tự trang nghiêm là tín ngưỡng dân gian độc đáo, mang tính bản địa của dân tộc. Phong tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị tiền nhân có công với dân với nước là một truyền thống ngàn đời của cha ông, thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, nhớ ơn tổ tiên của nhân dân ta.

Nghiên cứu về di tích, chúng ta có dịp tìm hiểu về sự hình thành các dòng họ, làng xã của vùng đất, về sự thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ, về con người và truyền thống văn hóa của vùng đất có di tích. Đồng thời, hiểu rõ hơn vai trò của vùng đất và di tích trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Di tích còn lưu giữ được các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đây là giá trị truyền thống to lớn mà ông cha để lại, trở thành một nét đẹp văn hóa truyền thống độc đáo của quê hương, đồng thời đó là dịp biểu dương sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo sự cố kết cộng đồng.

Đình làng Vân Trung được xây dựng từ lâu, trải qua nhiều biến cố của lịch sử, ngày nay di tích vẫn được nhân dân quan tâm tu sửa, tôn tạo, bày trí đồ thờ tự khoa học đúng với nét văn hóa truyền thống dân tộc. Tại di tích còn lưu giữ được những tư liệu, hiện vật quý giá như: 7 sắc phong của các triều vua Hậu Lê và Nguyễn, long đình, bài vị, những đồ thờ tự bằng sứ có giá trị về mặt lịch sử và văn hóa.

Di tích ngoài giá trị là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tâm linh của nhân dân, di tích còn có giá trị tinh thần rất lớn, thể hiện sự tri ân, tấm lòng thành kính của nhân dân đối với những bậc tiền nhân và những vị thần linh có công phù giúp nhân dân.

Di tích tọa lạc trên địa giới hành chính của tổng Vân Trình xưa, vùng đất có mật độ di tích thờ Quý Minh Đại vương khá lớn, có giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật. Nơi đây lại nằm gần dự án phát triển phát triển du lịch Kênh Gà - Vân Trình. Đó là những lợi thế để đưa di tích vào khai thác, phục vụ phát triển du lịch, tương lai sẽ tạo thành tour du lịch văn hóa tâm linh, thu hút du khách thập phương về thăm quan, chiêm bái.

Tiểu kết chương 2

Từ việc khảo sát và nghiên cứu hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn trên nhiều phương diện như số lượng, sự phân bố, nhân vật thờ phụng, cảnh quan địa lý, kiến trúc, điêu khắc và các đình làng tiêu biểu. Qua đó cho thấy hệ thống đình làng ở Thanh Sơn có lịch sử hình thành lâu đời, gắn bó chặt chẽ với quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng cư dân địa phương.

Các đình làng tại Thanh Sơn không chỉ đa dạng về quy mô và kiến trúc mà còn phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa của vùng đồng bằng Bắc Bộ kết hợp với yếu tố bán sơn địa. Nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc tại các đình làng thể hiện trình độ thẩm mỹ, kỹ thuật xây dựng cũng như tư duy nghệ thuật dân gian của người Việt truyền thống. Bên cạnh đó, hệ thống Thành hoàng được thờ tại các đình cho thấy sự phong phú của tín ngưỡng dân gian, sự kết hợp giữa thờ nhiên thần, nhân thần và những người có công với quê hương, đất nước.

Việc tìm hiểu các đình tiêu biểu như đình Hàng Xã, đình Lão Cầu, đình làng Ác, đình Yên Chỉ và đình Vân Trung đã góp phần làm rõ hơn giá trị lịch

sử, văn hóa và nghệ thuật của hệ thống đình làng xã Thanh Sơn. Qua đó khẳng định rằng các đình làng nơi đây không chỉ là di tích kiến trúc – tín ngưỡng mà còn là nơi lưu giữ ký ức cộng đồng, phản ánh đời sống tinh thần và bản sắc văn hóa của cư dân địa phương qua nhiều thế kỷ.

CHƯƠNG 3. GIÁ TRỊ VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ HỆ THỐNG ĐÌNH LÀNG TẠI XÃ THANH SƠN

3.1. Giá trị của hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn

3.1.1. Giá trị lịch sử

Đình làng Thanh Sơn không chỉ là biểu tượng văn hóa của một địa phương mà còn là một “bảo tàng sống” phản chiếu sinh động lịch sử ngàn năm của đất nước. Ở góc độ lịch sử quốc gia, việc thờ phụng Đức Thánh Tản Viên cùng hệ thống sắc phong qua các triều đại tại đây là minh chứng cho sự tiếp nối của tín ngưỡng trị thủy và tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc từ thời đại Hùng Vương đến thời kỳ phong kiến độc lập. Đối với lịch sử địa phương, ngôi đình đóng vai trò là cuốn biên niên sử ghi dấu quá trình khai sơn phá thạch, lập làng và giữ gìn bản sắc riêng biệt của vùng đất cửa ngõ miền núi Thanh Sơn. Đặc biệt, trong sự vận động của lịch sử cách mạng, đình làng Thanh Sơn đã chuyển mình từ một thiết chế tâm linh thành căn cứ địa vững chắc, nơi họp kín và nuôi giấu cán bộ, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến trường kỳ. Chính sự hòa quyện giữa lòng yêu quê hương với tinh thần yêu nước, giữa “lệ làng” với “phép nước” tại đây đã tạo nên một sức mạnh nội sinh bền bỉ, khẳng định rằng lịch sử của một dân tộc luôn được xây dựng và vun đắp từ những giá trị trung kiên của từng làng xã Việt Nam.

Tại xã Thanh Sơn thế kỷ XVII - XVIII là giai đoạn lịch sử đầy biến động của chế độ phong kiến Việt Nam (thời Lê Trung Hưng). Đây cũng là lúc chính quyền trung ương nói lỏng kiểm soát đối với các vùng biên viễn, tạo điều kiện cho các làn sóng di dân tự do từ vùng đồng bằng sông Hồng (như Ninh Bình, Bắc Ninh) tiến sâu về phía Nam và các vùng bán sơn địa để khai hoang lập ấp. Để xây dựng được một ngôi đình vào thế kỷ XVII - XVIII đòi hỏi một tiềm lực kinh tế làng xã rất lớn. Việc Thanh Sơn sở hữu tới 5 ngôi đình có niên đại trong hai thế kỷ này chứng tỏ đây từng là một vùng đất có kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thương mại nội địa phát triển.

Đình làng Ác (thuộc xã Sơn Thành cũ) là minh chứng hùng hồn nhất cho giá trị lịch sử cách mạng của hệ thống đình làng Thanh Sơn.

Đình Ác xã Thanh Sơn là một di tích nằm trong vùng khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu đây là nơi có địa hình hiểm yếu, nằm trong vùng đồi núi trùng điệp, sông nước mênh mông nhân dân vốn có truyền thống yêu nước. truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất chống ngoại xâm. Năm 1931 đình

Ác là nơi giải truyền đơn và từ đây truyền đơn được đem đi giải nhiều nơi ở trong vùng như đình Khẩn, Đò Lo, Tùng Lập. Nội dung truyền đơn đòi khất thuế giảm thuế do đồng chí Đinh Tất Miễn, đồng chí Tổng Tá phụ trách (đồng chí Đinh Tất Miễn sau là Bí Thư tỉnh uỷ Ninh bình năm 1938 là người thôn Sầy cùng xã).

Năm 1938 tại đình Ác truyền đơn đòi cải cách dân chủ, giảm thuế cũng được xuất phát từ đây và được đem đi rải.

Từ năm 1941 đến năm 1945 đình Ác là nơi tổ chức các cuộc họp nơi luyện tập quân sự của dân quân du kích, nơi tập trung nhân dân trong xã tham gia đánh Tri phủ Thái Văn Thịnh, Lục phụng cai Tý ướp thi hài đồng chí Trần Kiên xứ uỷ viên xứ uỷ Bắc kỳ bí thư ban cán sự tỉnh Ninh bình năm 1945.

Ngày 11/8/1945 một bộ phận của trung đội tự vệ chiến đấu cũng từ đình Ác dưới sự chỉ huy của đồng chí Đặng Văn Tài (tức Vệ) và đồng chí Vụ đánh Nhật tại khu đồi Viêng, cầu Rịa chùa La.

Năm 1946 đến năm 1951 đình Ác là nơi đặt xưởng quân giới của quân khu 3.

Đặc biệt, tháng 2/1948 Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ Ninh bình lần thứ 3 được họp tại thôn Đoan Bình (Gia Phú, Gia viễn) sau đó chuyển về thôn Ác và đình Ác. Đại hội đã bầu đồng chí Trần Quang Bình làm bí thư, vài tháng sau đồng chí Bình đi nhận công tác khác, đồng chí Đỗ Mười được bầu làm bí thư tỉnh uỷ Ninh bình. Đại hội này đã có nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước về dự như đồng chí Trần Đăng Ninh, Nguyễn Khánh Toàn. Đại hội đã thành công tốt đẹp, nhân dân thôn Ác đã huy động hàng trăm người trong các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông hội, trung đội dân quân ngày đêm bố phòng canh gác phục vụ đại hội, hàng trăm hầm hố được đào được tránh phi pháo của địch.[2; tr.331]

Cuối năm 1948 tại thôn Ác đã diễn ra hội nghị của tỉnh có hàng trăm đại biểu về dự hội nghị. Từ chủ nghĩa Mác Lê Nin được truyền bá vào vùng Quỳnh lưu cho đến tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 thắng lợi, nhân dân Thanh Sơn nói chung và thôn Ác nói riêng luôn là mũi nhọn của các cuộc đấu tranh. Trong tiến trình phát triển của cách mạng, đình Ác cũng như xã Thanh Sơn thường xuyên là nơi đi về của các đồng chí lãnh đạo Đảng nhà nước ta về chỉ đạo cách mạng. Đình Ác là di tích góp phần vào sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hệ thống đình làng trên toàn xã (từ Thượng Hòa, Văn Phú đến Thanh Lạc) đã thực hiện những nhiệm vụ lịch sử đặc biệt:

Sau Cách mạng tháng Tám, mái đình là nơi đặt trụ sở của Ủy ban hành chính kháng chiến lâm thời, nơi làm việc của Hội phụ nữ cứu quốc và Đoàn thanh niên. Không gian sân đình rộng lớn vốn để tổ chức hội làng nay trở thành nơi luyện tập của các đội du kích địa phương.

Thực hiện phong trào “Diệt giặc đói”, các ngôi đình như đình Vân Trung, đình Yên Chi đã trở thành những lớp học Bình dân học vụ đầu tiên. Tiếng đọc bài dưới mái đình cổ kính là minh chứng cho sự gắn kết giữa văn hóa truyền thống và vận mệnh dân tộc.

Với cấu trúc bền vững và không gian rộng, hậu cung và đại đình còn được trưng dụng làm kho chứa lương thực, thực phẩm tiếp tế cho bộ đội chủ lực trong các chiến dịch lớn, đặc biệt là các đơn vị hoạt động dọc theo tuyến đường 12B.

3.1.2. Giá trị văn hóa tâm linh

Khái niệm về văn hoá tâm linh “Là chỉ một mặt hoạt động văn hoá của xã hội con người mang tính thiêng liêng, được biểu hiện ra những khía cạnh vật chất và tinh thần, trong quá trình lịch sử, và còn tồn tại lâu dài cùng con người”[11; tr.31]

Trong cuộc sống con người từ xa xưa đến nay, dù trong điều kiện hoàn cảnh nào thì người ta cũng đều tìm đến một tín ngưỡng, tôn giáo riêng, câu đó cũng là một nhu cầu đặc trưng của con người. Cư dân xã Thanh Sơn cũng vậy, đời sống văn hóa tinh thần của họ rất phong phú, trong đó tín ngưỡng tôn giáo thờ thần, Phật là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống linh hoạt. Họ coi việc đến đền thắp hương cầu khẩn phù hộ, việc tế lễ ở đình làng trong mỗi dịp lễ hội, việc thờ Phật là những việc làm không thể thiếu trong mỗi gia đình, vì họ coi đây là niềm an ủi, động viên là gốc của giá trị đạo đức, là chỗ dựa tinh thần để mỗi người, mỗi gia đình, xóm làng của họ vượt qua khó khăn hoạn nạn, được bình yên, thịnh vượng, khi họ tìm tới đình làng dường như người dân đã lấy được sự cân bằng về mặt tinh thần.

Tại xã Thanh Sơn hệ thống, đình làng tương đối nhiều và được khởi dựng từ khá sớm, quy mô không đồ sộ. Những ngôi đình ở đây thường là thờ vị thánh Quý Minh Đại vương, thờ thủy tinh Công Chúa, thờ Mẫu . . . Ngoài ra tại một

số đình làng cũng được dựng lên bên cạnh, các bà, các mẹ (phật tử) vẫn thường đến đây đọc kinh khấn Phật cầu an. Nhân dân coi đình làng là những “không gian thiêng liêng” bởi đó là những nơi ngự của các vị Thần, Thánh mà theo quan niệm của họ các vị đều “có tai có mắt ở mọi nơi”, các vị hiểu thấu được nỗi khổ và lòng thành của con người và các vị sẽ đem lại một cuộc sống tốt đẹp hơn. Xuất phát từ quan niệm đó cứ khi nào làng có chuyện chẳng lành, người ta lại đến đền, đình để được che chở, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt bội thu, con người được mạnh khỏe, ấm no, hạnh phúc. Đây cũng chính là quan niệm chung của cư dân nông nghiệp trên cả nước. Ở một số vùng, nhất là thời phong kiến tại các đền, đình vào những ngày tế lễ quan trọng thì đàn bà, trẻ em không được tế lễ, mà phải là những cụ ông có gia đình trọn vẹn (đông đủ con cháu, trai gái đầy đủ, vương trưởng và có tư cách đạo đức tốt, có uy tín cao). Ai đi qua đình cũng phải ngả nón như thể hiện tối thiểu của cái tâm thành và lòng tin của mình, chẳng thế mà có câu ca dao người xưa để lại:

“Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu”

Đình làng còn là nơi vô cùng thiêng liêng nhưng cũng rất gần gũi với người dân nơi đây, bởi trong các dịp tết người ta thường tụ họp ở đình làng để mở lễ hội. Mỗi ngôi đình làng đều có ngày lễ chính riêng, nhưng nhìn chung các ngày lễ đó đều gắn với chu kỳ sản xuất nông nghiệp của cư dân như: Khai xuân đầu mùa, lễ hạ điền, lễ thượng điền... Sau phần lễ (tức là tiến lễ vật cúng tế thần - Phật, trời đất) là phần hội thường được tổ chức các trò chơi dân gian cho đông đảo người tham gia, người chơi thì hăng say nhiệt tình, người cổ vũ thì reo hò vui nhộn, lúc này một cảm giác gần gũi thân thương của cư dân với ngôi đền, đình của họ và như thế người ta quên đi những ngày tháng vất vả lo toan cho cuộc sống mưu sinh, chẳng thế mà hội làng nào to hơn (đông người tham gia, đông khách thập phương) thì người dân nơi đó tự hào lắm.

3.1.3. Giá trị giáo dục truyền thống

Đình làng tại xã Thanh Sơn không chỉ là trung tâm tín ngưỡng mà còn là một “thiết chế giáo dục truyền thống” quan trọng của cộng đồng cư dân địa phương.

Trước hết, đình làng góp phần giáo dục lịch sử và truyền thống quê hương một cách trực quan. Tại các đình làng trong xã, hệ thống sắc phong, thần tích, câu đối, đại tự được lưu giữ khá đầy đủ. Đây chính là những “tư liệu sống”

giúp người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, hiểu được nguồn gốc hình thành làng xã, công lao của các vị Thành hoàng. Ví dụ, trong các dịp lễ hội đầu xuân, các bậc cao niên thường kể lại sự tích về các vị thần được thờ, qua đó giúp thanh thiếu niên tiếp thu lịch sử địa phương một cách sinh động hơn so với sách vở.

Bên cạnh đó, đình làng còn là nơi giáo dục đạo đức và lối sống. Một dẫn chứng cụ thể là trong các kỳ tế lễ, việc lựa chọn người chủ tế và ban tế lễ luôn dựa trên những tiêu chí rất chặt chẽ như: có phẩm chất đạo đức tốt, gia đình hòa thuận, được cộng đồng tín nhiệm. Điều này đã tạo nên một chuẩn mực xã hội rõ ràng, góp phần định hướng hành vi ứng xử của người dân theo hướng tích cực. Những quy tắc như ăn mặc chỉnh tề, giữ thái độ nghiêm trang khi vào đình cũng góp phần rèn luyện ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống.

Ngoài ra, đình làng còn giáo dục tinh thần cộng đồng và ý thức trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể. Thực tế tại địa phương cho thấy, vào mỗi dịp lễ hội, người dân trong các thôn thường cùng nhau tham gia dọn dẹp, trang hoàng đình làng, chuẩn bị lễ vật và tổ chức các trò chơi dân gian như kéo co, đánh cờ người, hát chèo... Đặc biệt, lực lượng thanh niên và học sinh địa phương cũng được huy động tham gia hỗ trợ các hoạt động này. Qua đó, họ không chỉ hiểu hơn về di sản quê hương mà còn hình thành tinh thần đoàn kết và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Một dẫn chứng đáng chú ý khác là trong những năm gần đây, một số trường học trên địa bàn huyện đã bước đầu tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử – văn hóa địa phương, trong đó có đình làng. Hoạt động này giúp học sinh “học đi đôi với hành”, biến di sản thành một không gian giáo dục trực quan, góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn văn hóa truyền thống.

Trong bối cảnh xã Thanh Sơn vừa trải qua quá trình sáp nhập hành chính từ bốn xã cũ, giá trị giáo dục của đình làng càng được phát huy mạnh mẽ ở khía cạnh gắn kết xã hội. Các hoạt động giáo dục trải nghiệm liên thôn, liên xã được tổ chức tại các điểm di tích sẽ xóa nhòa những ranh giới hành chính mới, tạo ra sự giao thoa văn hóa và xây dựng tinh thần đại đoàn kết trong học đường.

3.2. Thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn

3.2.1. Ưu điểm

Trong hệ thống di sản tại xã Thanh Sơn, sự phân hóa giữa các di tích đã xếp hạng và chưa xếp hạng đã tạo nên những diện mạo bảo tồn khác biệt nhưng đều đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc quê hương. Đối với các di tích đã được xếp hạng như đình Vân Trung hay đình Ác, ưu thế vượt trội nằm ở hành lang pháp lý vững chắc và sự chuyên nghiệp trong công tác quản lý. Nhờ vị thế là Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Tỉnh, cấp quốc gia, các ngôi đình này được khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt, ngăn chặn hiệu quả sự xâm lấn không gian cảnh quan và nhận được sự đầu tư bài bản từ ngân sách Nhà nước trong các đợt đại tu. Việc trùng tu tại đây luôn có sự giám sát chuyên môn, giúp bảo tồn nguyên trạng những mảng chạm khắc tinh xảo và hệ thống chân tảng đá cổ, qua đó khẳng định giá trị báu vật quốc gia.

Ngược lại, các ngôi đình chưa được xếp hạng tại các thôn nhỏ lại thể hiện ưu điểm ở tính linh hoạt và sức sống nội sinh mạnh mẽ của cộng đồng. Không bị ràng buộc bởi các thủ tục hành chính phức tạp, dân làng có thể chủ động ứng phó tức thời trước những hư hỏng khách quan; điển hình như việc cộng đồng có thể tự huy động quỹ để đảo ngói, chống dột ngay lập tức mà không cần chờ đợi quy trình thẩm định kéo dài. Chính sự tự giác này là thước đo thực tế nhất cho lòng yêu di sản, biến ngôi đình thành một thực thể sống động, gắn kết mật thiết với đời sống thường nhật của nhân dân. Sự đan xen giữa “phép vua” trong các di tích xếp hạng và “lệ làng” trong các di tích tự quản đã tạo nên một mạng lưới bảo tồn đa dạng, vừa đảm bảo tính khoa học, vừa giữ được hơi thở ấm áp của văn hóa làng xã Thanh Sơn trước những biến động của thời đại.

Xét về khía cạnh quy hoạch và đầu tư, một điểm sáng đáng ghi nhận là chính quyền xã Thanh Sơn đã bắt đầu có những bước đi chủ động trong việc kiểm kê và xác định ranh giới bảo vệ cho các di tích trọng điểm. Việc tích hợp không gian đình làng vào quy hoạch phát triển nông thôn mới bước đầu đã tạo ra diện mạo khang trang cho cảnh quan làng xã, giúp các ngôi đình không bị cô lập mà vẫn giữ được vị trí trung tâm trong đời sống cộng đồng. Về nguồn lực đầu tư, địa phương đã phát huy rất tốt sức mạnh của công tác xã hội hóa. Thêm một điểm sáng nữa là nguồn vốn đóng góp tự nguyện từ nhân dân và những người con xa quê không chỉ giải quyết được bài toán kinh phí cho các hạng mục tu bổ cấp thiết mà còn cho thấy ý thức tự tôn dân tộc và trách nhiệm cao đối với di sản tổ tiên. Sự đồng thuận giữa chính quyền và nhân dân đã tạo ra một “hệ sinh thái” bảo tồn dựa vào cộng đồng, giúp các giá trị văn hóa phi vật

thể đi kèm như nghi lễ tế tự, nghệ thuật trình diễn dân gian tại đình vẫn được duy trì đều đặn, tạo nền tảng vững chắc cho việc phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững trong tương lai

Cuối cùng, hệ thống đình làng tại Thanh Sơn đang phát huy vai trò đặc biệt quan trọng như những “mỏ neo” văn hóa bền vững trong bối cảnh địa phương có sự thay đổi lớn về địa giới hành chính. Sau khi sáp nhập từ bốn xã cũ (Thượng Hòa, Văn Phú, Thanh Lạc, Sơn Thành), trong khi các thiết chế chính trị - xã hội có sự biến động và hợp nhất, thì đình làng vẫn đứng vững như một biểu tượng của căn tính làng xã độc lập. Đình làng không chỉ là nơi thờ tự mà còn trở thành không gian kết nối, giúp người dân duy trì sợi dây liên kết với nguồn cội, tổ tiên của mình. Các kỳ lễ hội truyền thống được tổ chức định kỳ tại đình đã trở thành chất xúc tác mạnh mẽ, giúp gắn kết cộng đồng cư dân giữa các thôn làng cũ và mới, tạo nên sự ổn định về mặt văn hóa - tâm lý, góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong đơn vị hành chính mới. Sự quan tâm sát sao của chính quyền xã trong việc kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích cũng đã tạo ra hành lang pháp lý vững chắc, định hướng cho các hoạt động bảo tồn đi vào chiều sâu và mang tính bền vững hơn.

3.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo tồn hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn vẫn bộc lộ những hạn chế khách quan và chủ quan, gây áp lực trực tiếp lên sự tồn tại lâu dài của di sản. Đối với các di tích đã được xếp hạng như đình Lão Cầu, đình Vân Trình, đình Hữu Thường,... rào cản lớn nhất lại nằm chính ở quy trình hành chính phức tạp. Mọi hoạt động tu bổ, dù là nhỏ nhất, đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các bước lập hồ sơ, thẩm định và phê duyệt từ nhiều cấp ngành; sự chậm trễ này đôi khi khiến các hạng mục đang xuống cấp không được cứu vãn kịp thời, dẫn đến tình trạng “di tích chờ kinh phí, kinh phí chờ thủ tục”. Trong khi đó, nhóm các di tích chưa được xếp hạng lại đối mặt với nguy cơ biến dạng nghiêm trọng về mặt kiến trúc do sự thiếu hụt giám sát chuyên môn. Việc trùng tu tự phát dựa trên nguồn vốn xã hội hóa thường dẫn đến tình trạng “trẻ hóa” di sản, khi người dân sử dụng vật liệu hiện đại như bê tông, sơn công nghiệp hoặc thay thế các cấu kiện gỗ cổ bằng vật liệu mới không tương xứng, làm đánh mất hoàn toàn giá trị mỹ thuật nguyên bản. Thêm vào đó, một hạn chế chung cho cả hai nhóm là sự đứt gãy về nguồn nhân lực kế cận; trong khi các cụ cao niên am hiểu về di tích, hán nô ngày càng thưa

vắng, thế hệ trẻ lại thiếu mặn mà với công tác trông coi di tích. Kết hợp với việc không gian cảnh quan xung quanh đình đang bị lấn át bởi quá trình đô thị hóa,... Hệ thống đình làng Thanh Sơn đang đứng trước nguy cơ mất đi những giá trị văn hóa, nghệ thuật và chưa phát huy được giá trị kinh tế - xã hội tương xứng với tầm vóc lịch sử vốn có.

Một trong những tồn tại đáng lo ngại về mặt không gian và quản lý tại hệ thống đình làng xã Thanh Sơn chính là sự thiếu hụt hệ thống tường bao ngăn cách rõ ràng với khu vực dân cư xung quanh (minh chứng rõ nét nhất cho sự thiếu hụt này là đình làng Mèn, đình Nénh, đình Hữu Thường...). Việc chưa có tường bao bao quanh khuôn viên di tích đã khiến cho ranh giới giữa đất công và đất tư trở nên mong manh, dẫn đến nguy cơ lấn chiếm không gian di tích để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân của một số hộ dân lân cận.

Cuối cùng, việc phát huy giá trị di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại Thanh Sơn vẫn còn ở dạng tiềm năng, chưa được khai thác hiệu quả. Các ngôi đình hiện nay chủ yếu mới chỉ thực hiện chức năng tín ngưỡng và sinh hoạt nội bộ làng xã, chưa được kết nối vào các tuyến du lịch văn hóa - tâm linh của tỉnh Ninh Bình. Sự thiếu vắng các tài liệu thuyết minh chuyên nghiệp cũng như các chương trình giáo dục di sản tương tác cho thế hệ trẻ khiến cho sức lan tỏa của di tích còn hạn chế. Nếu không có những giải pháp quản lý và quảng bá mang tính chiến lược, hệ thống đình làng tại địa phương sẽ đứng trước nguy cơ trở thành những di tích tĩnh lặng dễ phôi phai, tách biệt với dòng chảy phát triển năng động của đời sống kinh tế hiện đại.

3.3. Một số giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn

3.3.1. Giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng

Hiện nay việc giáo dục, tuyên truyền để nâng cao ý thức, trách nhiệm của con người về bảo tồn và phát huy các di tích đình làng xã Thanh Sơn vẫn chưa được chú trọng thực hiện thường xuyên. Trong khi đó, các di tích vẫn đang bị phá hủy, xuống cấp, cổ vật bị lấy cắp.... làm mất đi nhiều giá trị quý giá của chúng.

Đối với hệ thống di tích đã được xếp hạng, nội dung giáo dục phải đặt trọng tâm vào việc phổ biến Luật Di sản văn hóa và các quy định hành chính liên quan. Cần làm cho người dân hiểu rõ ranh giới các khu vực bảo vệ di tích để ngăn chặn triệt để hành vi xâm lấn không gian cảnh quan. Bên cạnh đó, công

tác truyền thông cần khơi dậy lòng tự hào về những giá trị lịch sử - nghệ thuật đã được Nhà nước công nhận, giúp người dân nhận thức rằng việc bảo tồn nguyên trạng các yếu tố gốc không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là bảo vệ văn hóa của quê hương. Đặc biệt, cần định hướng để cộng đồng hiểu về quy trình tu bổ nghiêm ngặt, tránh tâm lý nôn nóng dẫn đến việc tự ý can thiệp sai lệch vào cấu trúc di sản.

Đối với hệ thống di tích chưa được xếp hạng, công tác giáo dục lại cần tập trung vào việc định hướng thẩm mỹ và kỹ năng bảo tồn dân gian. Do nhóm di tích này thường do cộng đồng tự quản lý và huy động vốn xã hội, người dân rất dễ mắc sai lầm khi “hiện đại hóa” công trình bằng các vật liệu mới như bê tông, sơn công nghiệp hay ngói màu. Vì vậy, giáo dục địa phương cần chú trọng hướng dẫn Ban quản lý các đình xóm về giá trị của vẻ đẹp cổ truyền, khuyến khích việc sử dụng vật liệu và phương pháp thủ công khi trùng tu. Việc tôn vinh các cá nhân, dòng họ có công gìn giữ di tích thông qua các sổ vàng truyền thống hay lễ biểu dương tại địa phương sẽ tạo động lực tinh thần mạnh mẽ, biến trách nhiệm bảo vệ đình làng thành một nếp sống đẹp trong cộng đồng dân cư.

Về hình thức tuyên truyền, cần đa dạng hóa các kênh truyền thông để phù hợp với xu hướng tiếp nhận thông tin của người dân. Song song với việc phát huy hiệu quả của hệ thống loa truyền thanh, đài phát thanh, cần tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, trang web, ứng dụng di động, ... để mở rộng phạm vi và tăng tính lan tỏa của các thông điệp bảo tồn di tích.

Đặc biệt, cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể ở cơ sở như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên trong việc lồng ghép nội dung tuyên truyền về di tích vào các buổi sinh hoạt định kỳ của hội viên. Các cán bộ hội, đoàn có thể vận dụng linh hoạt nhiều hình thức như nói chuyện chuyên đề, giao lưu với người có uy tín, thi tìm hiểu về di tích, tọa đàm, biểu diễn nghệ thuật truyền thống,... để hội viên được “nghe, nhìn, cảm nhận” một cách trực quan và sinh động về từng di tích.

Chính quyền xã cần chủ động phối hợp với ngành Giáo dục và các trường học trên địa bàn tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế tại các di tích cho học sinh. Thông qua những chuyến tham quan, học sinh sẽ thấy được vẻ đẹp của từng di tích, lắng nghe những câu chuyện lịch sử hào hùng đằng sau đó, tạo dựng được cảm xúc và niềm tự hào về truyền thống quê hương.

Mặt khác, chính quyền cần mở rộng dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho người dân được quyền tham gia ý kiến, giám sát các dự án tu bổ, tôn tạo di tích,

các hoạt động quản lý, khai thác di tích. Các ý kiến đóng góp của người dân cần được chính quyền lắng nghe, tiếp thu nghiêm túc và phản hồi kịp thời. Họ cần được cung cấp thông tin công khai, minh bạch về tiến độ, kinh phí, quy trình thực hiện các dự án, hoạt động liên quan đến di tích.

Thông qua các hoạt động thiết thực này, các thành viên trong cộng đồng sẽ dần nhận ra được giá trị, ý nghĩa sâu sắc, không chỉ về mặt văn hóa, tinh thần mà còn cả về kinh tế, xã hội mà di tích đang đem lại cho đời sống của họ. Từ đó, họ sẽ có ý thức và trách nhiệm cao hơn trong việc chung tay bảo vệ, phát huy các giá trị của di tích. Có thể nói, việc nâng cao nhận thức cộng đồng sẽ là “chìa khóa” để mọi giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di tích trên địa bàn xã Thanh Sơn đạt hiệu quả cao. Mọi thay đổi tích cực của di tích trong tương lai đều bắt nguồn từ sự “thay đổi nhận thức” của cộng đồng ngày hôm nay.

3.3.2. Tu bổ, tôn tạo, bảo tồn các di tích đình làng

Tu bổ, tôn tạo và bảo tồn các di tích đình làng tại xã Thanh Sơn đang rất được chú trọng và quan tâm, là hoạt động quan trọng, thiết yếu nhằm bảo đảm cho di tích đình làng được tồn tại lâu dài và giữ được những giá trị của mình. Tuy nhiên một số di tích mới được xây dựng lại nhưng cần phải tiến hành ngay những hoạt động bảo vệ nhằm giữ cho chúng luôn ở trạng thái tốt nhất, tránh sự xuống cấp về sau.

Đối với nhóm di tích đã được xếp hạng, việc tu bổ phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình của Luật Di sản văn hóa. Mọi hoạt động từ khảo sát, lập dự án đến thi công đều phải được thực hiện bởi các đơn vị có tư cách pháp nhân và chuyên môn về bảo tồn di sản. Ví dụ, khi tiến hành đại tu những ngôi đình lớn có giá trị kiến trúc tiêu biểu như Đình Yên Chỉ hay Đình Ác, ưu tiên hàng đầu là phương pháp “tu bổ từng phần”, tức là chỉ thay thế những cấu kiện gỗ đã mục nát không thể phục hồi bằng loại gỗ cùng chủng loại, đồng thời giữ lại tối đa các mảng chạm khắc cổ. Việc sử dụng các công nghệ hiện đại như xử lý mối mọt sinh học và sơn phủ bảo quản chuyên dụng phải được thực hiện một cách khéo léo để không làm thay đổi màu sắc thời gian của di tích.

Đối với nhóm di tích chưa được xếp hạng, thách thức lớn nhất là ngăn chặn sự biến dạng kiến trúc do quá trình tu bổ tự phát của cộng đồng. Giải pháp cấp thiết tại xã Thanh Sơn hiện nay là chính quyền địa phương cần đóng vai trò định hướng và tư vấn kỹ thuật cho các Ban quản lý di tích thôn, xóm. Ví dụ điển hình là khi các xóm có kế hoạch sửa chữa đình từ nguồn vốn xã hội, cần khuyến khích người dân tham khảo các mẫu kiến trúc truyền thống địa phương

về mái ngói mũi hài, cửa bức bàn hay sân gạch bát thay vì sử dụng các vật liệu hiện đại như mái tôn, cửa sắt hay gạch men công nghiệp. Việc tôn tạo cảnh quan xung quanh như ao đình, vườn cây cổ thụ cũng cần được chú trọng để giữ gìn linh hồn của không gian văn hóa làng quê, tránh việc bê tông hóa quá mức làm mất đi sự kết nối giữa công trình kiến trúc và môi trường địa lý hữu tình đặc trưng của khu vực.

Hiện nay, có rất nhiều hình thức để tu bổ, tôn tạo và bảo tồn di tích đình làng xã Thanh Sơn, như đình Yên Chỉ (Tiền đường của di tích trước đây là tòa nhà 5 gian. Tuy nhiên trong thời kỳ kháng chiến Tiền đường được chuyển về xây dựng thành nhà kho của Hợp tác xã. Đến năm 2006, chuyển về vị trí cũ và được phục dựng lại còn 3 gian. Năm 2016 nhân dân tu sửa phần ngói và sơn lại cột gỗ. Tòa Hậu Cung được tu bổ lại vào năm 2000 để phục vụ hoạt động tâm linh của dân làng) hay đình làng Vân Trung (Năm 1973: Di tích đền Ông, đền Bà nằm trong khuôn viên di tích bị hạ giải và dọn về chùa Cáy (làng Vân Trung) để thờ phụng; Năm 1999: Xây dựng thêm tòa Hậu cung của đình và rước chân linh Quý Minh Đại vương và Thủy Tinh phu nhân về đình để thờ phụng. Năm 2014: Tu sửa lại tòa Tiền đường 5 gian).

Khi có dự án trùng tu, tôn tạo di tích chính quyền địa phương phải trao đổi với nhân dân để tham khảo ý kiến của dân. Đến khi triển khai dự án tu bổ thì phải họp dân lại, cho dân biết quy trình của dự án ấy, tu bổ phần nào, tôn tạo ra sao, mục đích là gì... Công tác trao đổi này cũng là một lần giáo dục cho nhân dân. Khi cộng đồng dân cư hiểu và tiếp thu những điều đó, họ sẽ nhận thấy tầm quan trọng của di tích mà tự điều chỉnh ý thức của bản thân mình hay nhắc nhở đối với những trường hợp cố tình phá hoại di tích.

Trùng tu và tôn tạo di tích là một trong những giải pháp quan trọng nhằm hạn chế sự xuống cấp của các di tích chưa theo thời gian hay do ảnh hưởng của thời tiết; đồng thời, cũng làm cho các di tích kéo dài tuổi thọ nhờ hoạt động tu bổ, nâng cấp, bảo quản, phòng ngừa. Tuy nhiên phải chú ý đảm bảo 6 nguyên tắc sau:

1. Chỉ tiến hành tu bổ, tôn tạo, bảo tồn di tích trong trường hợp cần thiết và phải thành lập dự án
2. Đảm bảo tính nguyên gốc, tính chân xác, tính toàn vẹn và sự bền vững của di tích
3. Ưu tiên cho các hoạt động bảo quản, gia cố di tích, trước khi áp dụng những biện pháp kỹ thuật tu bổ và tôn tạo khác

4. Việc thay thế kỹ thuật hay chất liệu mới phải được thí nghiệm trước để đảm bảo kết quả chính xác khi áp dụng vào di tích

5. Chỉ thay thế một bộ phận cũ bằng một bộ phận mới của di tích khi có đủ những chứng cứ khoa học chuẩn xác và phải có sự phân biệt rõ ràng giữa bộ phận cũ và bộ phận mới thay thế với những bộ phận khác

6. Đảm bảo an toàn cho công trình và khách tham quan

3.3.3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp các ngành

Để công tác bảo tồn hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn đi vào chiều sâu và có tính hệ thống, việc tăng cường trách nhiệm quản lý và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn là yếu tố tiên quyết. Trước hết, UBND xã Thanh Sơn cần kiện toàn Ban quản lý di tích cấp xã, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong việc theo dõi thực trạng các ngôi đình trên địa bàn. Đối với hệ thống di tích đã được xếp hạng, chính quyền địa phương cần chủ động phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình để thường xuyên cập nhật hồ sơ, đánh giá mức độ xuống cấp và kiến nghị các phương án đại trùng tu kịp thời. Việc tranh thủ các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa sẽ giúp giải quyết bài toán kinh phí cho những hạng mục đòi hỏi kỹ thuật cao và nguyên vật liệu đặc thù.

Bên cạnh đó, sự quan tâm của các cấp ngành cần được cụ thể hóa thông qua việc xây dựng cơ chế quản lý linh hoạt đối với di tích chưa được xếp hạng. Phòng Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình cần định kỳ tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa xã và Ban khánh tiết các thôn xóm về quy trình kiểm kê, bảo vệ hiện vật cổ. Chính quyền xã Thanh Sơn cũng cần có chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời đối với các cộng đồng, dòng họ làm tốt công tác xã hội hóa bảo tồn di tích. Ví dụ điển hình là việc tạo điều kiện về mặt thủ tục pháp lý để người dân có thể dễ dàng tiếp nhận các nguồn tài trợ từ con em xa quê hay các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, nhằm mục đích tôn tạo cảnh quan xung quanh các ngôi đình xóm mà không làm phá vỡ quy hoạch kiến trúc chung của địa phương.

Các cán bộ văn hóa ở địa phương, nhân viên của ban quản lý xã Thanh Sơn cần tiến hành nghiên cứu khoa học để bảo tồn và phát huy giá trị di tích, lập hồ sơ, lý lịch đối với tất cả các di tích trên địa bàn. Xây dựng cơ chế chính

sách về kinh tế, tài chính để tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác bảo tồn và đầu tư xây dựng.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý. Trên thực tế thì nguồn cán bộ văn hóa xã Thanh Sơn hiện nay vừa thiếu vừa yếu, vừa phải kiêm nhiệm nhiều công việc.... Vì vậy, muốn bảo tồn và giữ gìn giá trị văn hóa của các di tích nói chung và di tích đình làng nói riêng này một cách có hiệu quả thì việc cần thiết là phải đào tạo các cán bộ các cán bộ văn hóa cơ sở am hiểu về di tích; khuyến khích các cán bộ văn hóa học tập và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra, có thể tổ chức các buổi giao lưu với cán bộ văn hóa các xã phường lân cận để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.

Xây dựng chính sách đãi ngộ với người quản lý trực tiếp di tích. Trong Luật Di sản văn hóa cũng đã quy định, người có công trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích được nhà nước khen thưởng, ghi nhận dưới các hình thức thích hợp. Vì vậy, thông qua đó, ban quản lý di tích cũng nên đưa ra chính sách đãi ngộ về vật chất như trả lương cao, khen thưởng kịp thời cho những cán bộ làm tốt công tác văn hóa để họ thêm yêu nghề và yên tâm công tác lâu dài ở địa phương. Không những thế, chính sách đãi ngộ cũng cần phải quan tâm đặc biệt đến những cư dân sống quanh khu vực di tích. Bởi chính những cư dân khu vực này, hơn ai hết họ hiểu thấu đáo những giá trị của di tích. Từ việc được ban quản lý và chính quyền quan tâm, bản thân họ cũng sẽ có những điều chỉnh hành vi đúng đắn để bảo tồn và lưu giữ những giá trị tốt đẹp của quê hương.

Như vậy, từ thực trạng của các di tích đình làng xã Thanh Sơn, bên cạnh những ưu điểm đạt được vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về công tác quản lý, việc xây dựng các kế hoạch đầu tư, tôn tạo và bảo quản. Do đó, đòi hỏi phải có những biện pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị của các di tích trên địa bàn xã. Trong đó, tập trung vào ba giải pháp đó là: một là, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng; hai là, tu bổ, tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử; ba là, tăng cường sự quan tâm của các cấp các ngành.

Tiểu kết chương 3:

Như vậy những giá trị tiêu biểu của hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn trên các phương diện lịch sử, văn hóa tâm linh và giáo dục truyền thống; đồng thời đánh giá thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong giai đoạn hiện nay. Qua nghiên cứu có thể thấy, hệ thống đình làng ở Thanh Sơn là

nguồn di sản văn hóa quý báu, phản ánh quá trình hình thành làng xã, đời sống tín ngưỡng và truyền thống yêu nước của cộng đồng cư dân địa phương.

Những kết quả đạt được trong công tác bảo tồn như sự quan tâm của chính quyền địa phương, vai trò của cộng đồng dân cư và hoạt động xã hội hóa di tích, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và hạn chế như sự xuống cấp của một số đình làng, nguồn kinh phí tu bổ còn hạn hẹp, công tác quản lý chưa đồng bộ và việc khai thác giá trị di tích phục vụ giáo dục, du lịch văn hóa còn chưa tương xứng với tiềm năng.

Trên cơ sở đó, chương đã đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn như nâng cao nhận thức cộng đồng, đẩy mạnh công tác tu bổ tôn tạo di tích, tăng cường vai trò quản lý của các cấp chính quyền và gắn bảo tồn di sản với phát triển văn hóa - du lịch địa phương. Những giải pháp này không chỉ góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống mà còn tạo động lực cho sự phát triển bền vững của địa phương trong bối cảnh hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên khá thuận lợi, với nguồn tài nguyên phong phú. Vì vậy người Việt sớm chọn nơi đây để sinh cơ lập nghiệp, từ xa xưa đông đảo các dân tộc anh em đã về đây lập làng lập xóm. Đây là cơ sở quan trọng, là nền tảng để xây dựng nên một truyền thống văn hóa đa dạng, phong phú nhưng cũng rất thống nhất. Đồng thời qua những di tích này với các lễ hội gắn liền thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân các dân tộc trên địa bàn từ đời này qua đời khác. Nó được thể hiện sâu sắc qua tín ngưỡng thờ thần, Phật của nhân dân. Trong các đình làng xã Thanh Sơn thường thờ thánh Quý Minh Đại Vương là chủ yếu, ngoài ra cũng có một số vị thần, thánh khác nhưng nhìn chung người dân đều cho rằng họ là người có công với nước với dân và xứng đáng được tôn vinh thờ cúng.

Về kiến trúc và điêu khắc nó mang nét chung của lối kiến trúc điêu khắc của Việt cổ, đặc biệt là sự ảnh hưởng của vùng đồng bằng Bắc Bộ, như cách chọn đất dựng đình theo thuật phong thủy, cách chọn mặt bằng theo hình thế chữ Nhị và chữ Đinh, cách trang trí đình theo các bộ “tứ linh”, “tứ quý”. Các gian được tạo bởi các vì kèo và được nối với nhau bởi các xà và hoành chắc chắn. các vì kèo chủ yếu được làm theo lối “chồng rường”, “Tiền kê hậu bẩy”. Tuy nhiên tùy theo điều kiện mỗi nơi mà các công trình được xây dựng với các cấp độ, quy mô khác nhau. Nhưng phần lớn ở xã Thanh Sơn các công trình này thường được thể hiện một cách mộc mạc, giản dị, gần gũi với tự nhiên và con người nơi đây, trong các công trình kiến trúc này thường chỉ có các tác phẩm điêu khắc mang chủ đề các con vật linh.

Đối với lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần đình làng là biểu tượng linh thiêng để cư dân chọn làm nơi gửi gắm lòng tin, niềm hy vọng để vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Trong những dịp lễ hội nhiều trò chơi dân gian vui nhộn được tổ chức, mọi người tham gia hồ hởi say mê quên mình, trong tiếng reo hò cổ vũ. Như vậy qua những lễ hội là điều kiện để cư dân trong và ngoài địa bàn giao lưu cộng cảm, thậm chí có những đôi trai gái hẹn ước và nên duyên chồng vợ từ đây. Chính những nét đẹp đó của lễ hội đã tạo nên sự hấp dẫn cuốn hút con người vào lối sống thanh bạch trong lành đặc biệt đối với lớp trẻ sức mạnh của nền văn hóa truyền thống như một liều kháng thể giúp họ vượt qua những cám dỗ từ mặt trái của xã hội. Về niên đại. Các di tích này không có sự đồng nhất về thời gian khởi dựng. Các đình làng có thời gian rải rác từ thế

kỷ XIII - XIX, thậm chí có di tích được khởi dựng vào khoảng đầu thế kỷ XX. Nhưng phần lớn là vào thời Lê đầu Nguyễn.

Bên cạnh những giá trị nổi bật, hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn hiện nay cũng đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị. Dưới tác động của thời gian, điều kiện tự nhiên và quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều đình làng đã có dấu hiệu xuống cấp về kiến trúc và cảnh quan. Một số hạng mục công trình bị hư hỏng, mối mọt, dột nát hoặc đã qua nhiều lần tu sửa nên phần nào làm mất đi yếu tố nguyên gốc. Ngoài ra, nguồn kinh phí dành cho công tác trùng tu, tôn tạo di tích còn hạn chế; việc quản lý và khai thác giá trị di tích ở một số nơi chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả. Quá trình đô thị hóa, sự thay đổi trong đời sống xã hội hiện đại và sự tác động của các loại hình văn hóa mới cũng khiến vai trò của đình làng trong đời sống cộng đồng có những thay đổi nhất định. Một bộ phận người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, chưa thực sự hiểu rõ giá trị lịch sử và văn hóa của đình làng, dẫn đến nhận thức về việc bảo tồn di sản chưa đồng đều. Việc khai thác giá trị đình làng phục vụ giáo dục truyền thống, nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch văn hóa - tâm linh tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có

Hệ thống đình làng ở xã Thanh Sơn khá nhiều song nó lại phân bố rải rác. Nhiều di tích được giữ gìn bảo quản hoặc qua một số lần trùng tu và đến nay nhiều công trình di tích đã có một diện mạo khang trang hơn như; Đình Yên Chi, Đình Ác, Đình Hữu Thường... Tuy nhiên do một số thôn điều kiện kinh tế, giao thông khó khăn nên các di tích còn chưa được tu bổ để xứng đáng với tầm vóc văn hoá lịch sử của nó, chẳng hạn như Đình làng Mèn (thôn Mèn) hoặc Đình Nénh (Thôn Thành Bắc). Trong khi đó Đình làng Ác là hiện thân, minh chứng cho một thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược hào hùng của nhân dân xã Thanh Sơn và Đình Ác cũng là một trong hai di tích của xã được cấp là di tích văn hoá lịch sử cấp quốc gia.

Qua tìm hiểu nghiên cứu về một số ngôi đình của xã Thanh Sơn tôi thấy được ý nghĩa, giá trị to lớn về tiềm năng du lịch, xã hội, văn hóa tinh thần, giáo dục tư tưởng đối với cư dân trên địa bàn, nhưng đồng thời tôi cũng thấy được mặt tồn tại một số di tích đang bị thời gian phá hủy, không được tôn tạo chăm sóc để xứng đáng với tên tuổi của nó, vì vậy tôi mạnh dạn đưa ra đề xuất với các ban ngành quản lý như sau:

Để hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn tiếp tục được bảo tồn và phát huy hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, cơ quan văn hóa và cộng đồng dân cư địa phương. Trước hết cần nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, về vai trò và giá trị của đình làng trong đời sống văn hóa truyền thống. Đồng thời cần tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích theo hướng khoa học, đảm bảo giữ gìn tối đa các yếu tố nguyên gốc của di tích. Việc bảo tồn đình làng cũng cần gắn với bảo tồn không gian văn hóa truyền thống, phục dựng và duy trì các lễ hội, phong tục, trò chơi dân gian nhằm phát huy giá trị văn hóa phi vật thể gắn liền với di tích.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh việc khai thác giá trị của hệ thống đình làng phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch văn hóa - tâm linh. Nếu được đầu tư và khai thác hợp lý, hệ thống đình làng tại xã Thanh Sơn không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương mà còn tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Đây cũng là cách để các giá trị văn hóa truyền thống được tiếp tục lưu giữ và lan tỏa trong đời sống hiện đại

Cuối cùng là nhà nước cần có sự phối hợp với Sở văn hóa, ban quản lý di tích chung tay xây dựng khôi phục lại một số di tích đang bị mai một theo thời gian. Cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, lập hồ sơ lưu giữ và quản lý cho các di tích, đảm bảo các thông tin tương đối đầy đủ nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập. Tập trung vốn đầu tư xây dựng tôn tạo các di tích trọng điểm góp phần đẩy mạnh loại hình kinh tế du lịch, dịch vụ, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đào Duy Anh (1994), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd
- [2]. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (1995), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình*, tập 1, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xuất bản, Ninh Bình.
- [3]. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nho Quan (2005), *Lịch sử đảng bộ huyện Nho Quan (1930 – 2000)*, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nho Quan xuất bản, Ninh Bình.
- [4]. Ban chấp hành Đảng bộ xã Sơn Thành (2000), *Lịch sử Đảng bộ xã Sơn Thành, tập 1 (1930 – 1975)*, Ban chấp hành Đảng bộ xã Sơn Thành xuất bản, Ninh Bình.
- [5]. Ban chấp hành Đảng bộ xã Thượng Hòa (2000), *Lịch sử Đảng bộ xã Thượng Hòa (1930 – 1975)*, Ban chấp hành Đảng bộ xã Thượng Hòa xuất bản, Ninh Bình.
- [6]. Ban chấp hành Đảng bộ xã Thanh Lạc (2014), *Lịch sử Đảng bộ xã Thanh Lạc (1946 – 2010)*, Ban chấp hành Đảng bộ xã Thanh Lạc xuất bản, Ninh Bình.
- [7]. Ban chấp hành Đảng bộ xã Văn Phú (2013), *Lịch sử Đảng bộ xã Văn Phú (1947 – 2010)*, Ban chấp hành Đảng bộ xã Văn Phú xuất bản, Ninh Bình.
- [8]. Lã ĐăngBAT, Nguyễn Thị Kim Khánh (2010), *Nho Quan miền đất cổ*. NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [9]. Trần Lâm Biền (2017), *Đình làng Việt*, NXB. Hồng Đức, Hà Nội.
- [10]. Trịnh Thị Bích (2014), *Tìm hiểu một số di tích lịch sử chưa được xếp hạng tại xã Trường Yên (Hoa Lư - Ninh Bình)*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Hoa Lư.
- [11]. Nguyễn Đăng Dung (2001), *Văn hóa tâm linh*, NXB Văn hóa - Thông tin
- [12]. Lê Tâm Đắc (2014), Một số đặc điểm thờ cúng Sơn Tinh- Tản Viên ở Miền Bắc, *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
- [13]. Bùi Xuân Đính (1985), *Lệ làng, phép nước*, NXB, Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [14].Trịnh Thị Minh Đức, Phạm Thu Hương (2007), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [15].Lê Thanh Đức (2001), *Đình làng miền Bắc*, NXB. Mỹ thuật, Hà Nội.
- [16].Đỗ Danh Gia - Hoàng Linh (2010), *Địa danh ở tỉnh Ninh Bình*, NXB. Thanh niên, Hà Nội.
- [17].Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình (2011), *Tuyển tập tác phẩm văn học Ninh Bình ngàn năm*, NXB. Văn học, Hà Nội.
- [18].Vũ Ngọc Khánh (2002), *Thành hoàng làng Việt Nam*, NXB. Thanh niên, Hà Nội.
- [19].Nguyễn Văn Kự, Hà Văn Tấn (1998), *Đình Việt Nam*, NXB Tp Hồ Chí Minh.
- [20].Vũ Tam Lang (1991), *Kiến trúc cổ Việt Nam*, NXB. Xây dựng, Hà Nội.
- [21].Nguyễn Phương Loan (2017), *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa đình – đền Kim Liên, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hóa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
- [22].Nguyễn Tử Mẫn (2001), *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23].Đặng Công Nga (2003), “Châu Ninh Hóa (Hòa Bình)” *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2003*, Viện Khảo cổ học.
- [24].Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [25].Trương Hữu Quýnh, Phan Ngọc Liên, Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Văn Am (1989), *Lịch sử địa phương*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
- [26].Phòng nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh (1979), *Lịch sử Đảng bộ Hà Nam Ninh*, tập 1.
- [27].Phòng nghiên cứu Lịch sử Hà Nam Ninh (1988), *Lịch sử Đảng bộ Hà Nam Ninh*, tập 1.

- [28]. Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình (2012), *Lý lịch di tích đình làng Lão Cầu xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình.
- [29]. Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình (2012), *Lý lịch Đình Hàng Xã*, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Ninh Bình.
- [30]. Vũ Thanh Sơn (2002), *Thần linh đất Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [31]. Lê Tắc (2002), *An Nam chí lược*, NXB. Lao Động, , Hà Nội.
- [32]. Lê Đức Tiết (1998), *Hương ước lệ làng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [33]. Nguyễn Khắc Thái (2011), *Tìm hiểu đền, chùa, đình làng ở huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên trước năm 1945*, luận văn thạc sĩ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
- [34]. Dương Thị The (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu XIX, các tỉnh từ Nghệ An trở ra*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [35]. Phan Xuân Thành (2002), *Đình Võ Liệt trong bối cảnh đình làng Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ Khảo cổ học, Viện khảo cổ học, Hà Nội.
- [36]. Trần Mạnh Thường (1999), *Đình chùa lăng tẩm nổi tiếng Việt Nam*, NXB. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [37]. Nguyễn Anh Tuấn (1996), *Cụm đình Tam Canh trong hệ thống đình làng Vĩnh Phú*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [38]. Viện Bảo tồn di tích (2017), *Kiến trúc Đình làng Việt qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích (tập 1)*, NXB. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [39]. Viện nghiên cứu Hán Nôm (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ An trở ra)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [40]. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [41]. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ HÌNH ẢNH ĐÌNH LÀNG TẠI XÃ THANH SƠN



**Hình1: Hiện vật tại đình Vân Trình
(Mai Trung Hiếu 10/3/2026)**



**Hình2 : Sân đình và bái đường tại
đình Vân Trình (Mai Trung Hiếu
10/3/2026)**



**Hình3: Kết cấu mái xà tại đình Vân
Trình(Mai Trung Hiếu, 10/3/2026)**



**Hình4: Hồ bán nguyệt trước đình
Vân Trình(Mai Trung Hiếu,
10/3/2026)**



***Hình5:Cổng vào và sân trước đình
làng Yên Chỉ (Mai Trung Hiếu,
28/3/2026)***



***Hình6:Bia cây di văn hóa tại
đình Yên Chỉ (Mai Trung Hiếu,
28/3/2026)***



***Hình ảnh 7: Đình làng Nénh (Mai
Trung Hiếu, 28/3/2026)***



***Hình ảnh 8: Đình làng Hưu
Thường đang trong quá trình tu
bổ (Mai Trung Hiếu, 28/3/2026)***



Hình ảnh 9: Khu vực Hậu cung tại đình Bền Lược (Mai Trung Hiếu, 14/2/2026)



Hình ảnh 10: Bia đá được dựng bên ngoài sân đình Bền Lược (Mai Trung Hiếu, 14/2/2026)



Hình ảnh 11: Sân trước tại đình Làng lão (Mai Trung Hiếu, 14/2/2026)



Hình ảnh 12: Bia đá ngoài sân trước tại đình Làng lão (Mai Trung Hiếu, 14/2/2026)



Hình ảnh 13: Sân trước tại đình Vân Trung (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 14: Hồ bán nguyệt trước sân đình Vân Trung (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 15: Kết cấu mái xà khu vực bài đường tại đình Vân Trung (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 16: Nghệ thuật điêu khắc tại đình Vân Trung (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 17: Sân trước của đình làng Ác (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 17: Câu đối được đắp trên trụ biểu tại đình làng Ác (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 19: Lưu hương cổ được làm bằng đồng thau tại đình Hàng Xã (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)



Hình ảnh 20 : Kết cầu mái xà ở Hậu Cung tại đình Hàng Xã (Mai Trung Hiếu, 30/3/2026)